

TUYỂN TẬP CÁC BÀI THAM LUẬN VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ Y TẾ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG

TÁC GIẢ: GS. TSKH. BS. DƯƠNG QUÝ SỸ

Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển Nhân Lực
Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng
Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam



Năm 2025

TOÀN VĂN PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM TẠI HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 4 NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ



*Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu chỉ đạo Hội nghị quán triệt các Nghị quyết trung ương.
(Ảnh VGP/Nhật Bắc)*

Thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương,

Thưa các đồng chí đảng viên và đồng bào,

Hôm nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức Hội nghị toàn quốc để quán triệt và triển khai thực hiện 04 nghị quyết hết sức quan trọng của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 59 về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 70 về Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71 về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72 về Một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Trong đó Nghị quyết 59 là một trong bốn Nghị quyết trụ cột đã đề cập trong buổi triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị vào ngày 18/05/2025. Ba nghị quyết còn lại là 3 Nghị quyết chuyên đề. Ba nghị quyết này tiếp nối và bổ sung mạnh mẽ cho "Bộ tứ Nghị quyết" chiến lược, tạo nên một chỉnh thể thống nhất, mũi đột phá để hiện thực hóa hai mục tiêu 100 năm, xây dựng một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, trường tồn và bền vững.

Triển khai sớm để tổ chức thực hiện, Quốc hội sẽ thể chế hóa bằng pháp luật và công tác triển khai tinh thần các Nghị quyết này vào nội dung kỳ họp thứ 10 Quốc hội

khóa XV (Kỳ họp cuối cùng của nhiệm kỳ). Các đảng bộ Trung ương và các địa phương triển khai ngay vào văn kiện và kế hoạch hành động tại Đại hội đảng bộ các cơ quan và địa phương, chuẩn bị tốt Đại hội XIV của Đảng và cả hệ thống chính trị triển khai ngay trong năm 2025 để hoàn thành mục tiêu, kế hoạch nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng và chuẩn bị tốt công tác hoàn thành nhiệm vụ của giai đoạn mới. Tinh thần là rất khẩn trương. Tôi đánh giá cao nội dung báo cáo và đề xuất triển khai thực hiện của đồng chí Thủ tướng và các đồng chí.

Tôi cho rằng: Tinh thần xuyên suốt của Nghị quyết 59 và Ba nghị quyết 70-71-72 là chuyển nhanh từ "ban hành chủ trương" sang "quản trị thực thi", lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo. Mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm biến nội dung các Nghị quyết thành công việc hằng ngày, thành chương trình hành động cụ thể, có nguồn lực, có thời hạn, có chỉ số đo lường, có giám sát và giải trình. Tôi đề nghị toàn hệ thống chính trị quán triệt và thực hiện nghiêm một số nguyên tắc trong quá trình triển khai các Nghị quyết này, đó là: 5 nhất quán (chính trị-pháp lý-dữ liệu- phân bổ nguồn lực -truyền thông); 3 công khai (mục tiêu- tiến độ-kết quả); 3 sớm (sớm hoàn thiện thể chế- sớm khởi động dự án trọng điểm- sớm bố trí vốn) và 5 rõ (rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả) và triển khai ngay các nội dung Nghị quyết trong thời gian sớm nhất ở tất cả các cấp.

Đề bảo đảm chỉ đạo thống nhất, điều phối nhịp nhàng và "đến được cơ sở", cần thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương đối với từng Nghị quyết hoặc Ban chỉ đạo Trung ương về việc triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị (vấn đề này các đồng chí tính toán thêm). Bên cạnh đó, cần xây dựng "bảng điều khiển số" công khai, cập nhật theo tuần và theo tháng, theo dõi các chỉ số cốt lõi, các nút thắt, tiến độ thực hiện của từng Nghị quyết. Trách nhiệm của từng cấp ủy Đảng, của Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương và của nhân dân. Đồng thời, có thể mời các nhóm chuyên gia độc lập, bộ phận giám định chính sách tham gia thẩm định giải pháp, đánh giá, phản biện khách quan.

Tôi cũng xin nhấn mạnh một số định hướng, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của từng Nghị quyết, đồng thời làm rõ mối liên hệ biện chứng, bổ trợ lẫn nhau giữa các Nghị quyết được triển khai hôm nay.

Đối với Nghị quyết 59: (1) Xác định rất rõ hội nhập quốc tế là động lực chiến lược trên cơ sở nội lực có vai trò quyết định, gia tăng nội lực đi đôi với tranh thủ ngoại lực, gắn kết chặt chẽ hội nhập với bảo vệ lợi ích quốc gia, vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Bảo đảm các nguyên tắc về tâm thế, vị thế mới, tư duy và cách tiếp cận mới về hội nhập quốc tế, chuyển từ tư duy tiếp nhận sang tư duy đóng góp, từ hội nhập chung sang hội nhập đầy đủ, từ vị thế một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới. (2) Hội nhập đồng bộ, toàn diện, sâu rộng. Các lĩnh vực hội nhập phải gắn kết chặt chẽ, bổ sung cho nhau trong một chiến lược tổng thể, có trọng tâm, trọng điểm, có chọn lọc với lộ trình và bước đi phù hợp. Trong đó, hội nhập kinh tế được xác định là trung tâm, hội nhập trên các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế với ưu tiên hàng đầu là cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số. Hội nhập về chính trị, an ninh, quốc phòng phải hướng tới mục tiêu nâng cao tiềm lực, vị thế đất nước, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được xác định là đột phá quan trọng hàng đầu, hướng tới việc đưa các chuẩn mực, quy định về khoa học, công nghệ trong nước tiệm cận với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến. Đẩy mạnh hội nhập toàn diện về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục-đào tạo, y tế và các lĩnh vực

khác, nhằm phát huy, quảng bá văn hóa dân tộc, tăng cường hợp tác về nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đổi mới, nâng tầm chất lượng giáo dục trong nước ngang tầm khu vực và quốc tế, phát triển con người Việt Nam sánh vai cùng bạn bè quốc tế cả về trí tuệ và thể chất. (3) Nâng cao năng lực thực thi và hoàn thiện thể chế, chính sách, khắc phục điểm nghẽn về thực thi cam kết, thỏa thuận quốc tế, đẩy mạnh rà soát, nội luật hoá pháp luật quốc tế để thực hiện đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các nghĩa vụ, cam kết của ta. Tận dụng hiệu quả các cam kết, thỏa thuận, liên kết kinh tế quốc tế, nhất là các FTA thế hệ mới để tăng cường đan xen lợi ích, không phụ thuộc vào một số ít đối tác. Khắc phục hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt nâng cao hiệu quả của hội nhập quốc tế, trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10 tới đây. (4) Đẩy mạnh thu hút FDI chất lượng cao, nhất là các tập đoàn lớn toàn cầu, có vai trò dẫn dắt một số chuỗi cung ứng quan trọng như công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...; ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có tác động lan toả, các khu công nghiệp sinh thái - thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo, logistics, các dự án cơ sở hạ tầng chiến lược, trong đó có hạ tầng giao thông. Khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, kinh doanh có hiệu quả ở nước ngoài, xây dựng các thương hiệu quốc gia mang tầm quốc tế. (5) Phát huy vai trò trung tâm, sự tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo của cả người dân, doanh nghiệp, địa phương trong gắn kết hội nhập quốc tế và hội nhập trong nước, kết nối giữa các vùng, miền, địa phương, kết nối giữa các ngành, lĩnh vực, kết nối giữa nghiên cứu và triển khai, góp phần cụ thể trong củng cố vị thế chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia, nâng tầm ảnh hưởng của đất nước trên bản đồ thế giới.



Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ đạo từ nay đến 2030, chúng ta phấn đấu dự phòng công suất tối thiểu 15%, giảm tổn thất điện năng đáng kể - (Ảnh VGP/Nhật Bắc).

Đôi với Nghị quyết 70: Mục tiêu cốt lõi là hệ thống năng lượng phải an toàn, ổn định, có dự phòng tin cậy; cung cấp đủ cho sản xuất và đời sống; chuyển dịch theo hướng xanh, phát thải thấp; vận hành thông minh trên nền tảng số và đảm bảo chi phí hợp lý, minh bạch. Từ nay đến 2030, chúng ta phấn đấu dự phòng công suất tối thiểu 15%, giảm tổn thất điện năng đáng kể; tăng tỷ trọng năng lượng sạch phù hợp quy hoạch; xây dựng các cơ chế thị trường điện cạnh tranh, minh bạch, có lộ trình vững chắc.

Về giải pháp, chúng ta có 10 nhóm trọng điểm. *Một là*, cân bằng cung-cầu theo vùng, cập nhật quy hoạch đồng bộ nguồn-lưới, chốt danh mục dự án then chốt. *Hai là*, đầu tư mạnh mẽ truyền tải và lưu trữ-nhất là các tuyến 500kV, lưới điện thông minh, thí điểm hệ thống lưu trữ năng lượng tại các nút nghẽn. *Ba là*, huy động vốn đa dạng: đối tác công-tư, trái phiếu xanh, hợp đồng mua bán điện với phân bổ rủi ro hợp lý; áp dụng cơ chế thanh toán theo công suất khả dụng cho các nguồn linh hoạt. *Bốn là*, phát triển thị trường điện cạnh tranh theo lộ trình, chuẩn hóa cơ chế giá tham chiếu dài hạn, nâng cao minh bạch. *Năm là*, đa dạng hóa nhiên liệu và dự phòng LNG, đảm bảo năng lực kho, tuyến ống, hợp đồng dài hạn, dự phòng than/khí chiến lược. *Sáu là*, thúc đẩy hiệu quả năng lượng và quản lý nhu cầu, áp dụng giá theo thời gian sử dụng, yêu cầu tiết kiệm bắt buộc ở phụ tải lớn. *Bảy là*, phát triển năng lượng tái tạo theo "tư duy hệ thống": đấu thầu cạnh tranh, quy hoạch đồng bộ nguồn-lưới-lưu trữ, chia sẻ chi phí đầu nối công bằng. *Tám là*, bảo vệ nhóm dân cư dễ bị tổn thương và bảo đảm điện cho công nghiệp nền tảng thông qua các gói hỗ trợ mục tiêu, có thời hạn, minh bạch nguồn bù. *Chín là*, chuyển đổi số ngành điện: đo xa, dữ liệu thời gian thực, dự báo phụ tải bằng trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng. *Mười là*, phát triển nhân lực và nội địa hóa: đào tạo kỹ sư hệ thống, công nghiệp phụ trợ.

Xác định đột phá trong chiến lược bảo đảm an ninh năng lượng, phát triển bền vững và hiện thực hóa cam kết Net Zero vào năm 2050. Chú trọng ba điểm: Cải cách thể chế; tạo thuận lợi thu hút nguồn lực xã hội, nhất là khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào đầu tư năng lượng tái tạo, truyền tải, phân phối điện. Bảo đảm nguyên tắc phát triển năng lượng phải phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường phục vụ cho phát triển.

Đôi với Nghị quyết 71: Xác định rõ giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, động lực then chốt để phát triển đất nước. Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư, bồi đắp, nâng cao "nguyên khí quốc gia", chính là đầu tư cho tương lai của dân tộc. Đây là lĩnh vực then chốt của mọi then chốt, là động lực căn cơ của tăng năng suất, bứt phá năng lực cạnh tranh quốc gia, nuôi dưỡng khát vọng phát triển. Giáo dục và đào tạo theo phương châm "Lấy chất lượng làm trục-lấy nhà giáo làm then chốt-lấy công nghệ làm đòn bẩy."

Về giải pháp, có 8 nhóm chủ đạo. *Một là*, xây dựng chuẩn đầu ra quốc gia theo bậc học, nghề; triển khai kiểm định bắt buộc, bảng xếp hạng công khai gắn sứ mệnh. *Hai là*, đổi mới chương trình và đánh giá, giảm bệnh thành tích, chống dạy thêm tràn lan; triển khai đánh giá chuẩn hóa, chú trọng kỹ năng cốt lõi. *Ba là*, đột phá đội ngũ nhà giáo: chuẩn nghề nghiệp mới, đãi ngộ gắn với hiệu quả, học bổng thu hút sư phạm, bồi dưỡng số, bảo đảm đạo đức và danh dự nhà giáo. *Bốn là*, thúc đẩy tự chủ đại học đi đôi trách nhiệm giải trình; đồng kiến tạo chương trình với doanh nghiệp; tăng cường thực tập có lương; xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo. *Năm là*, nâng cấp giáo dục nghề nghiệp gắn chuỗi cung ứng, học thật-làm thật theo mô hình kép; công nhận chứng chỉ

kỹ năng số; đánh giá bởi doanh nghiệp. *Sáu là*, chuyển đổi số trong giáo dục: học liệu mở quốc gia, hồ sơ học tập điện tử suốt đời, nền tảng thi cử an toàn, bảo đảm an ninh dữ liệu. *Bảy là*, tài chính giáo dục có mục tiêu: quan tâm hỗ trợ nhóm yếu thế bằng những giải pháp phù hợp (không phải là chiếu cố); quỹ phát triển kỹ năng, cơ chế đặt hàng đào tạo theo nhu cầu vùng-ngành. *Tám là*, quốc tế hóa: công nhận tín chỉ, chương trình liên kết, thu hút chuyên gia quốc tế, nâng chuẩn ngoại ngữ theo ngành.



Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư, bồi đắp, nâng cao "nguyên khí quốc gia", chính là đầu tư cho tương lai của dân tộc – (Ảnh VGP/Nhật Bắc).

Đôi với Nghị quyết 72: Dự phòng là then chốt-Cơ sở là nền tảng-Nhân dân là trung tâm. Mục tiêu là tăng tuổi thọ khỏe mạnh, giảm chi trả cho người bệnh, số hóa hệ thống, củng cố y tế cơ sở, nâng cao chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của người bệnh, người dân.

Có chín nhóm giải pháp cần tập trung. *Một là*, tăng cường y tế dự phòng và sức khỏe cộng đồng: tiêm chủng, dinh dưỡng, phòng chống bệnh không lây; giám sát dịch tễ thời gian thực. *Hai là*, phát triển y tế cơ sở và bác sĩ gia đình: nâng cấp trạm y tế, triển khai gói dịch vụ cơ bản, liên thông các tuyến bệnh viện. Phát triển cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người già neo đơn. *Ba là*, bảo hiểm y tế toàn dân đi đôi chi trả theo giá trị: mở rộng quyền lợi, giảm chi phí cho người bệnh. *Bốn là*, phát huy tự chủ bệnh viện có kiểm soát: giá dịch vụ theo chi phí thực, công khai chất lượng, mua sắm tập trung minh bạch, chống lợi ích nhóm. *Năm là*, bảo đảm an ninh dược, trang thiết bị, vắc-xin: đầu thầu điện tử, khuyến khích sản xuất trong nước đạt chuẩn quốc tế. *Sáu là*, chú trọng sức khỏe tinh thần và bệnh nghề nghiệp, lồng ghép tại y tế cơ sở, trường học, nơi làm việc. *Bảy là*, y tế học đường toàn diện: dinh dưỡng, thể chất, sức khỏe sinh sản vị thành niên; liên thông dữ liệu với hồ sơ học tập. *Tám là*, chuyển đổi số y tế: hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, đơn thuốc điện tử, khám chữa bệnh từ xa, kho dữ liệu dùng chung. *Chín là*, phát

triển nhân lực y tế: chuẩn năng lực, chế độ đãi ngộ, liên thông đào tạo -hành nghề, cơ chế thu hút về cơ sở. Phấn đấu toàn dân "Khỏe để học-Khỏe để làm việc-Khỏe để hạnh phúc- Khỏe để bảo vệ tổ quốc."

Thưa các đồng chí,

Động lực phát triển mới của đất nước hình thành từ chính các mối liên kết hữu cơ giữa các nghị quyết. Hội nhập quốc tế là cánh cửa vươn ra thế giới; Năng lượng ổn định và xanh là điều kiện cần cho sản xuất, cho trường học, bệnh viện; Giáo dục-đào tạo chất lượng cao cung cấp đội ngũ kỹ sư hệ thống, bác sĩ, nhà quản trị dịch vụ công tương lai; Y tế hiện đại, dự phòng vững, chăm sóc tốt giúp người dân khỏe mạnh để học, để làm, để sáng tạo. Những trụ đỡ này được củng cố đồng thời bằng thể chế thông suốt, kỷ luật thực thi nghiêm, dữ liệu dẫn dắt và phân bổ nguồn lực thông minh. Khi từng bánh răng vận hành đúng nhịp, cỗ máy phát triển quốc gia sẽ tăng tốc bền bỉ.

Tôi đề nghị mỗi bộ, ngành, địa phương, mỗi đơn vị, mỗi cán bộ, đảng viên bắt tay ngay vào việc với tinh thần "nói đi đôi với làm", "việc hôm nay không để ngày mai". Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả, không đùn đẩy, không né tránh. Từng quý, từng năm, chúng ta kiểm điểm nghiêm túc, công khai minh bạch, khen thưởng xứng đáng người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đồng thời xử lý nghiêm sai phạm, tiêu cực.

Thưa các đồng chí,

Con đường phía trước còn nhiều việc phải làm, nhiều thách thức phải vượt qua; nhưng chúng ta có niềm tin vững chắc vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vào trí tuệ, bản lĩnh của đội ngũ cán bộ, đảng viên; vào khát vọng của thế hệ trẻ; vào sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp; vào sức sáng tạo của nhân dân. Bốn Nghị quyết được triển khai quyết liệt, đồng bộ sẽ bồi đắp thêm những động lực mới, tạo xung lực mạnh mẽ để ta bút phá, thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược, làm cho đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, nhân dân ta ngày càng hạnh phúc.

Tôi kêu gọi toàn hệ thống chính trị, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, các nhà ngoại giao, đội ngũ trí thức, nhà giáo, thầy thuốc, công nhân, nông dân, thanh niên cả nước đồng lòng, đồng sức, chung tay thực hiện. Mỗi người một việc cụ thể, mỗi ngày một kết quả cụ thể, kiên trì, bền bỉ, có phương pháp, có kỷ luật, có sáng tạo. Hãy làm cho tinh thần các Nghị quyết được triển khai hôm nay thấm vào mọi cấp, mọi ngành, vào mọi thành phần xã hội, tới từng phường xã, làng bản, thôn xóm, tới từng lớp học, từng phân xưởng, từng cánh đồng, từng ngôi nhà, từng người dân; biến khát vọng thành hành động, biến hành động thành kết quả, biến kết quả thành niềm tin mới.

Một lần nữa, chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc, thành công. Xin trân trọng cảm ơn./.

LỜI TỰA

Tập san được ra đời sau khi tác giả được học tập quán triệt các Nghị quyết trung ương trong thời gian qua và trong một bối cảnh đặc biệt của đất nước đã hoàn thành tổ chức bộ máy chính quyền hai cấp, chuẩn bị tâm thế bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Sự ra đời của các Nghị quyết trung ương trong thời gian qua và mới đây đã tạo tiền đề và xung lực để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tạo sự đột phá phát triển về mọi mặt. Đặc biệt các quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương đã được Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam Tô Lâm trực tiếp quán triệt tại các Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai các Nghị quyết trung ương.

Dưới tầm nhìn mang tính thời đại và tư duy chiến lược của Bộ Chính trị, một “bức tranh tổng thể và toàn diện” về quan điểm chỉ đạo, giải pháp đột phá đã định hướng cho một giai đoạn sẽ phát triển vượt bậc của đất nước: Nghị quyết 57-NQ/TW về khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo xác lập tri thức công nghệ cao, dữ liệu số hóa và AI là “động lực tạo đột phá tăng trưởng”; Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế yêu cầu đổi ngoại chủ động, “vừa hội nhập vừa khẳng định vị thế”, phát huy nội lực, tận dụng ngoại lực; Nghị quyết 70-NQ/TW về an ninh năng lượng bảo đảm nguồn lực cho “chuyển đổi năng lượng xanh – năng lượng sạch”; Nghị quyết 71-NQ/TW tạo đột phá giáo dục và đào tạo theo chuẩn mực quốc tế, “xây dựng nền giáo dục nước nhà tiên tiến và tinh hoa”; Nghị quyết 72-NQ/TW tạo đột phá trong chăm sóc sức khỏe tuổi thọ, chuyển trọng tâm sang phòng bệnh sớm, số hóa hệ thống y tế quốc gia vì “một nước Việt Nam khỏe mạnh”.

Tám bài tham luận trong tập san với những chủ đề khác nhau cùng hướng tới một mục tiêu thể hiện tinh thần của các Nghị quyết trung ương về đột phá trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo và y tế, hội nhập quốc tế trong tình hình mới, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Nội dung các bài viết thể hiện tinh thần chung của các Nghị quyết trung ương là xây dựng thể chế hiện đại để biến chủ trương của Đảng thành năng lực vận hành của thiết chế Nhà nước, con người quản trị là chủ thể và đối tượng thụ hưởng là trung tâm. Các bài tham luận cũng khái quát lên được một phần các Nghị quyết trung ương tạo một khung chiến lược đồng bộ để tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững độc lập - tự chủ, bảo đảm tự cường - vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

TTƯ.T.GS.TSKH.BS. DƯƠNG QUÝ SỸ
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUỐC GIA GIÁO DỤC &
PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI Y HỌC GIÁC NGŨ VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỞNG CĐYT LÂM ĐỒNG

QUÊ HƯƠNG TÔI

Quê hương nơi tôi sinh ra đất nước yên bình hình chữ S,
Có tiếng mẹ ru câu hò ví dặm mỗi trưa hè,
Có cây đa giếng nước đầu làng ngọt mát,
Tan trường về theo bạn mãi hái hoa và bắt bướm.

Quê hương là nơi tôi lớn lên khi đất nước yên bình,
Hết đạn bom chia cắt Tổ quốc thành hai miền,
Hết mẹ ngóng con, vợ ngóng chồng về nơi tiền tuyến lịch sử,
Quê hương tôi thật hào hùng hai tiếng "Việt Nam".

Quê hương tôi là Hà Nội bốn nghìn năm Văn Hiến,
Đất Thủ đô nơi khí phách cách mạng hào hùng,
Quê hương tôi là Hồ Chí Minh - Thành phố đẹp rạng ngời mang tên Bác,
Dòng sông Hương xứ Huế thơ mộng chảy mỗi chiều về.

Quê hương là nơi tôi hồn nhiên cắp sách đến trường ngày hai buổi,
Đã xa rồi thời chiến tranh biên giới ngày xưa,
Nay thanh bình với Cao Bằng, Lạng Sơn,
Lai Châu, Sơn La trải rộng đến Tuyên Quang,
Mãi hào hùng với Điện Biên và thơ mộng bên Lào Cai mỗi xuân về.

Quê hương là đất nước thanh bình tôi dạo bước,
Về Hải Phòng, đến Quảng Ninh ngắm Vịnh Hạ Long - kỳ quan thế giới,
Qua Thanh Hóa, ghé Hà Tĩnh thổi hồn về xứ Nghệ,
Ngắm quê hương đẹp mãi qua Phú Thọ, Ninh Bình, Thái Nguyên, Bắc Ninh,
Về lại Hưng Yên ngắm cúc vàng khoe sắc.

Quê hương tôi mãi tự hào sử sách xẻ dọc Trường Sơn mở đường cứu nước,
Nay nối liền Quảng Trị, Quảng Ngãi, đến Đà Nẵng bên biển hiền hoà,
Đất nước vươn mình kỷ nguyên hội nhập và bứt phá,
Nhạc công chiêng nổi điệu nhảy cùng Lâm Đồng, Khánh Hòa, Gia Lai và Đắk Lắk,
Đế rộng vòng tay nối Đồng Nai và Tây Ninh nắng gió mùa hè.

Quê hương tôi mãi đẹp với Cần Thơ chợ nổi,
Với dòng sông Tiền lững lờ trôi bên Vĩnh Long, An Giang đến Đồng Tháp,
Đẹp thanh bình Cà Mau với dòng sông bắt nguồn từ biển,
Đất Mũi yên lành mùa gió chướng đắp trọt phù sa.

Quê hương là nơi tôi sinh ra trên đất nước hình chữ S,
Là Tổ quốc thân yêu rợp cờ đỏ sao vàng,
Quê hương ơi, đi xa rồi nhớ mãi,
Mãi hào hùng trong tim gọi hai tiếng "Việt Nam"./.

"Bài thơ Chào mừng Đất nước với 34 Tỉnh - Thành mới, đi vào hoạt động từ ngày 1/7". Bài thơ được GS. Dương Quý Sĩ viết từ cảm xúc khi học tập Nghị quyết và lắng nghe lời phát biểu Chỉ đạo của Tổng Bí Thư Tô Lâm quán triệt về việc sát nhập các tỉnh thành theo Nghị quyết TW "...Quê hương không phải là tên gọi một địa danh mà là Đất nước Việt Nam, là Tổ quốc Việt Nam...!".

Trân trọng cảm ơn Lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

"Từ những vần thơ giàu cảm xúc, tác giả đã phổ nhạc thành ca khúc

"Quê hương tôi", gửi gắm giai điệu tự hào:

<https://www.youtube.com/watch?v=paB1MZN-1UwU>

GS.TSKH. DƯƠNG QUÝ SĨ

MỤC LỤC

BÀI THAM LUẬN 1: NHỮNG QUAN ĐIỂM ĐỘT PHÁ CỦA NGHỊ QUYẾT 72-NQ/TW TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	1
BÀI THAM LUẬN 2: HỘI NHẬP QUỐC TẾ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG - SỨC MẠNH MỀM CỦA NGOẠI GIAO NHÂN DÂN VÀ SỨ MỆNH CỦA GIÁO DỤC & Y TẾ - KHOA HỌC & VĂN HÓA.....	6
BÀI THAM LUẬN 3: NHỮNG TƯ TƯỞNG CHỦ ĐẠO TRONG CÁC NGHỊ QUYẾT - CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN TRIẾT LÝ GIÁO DỤC TRONG THỜI ĐẠI SỐ.....	17
BÀI THAM LUẬN 4: THU HÚT, TRỌNG DỤNG VÀ ĐÁI NGỘ “NHÂN TÀI”: GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW.....	29
BÀI THAM LUẬN 5: GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CÁC NGÀNH CÔNG NGHỆ CAO THEO QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CỦA CÁC NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG	39
BÀI THAM LUẬN 6: HỘI NHẬP QUỐC TẾ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 71-NQ/TW	48
BÀI THAM LUẬN 7: ĐỊNH HƯỚNG QUYỀN TỰ CHỦ, TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG CÁC CƠ SỞ GDNN THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 71/NQ-TW.....	60
BÀI THAM LUẬN 8: XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC VIỆT NAM TIÊU BIỂU THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG.....	64
CÁC BÀI BÁO ĐĂNG ĐƯỢC TRÍCH TỪ NỘI DUNG BÀI THAM LUẬN	
BÁO ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ: NGHỊ QUYẾT 71: CÚ HÍCH ĐỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM VƯƠN TẦM QUỐC TẾ.....	81
BÁO ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ: HỘI NHẬP GIÁO DỤC: CẦN GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ VÀ CHÍNH SÁCH MẠNH MẼ	84
BÁO ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ: THU HÚT VÀ ĐÁI NGỘ NHÂN TÀI – GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT 71.....	89
BÁO CÔNG LUẬN: ĐỊNH HƯỚNG QUYỀN TỰ CHỦ, TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW	94
BÁO CÔNG LUẬN: NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW: NGỌN HẢI ĐĂNG DẪN DẮT GIÁO DỤC VIỆT NAM HỘI NHẬP VÀ PHỤNG SỰ TOÀN CẦU.....	102
BÁO CÔNG LUẬN: TRIẾT LÝ GIÁO DỤC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: TẦM NHÌN THỜI ĐẠI CỦA NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW.....	105
BÁO CÔNG LUẬN: THU HÚT, TRỌNG DỤNG VÀ ĐÁI NGỘ 'NHÂN TÀI': GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW.....	122
BÁO CÔNG LUẬN: 5 QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO MANG TÍNH ĐỘT PHÁ VÀ TẦM NHÌN THỜI ĐẠI CỦA NGHỊ QUYẾT 72-NQ/TW.....	136

BÀI THAM LUẬN 1:

**NHỮNG QUAN ĐIỂM ĐỘT PHÁ CỦA NGHỊ QUYẾT 72-NQ/TW
TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN THEO
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

1. Nghị quyết 72-NQ/TW kế thừa và phát huy những tinh hoa tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi sức khỏe là vốn quý nhất của con người và của cả dân tộc. Người từng căn dặn: *“Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công. Mỗi người dân yếu ớt tức là cả nước yếu ớt, mỗi người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe”* (trích Hồ Chí Minh Toàn tập). Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã dạy rằng: *“Bồi dưỡng sức khỏe cho nhân dân là trách nhiệm và nghĩa vụ của Đảng, Chính phủ, của ngành y tế và của toàn xã hội”* (Trích phát biểu về công tác y tế, năm 1955); đặc biệt Người cũng nhấn mạnh *“Thầy thuốc phải như mẹ hiền, hết lòng vì người bệnh, coi sự hài lòng và an toàn của nhân dân là thước đo cao nhất của y đức”* (Thư gửi Hội nghị cán bộ y tế, ngày 27/2/1955).

Việc kế thừa và phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sáng tạo trong công tác chăm sóc sức khỏe (CSSK) cho nhân dân trong suốt thời gian qua luôn được Đảng, Chính phủ, cả hệ thống chính trị và ngành y tế Việt Nam vận dụng triệt để vào thực tiễn và đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới, *“kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”*, cùng với sự đột phá về phát triển giáo dục và đào tạo (Nghị quyết 71-NQ/TW), đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết 57-NQ/TW), hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết 59-NQ/TW); công tác chăm sóc sức khỏe (CSSK) cho nhân dân phải được nâng lên một tầm cao mới, là tiền đề cho sự ra đời của Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị *“về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân”*.

Nghị quyết 72-NQ/TW đã nêu bật và làm sáng tỏ tính cấp thiết của việc xây dựng hệ thống y tế công bằng, nhân văn; lấy con người làm trung tâm, lấy dự phòng làm trọng yếu, lấy cơ sở làm nền tảng; nhằm hướng tới mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn dân, bảo đảm cho

mỗi người dân Việt Nam đều được “*khỏe để học, khỏe để làm việc, khỏe để hạnh phúc, khỏe để bảo vệ Tổ quốc*” (Trích dẫn lời phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm, Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết 59/70/71/72 của Bộ Chính trị; Hà Nội, ngày 16/9/2025). Những quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 72-NQ/TW được quán triệt tại Hội nghị toàn quốc đã khẳng định tầm nhìn chiến lược, quan điểm sâu sắc, giải pháp đột phá của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân dựa trên nền tảng tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh, hướng đến mục tiêu xây dựng “*một nước Việt Nam khỏe mạnh*”, mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe, sống lâu, sống khỏe, sống lành mạnh, nâng cao thể chất, ý thức bảo vệ sức khỏe và chủ động phòng ngừa bệnh tật trong toàn xã hội, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng trong kỷ nguyên mới.

2. Những quan điểm chỉ đạo mang tính đột phá và tầm nhìn thời đại của Nghị quyết 72-NQ/TW

2.1. Nghị quyết 72-NQ/TW khẳng định sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả dân tộc, là nhiệm vụ chính trị hàng đầu tạo sự đột phá.

Quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết 72-NQ/TW nhấn mạnh công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân không chỉ thuộc phạm vi ngành y tế mà còn là trách nhiệm chung của toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội. Người dân được xác định là trung tâm, vừa là đối tượng thụ hưởng, vừa là chủ thể tham gia. Đây là tư tưởng xuyên suốt, thể hiện tư duy đột phá, tầm nhìn thời đại khi đặt yếu tố công bằng, tiếp cận y tế và xây dựng văn hóa sức khỏe lên hàng đầu; đây cũng là nền tảng lý luận và cơ sở thực tiễn của công tác CSSK theo thể chế xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt quan điểm chỉ đạo quan trọng này của Nghị quyết 72-NQ/TW cũng đã được Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh và quán triệt sâu sắc tại Hội nghị quán triệt toàn quốc (Hà Nội, ngày 16.9.2025).

2.2. Nghị quyết 72-NQ/TW khẳng định sự đột phá quan trọng trong chuyển trọng tâm từ chữa bệnh sang phòng bệnh, tiếp cận quản lý sức khỏe theo vòng đời.

Đây là một quan điểm chỉ đạo theo hướng tiếp cận tiên tiến, hiện đại, tạo động lực cho sự đột phá trong công tác CSSK; mở ra hướng phát triển bền vững, giảm gánh nặng bệnh tật, chi phí và tạo nền tảng cho nâng cao thể chất, tuổi thọ và số năm sống khỏe mạnh. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 72-NQ/TW vừa mang tính đột phá, vừa có tính toàn

diện khi định hướng y tế dự phòng, y tế cơ sở và y học cổ truyền được coi là nền tảng, ưu tiên đầu tư đồng bộ; trạm y tế xã phải trở thành điểm tựa cho nhân dân, vừa thực hiện khám chữa bệnh cơ bản, vừa chủ động phòng chống dịch, chăm lo sức khỏe ban đầu.

Đặc biệt tại Hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương toàn quốc ngày 16/9/2025, Tổng Bí thư Tô Lâm cũng đã nhấn mạnh đến vai trò của mạng lưới bác sĩ gia đình trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em và người cao tuổi, gắn hoạt động CSSK người cao tuổi với những mô hình sinh hoạt cộng đồng tập trung, nhà an dưỡng, viện dưỡng lão trong ngày, giúp nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và thể chất của người cao tuổi. Quan điểm chỉ đạo này tạo động lực cho sự đột phá, phù hợp với mô hình CSSK của các nước tiên tiến trên thế giới, dựa trên nền tảng các hoạt động tư vấn, khám chữa bệnh tại cộng đồng, hộ gia đình, thông qua mạng lưới bác sĩ y học gia đình tại 34 tỉnh thành trong cả nước.

2.3. Nghị quyết 72-NQ/TW đưa ra quan điểm đột phá về tài chính y tế, bảo hiểm y tế toàn dân bền vững, chính sách miễn chi phí khám chữa bệnh cơ bản.

Đây là quan điểm chỉ đạo mang tính đột phá của Nghị quyết 72-NQ/TW, thể hiện sự đặc biệt quan tâm của Đảng ta trong công tác CSSK nhân dân, thể hiện tính nhân văn và công bằng xã hội, giúp giảm gánh nặng cho người dân, nhất là nhóm yếu thế. Cùng với đó, các cơ chế mới sẽ khuyến khích chi trả theo giá trị, lấy chất lượng làm trọng tâm, vừa bảo đảm an sinh, vừa thúc đẩy bệnh viện nâng cao hiệu quả hoạt động, tháo gỡ những điểm nghẽn hiện nay tại hệ thống các bệnh viện công lập về sự chênh lệch giữa thu viện phí theo định mức và giá thành dịch vụ y tế thực tế.

2.4. Nghị quyết 72-NQ/TW tạo sự đột phá mạnh mẽ cho hệ thống y tế tư nhân, đầu tư nguồn lực xã hội cho y tế, quản trị minh bạch và bảo đảm chất lượng.

Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 72-NQ/TW khẳng định phải tạo cơ chế thuận lợi, mang tính đột phá để huy động tối đa nguồn lực xã hội, nhưng đồng thời xây dựng hành lang pháp lý nghiêm ngặt, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán trong huy động nguồn lực xã hội; đồng bộ với các Luật hiện hành và các Luật dự kiến sẽ được xây dựng, giúp tháo gỡ nhiều điểm nghẽn, mở đường cho cải cách toàn diện ngành y tế theo hướng toàn diện, tiên tiến và hiện đại.

2.5. Nghị quyết 72-NQ/TW đưa ra quan điểm chỉ đạo tạo sự đột phá trong gắn kết chặt chẽ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nhân lực y tế.

Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 72-NQ/TW đồng bộ với các Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 59-NQ/TW, Nghị quyết 71-NQ/TW trong gắn kết thành tựu khoa học và công nghệ với y tế, chuyển đổi số trong quản lý hệ thống y tế, trí tuệ nhân tạo trong y học lâm sàng, đào tạo nguồn nhân lực y tế, thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực y tế chất lượng cao và nhân tài y tế; hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng nhằm tạo sự đột phá trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 72-NQ/TW nhấn mạnh việc cần phải có sự đột phá về khoa học và công nghệ trong quản trị hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, kết nối đơn thuốc điện tử, bệnh án điện tử và dịch vụ khám chữa bệnh từ xa gắn kết với các trung tâm chuyên sâu quốc gia và quốc tế; ứng dụng chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tư vấn phòng bệnh tuyến cơ sở, CSSK theo nguyên lý y học gia đình, kết nối dữ liệu y tế cơ sở với sức khỏe gia đình vào hồ sơ sức khỏe cá nhân và toàn dân, tạo sự minh bạch và thuận tiện, nhưng vẫn bảo đảm tính an toàn và bảo mật cá nhân, an ninh y tế. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 72-NQ/TW cũng nhấn mạnh đến sự tạo đột phá trong đào tạo đội ngũ cán bộ y tế, chuẩn hóa năng lực, nâng cao y đức và cải thiện chế độ đãi ngộ, nhất là ở tuyến cơ sở, tạo điều kiện và môi trường làm việc tốt nhất cho cán bộ y tế tại các tuyến.

Tóm lại, các quan điểm chỉ đạo mang tính đột phá của Nghị quyết 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đã thể hiện rõ sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh coi sức khỏe là vốn quý nhất, nhân dân là trung tâm, dự phòng là then chốt, y tế cơ sở, y học gia đình là nền tảng, gắn kết chặt chẽ với y học dự phòng và y học cổ truyền dân tộc. Nghị quyết 72-NQ/TW đưa ra những mục tiêu chiến lược chuyển trọng tâm từ chữa bệnh sang phòng bệnh, tiến tới miễn phí dịch vụ y tế cơ bản, phát triển nhân lực y tế chuyên sâu và chuyển đổi số toàn diện. Những quan điểm này không tách rời mà đồng bộ với các Nghị quyết chiến lược về giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ, hội nhập quốc tế; thể hiện tầm nhìn thời đại, tư duy chiến lược, giải pháp đột phá của Đảng Cộng sản Việt Nam phát huy và kế thừa xuất sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, lấy con người làm trung tâm, phát triển toàn diện cả về thể lực, trí lực và chất lượng dân số. Các quan điểm chỉ đạo mang tính đột phá của Nghị quyết 72-NQ/TW khẳng định quyết tâm chính trị cao của Bộ Chính trị và người đứng đầu là Tổng Bí thư Tô Lâm, sự đồng lòng thống nhất của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị, hướng đến mục tiêu xây dựng một hệ thống y tế Việt Nam hiện đại, công bằng, nhân văn, một “nước Việt Nam khỏe mạnh” và phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ hội nhập toàn cầu./.



GS. TSKH. BS. Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL

được vinh dự trao đổi với Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt các Nghị quyết trung ương
Hà Nội, ngày 16/9/2025



GS. TSKH. BS. Dương Quý Sỹ - Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL

được vinh dự kính chúc sức khỏe Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt các Nghị quyết trung ương
Hà Nội, ngày 16/9/2025

BÀI THAM LUẬN 2:

HỘI NHẬP QUỐC TẾ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG: SỨC MẠNH MỀM CỦA NGOẠI GIAO NHÂN DÂN VÀ SỨ MỆNH CỦA GIÁO DỤC VÀ Y TẾ - KHOA HỌC VÀ VĂN HÓA

Trong phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc quán triệt các Nghị quyết trung ương, Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định: “*Xác định rất rõ hội nhập quốc tế là động lực chiến lược trên cơ sở nội lực có vai trò quyết định, gia tăng nội lực đi đôi với tranh thủ ngoại lực, gắn kết chặt chẽ hội nhập với bảo vệ lợi ích quốc gia, vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Bảo đảm các nguyên tắc về tâm thế, vị thế mới, tư duy và cách tiếp cận mới về hội nhập quốc tế, chuyển từ tư duy tiếp nhận sang tư duy đóng góp, từ hội nhập chung sang hội nhập đầy đủ, từ vị thế một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới. Hội nhập đồng bộ, toàn diện, sâu rộng. Các lĩnh vực hội nhập phải gắn kết chặt chẽ, bổ sung cho nhau trong một chiến lược tổng thể, có trọng tâm, trọng điểm, có chọn lọc với lộ trình và bước đi phù hợp. Trong đó, hội nhập kinh tế được xác định là trung tâm, hội nhập trên các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế với ưu tiên hàng đầu là cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số. Hội nhập về chính trị, an ninh, quốc phòng phải hướng tới mục tiêu nâng cao tiềm lực, vị thế đất nước, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được xác định là đột phá quan trọng hàng đầu, hướng tới việc đưa các chuẩn mực, quy định về khoa học, công nghệ trong nước tiệm cận với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến. Đẩy mạnh hội nhập toàn diện về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục-đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác, nhằm phát huy, quảng bá văn hóa dân tộc, tăng cường hợp tác về nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đổi mới, nâng tầm chất lượng giáo dục trong nước ngang tầm khu vực và quốc tế, phát triển con người Việt Nam sánh vai cùng bạn bè quốc tế cả về trí tuệ và thể chất”.* (Trích Bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt các Nghị quyết trung ương; ngày 16/9/2025).

1. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết trung ương 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế

Nghị quyết trung ương 59-NQ/TW xác định hội nhập quốc tế trong tình hình mới là nhiệm vụ trọng yếu, với đối ngoại đóng vai trò tiên phong gắn chặt quốc phòng – an ninh để “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Hội nhập là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, động lực và đối tượng thụ hưởng. Về phương châm, nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, phát huy tiềm lực trong nước đồng thời tranh thủ, kết nối hiệu quả nguồn lực bên ngoài. Về cách tiếp cận, quan điểm chủ đạo của Nghị quyết 59-NQ/TW là vừa hợp tác, vừa đấu tranh, chủ động chuyển từ “tham gia” sang đóng góp, xây dựng và định hình luật chơi trong các thể chế khu vực và toàn cầu. Về triển khai thực hiện, tinh thần của Nghị quyết 59-NQ/TW là vừa bảo đảm đồng bộ, toàn diện, sâu rộng nhưng có trọng tâm – trọng điểm, liên thông giữa đối ngoại chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, quốc phòng – an ninh, khoa học – công nghệ, giáo dục đào tạo – y tế và chuyển đổi số. Mục tiêu cao nhất là xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường, tăng trưởng nhanh và bền vững, đồng thời nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Theo tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW, hội nhập quốc tế không chỉ là “mở cửa” mà là một chiến lược hội nhập chủ động, giúp Việt Nam vừa tham gia hợp tác quốc tế, vừa khẳng định vị thế khi tham gia hội nhập theo khung quốc tế chung, vừa định hình chiến lược hợp tác quốc tế đặc thù với đối tác toàn cầu. Có thể thấy rõ quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 59-NQ/TW đã phát triển lý luận và thực tiễn, đưa hội nhập quốc tế lên tầm cao mới, phù hợp với kỷ nguyên mới của đất nước và tình hình thế giới đầy biến động hiện nay; chuyển hóa sức mạnh hội nhập quốc tế thành xung lực để phát triển đất nước, tạo sự đột phá trong các mối quan hệ hợp tác quốc tế, khẳng định sự kiên định của Đảng Cộng sản Việt Nam trong độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và hội nhập toàn cầu vì một thế giới hòa bình và thịnh vượng. Do vậy vai trò, sứ mệnh và sức mạnh hội nhập quốc tế của quần chúng nhân dân, sứ mệnh của giáo dục đào tạo – y tế, khoa học công nghệ - văn hóa là rất quan trọng, giúp khẳng định sự hội nhập tích cực, toàn diện và sâu rộng của Việt Nam trên toàn thế giới.

2. Ngoại giao nhân dân là nền tảng mềm của hội nhập quốc tế trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW

Ngoại giao nhân dân là “nền tảng mềm” của hội nhập quốc tế trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW, à đối ngoại tiên phong, hội nhập đồng bộ, sâu rộng và hiệu quả, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng khoa học – văn hóa – nghệ thuật Việt Nam trên toàn thế giới là trung tâm, là chủ thể. Đây là lực lượng mang tính chủ động, ngoại giao nhân dân hội nhập từ giảng đường đại học, bệnh viện, nhà máy, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, mạng lưới kiều bào, cộng đồng sáng tạo, mở ra các kênh hợp tác thực chất, kịp thời và linh hoạt với toàn cầu. Chính sự chủ động này góp phần biến những chủ trương chính sách – giải pháp hội nhập quốc tế của Nghị quyết 59-NQ/TW thành hiện thực thông qua các chương trình cụ thể và đa dạng hóa như là các dự án giáo dục, các chương trình giáo dục cộng đồng được thiết kế với đối tác nước ngoài, dự án nghiên cứu liên ngành hợp tác quốc tế, diễn đàn doanh nghiệp – cộng đồng - xã hội và toàn cầu hóa; các chiến dịch truyền thông về đất nước – con người Việt Nam mở cửa hội nhập, hoạt động tuyên truyền quốc tế bảo tồn di sản gắn với du lịch văn hóa.

Ngoại giao nhân dân là nguồn lực vô tận vì được nuôi dưỡng bởi tri thức, niềm tin và sự tình nguyện của cộng đồng theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Mỗi công dân có ngoại ngữ, kỹ năng số, hiểu biết liên văn hóa đều là một “Đại sứ” của hội nhập quốc tế; mỗi vận động viên, nhà báo, nghệ sĩ, nhà khoa học, sinh viên học sinh đều những kênh chuyển tải tin cậy và sống động về hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra thế giới. Khác với nguồn lực vật chất hữu hạn, nguồn lực hội nhập quốc tế con người là nguồn tài sản vô tận của đất nước, giúp tạo niềm tin bền vững hơn bất kỳ bản ghi nhớ nào trong hội nhập quốc tế.

Theo tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW, ngoại giao nhân dân có thể được xem là chủ thể toàn diện của hội nhập quốc tế. Vì quần chúng nhân dân không chỉ là “đối tượng thụ hưởng”, nhân dân tham gia thiết kế, thực thi và giám sát các chương trình hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng thông qua các hoạt động thực tiễn hàng ngày. Trong môi trường giáo dục, trường đại học cùng doanh nghiệp và tổ chức giáo dục xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế; hiệp hội nghề nghiệp đồng biên soạn hướng dẫn thực hành khu vực và quốc tế; các tổ chức cộng đồng phối hợp tổ chức hoạt động bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, sức khỏe nghề nghiệp, bình đẳng giới; kiều bào trong và ngoài nước kết nối các chương trình học bổng, quỹ khuyến học – khuyến tài, đồng hướng dẫn nghiên cứu, chuyên giao kỹ

thuật. Đây là những cách tiếp cận gợi ý theo tinh thần của Nghị quyết 59-NQ/TW, nhằm hiện thực hóa phương châm “nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng”; trong đó nội lực xã hội từ ngoại giao nhân dân mạnh sẽ hấp thụ, sàng lọc, biến ngoại lực thành năng lượng phát triển và hội nhập đất nước.

Ngoại giao nhân dân nhằm gắn kết văn hóa dân tộc với văn hóa toàn cầu. Hội nhập không phải hòa tan về văn hóa – truyền thống, mà là đối thoại bình đẳng, tương tác đa chiều về văn hóa; mang ra thế giới những giá trị Việt Nam: nhân ái, hiếu học, sáng tạo, kiên cường; đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại: chuyên nghiệp, khoa học, minh bạch, tôn trọng đa dạng. Tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW trong hội nhập quốc tế có thể hiện thực hóa bằng những hoạt động gần gũi và đa dạng như là từ không gian số đến lễ hội, từ bảo tàng đến phố đi bộ, từ phóng sự đến âm thực, từ nghiên cứu đến sân khấu... Do vậy, ngoại giao nhân dân giúp câu chuyện Việt Nam được kể bằng ngôn ngữ hiện đại, đạt chuẩn quốc tế nhưng vẫn giữ bản sắc dân tộc. Đó cũng là “lá chắn mềm vững chắc” trước thông tin xuyên tạc và sai lệch của các thế lực thù địch, thực hiện hội nhập quốc tế thông qua đối thoại, phản biện xã hội, tôn trọng sự khác biệt và sự đa dạng.

Cuối cùng, để việc hội nhập bằng “nền tảng mềm” là ngoại giao nhân dân phát huy tối đa sức mạnh, cần phải thể chế hóa Nghị quyết 59-NQ/TW bằng những cơ chế phối hợp dựa trên ba trụ cột chính yếu là sự gắn kết giữa Nhà nước - Nhân dân – Tổ chức quốc tế; khung kỹ năng hội nhập cho công dân về ngoại ngữ, pháp lý quốc tế cơ bản, truyền thông số, quản trị hội nhập, đạo đức hội nhập; hạ tầng số liên thông dữ liệu đối ngoại và thể chế tài chính. Khi ngoại giao nhân dân mạnh, hội nhập sẽ biến khát vọng phát triển thành vị thế quốc gia trong tiến trình toàn cầu hóa.

3. Sứ mệnh của giáo dục và y tế, khoa học và nghệ thuật trong hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW

Nghị quyết 59-NQ/TW khẳng định hội nhập phải đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, động lực và đối tượng thụ hưởng. Trong phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc quán triệt các Nghị quyết trung ương vào ngày 16/9/2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: “*Đẩy mạnh hội nhập toàn diện về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục-đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác, nhằm phát huy, quảng bá văn hóa dân tộc, tăng cường hợp tác về nghiên cứu, ứng dụng khoa học*

trong y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đổi mới, nâng tầm chất lượng giáo dục trong nước ngang tầm khu vực và quốc tế, phát triển con người Việt Nam sánh vai cùng bạn bè quốc tế cả về trí tuệ và thể chất”.

3.1. Sứ mệnh của giáo dục và đào tạo trong hội nhập quốc tế là để phát triển tư tưởng “Khai phóng – Nhân bản – Phụng sự” theo tinh thần Nghị quyết trung ương

Do vậy giáo dục và đào tạo có vai trò rất quan trọng trong hội nhập quốc tế. Sứ mệnh hội nhập quốc tế của giáo dục là mang giáo dục quốc tế hội nhập vào Việt Nam và đưa giáo dục Việt Nam ngang tầm với giáo dục quốc tế. Hội nhập quốc tế trong giáo dục thông qua các chương trình liên kết quốc tế, chuẩn năng lực quốc tế, kiểm định quốc tế, bằng cấp quốc tế, hệ thống bảo đảm chất lượng tương thích khu vực và quốc tế. Hội nhập quốc tế trong giáo dục còn được cụ thể hóa thông qua hội nhập về kho học liệu mở và trao đổi giảng viên – sinh viên quốc tế đến Việt Nam và sinh viên Việt Nam ra nước ngoài học tập – nghiên cứu; tăng năng lực hội nhập và thích ứng của người học, tăng nguồn nhân lực chất lượng cao, việc làm chất lượng cao và đóng góp của nguồn nhân lực Việt Nam vào chuỗi giá trị nguồn nhân lực toàn cầu. Do vậy giáo dục và đào tạo cần phải thực hiện các quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương (NQ57/59/71-NQ/TW) để các chủ thể của giáo dục là người dạy và người học, có đầy đủ năng lực ngoại ngữ học thuật, kỹ năng số toàn cầu, năng lực văn hóa đa chiều, được xem như là tấm “hộ chiếu năng lực” để người học tham gia chuỗi giá trị nguồn nhân lực toàn cầu mà vẫn phụng sự tốt cho cộng đồng, cho quốc gia của mình và cho toàn cầu theo sứ mệnh “Khai phóng – Nhân bản – Phụng sự”.

3.2. Sứ mệnh của y tế trong hội nhập quốc tế là để nâng tầm công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ngang tầm thế giới theo tinh thần Nghị quyết trung ương

Nghị quyết 59-NQ/TW đã khẳng định hội nhập phải toàn diện, sâu rộng và hiệu quả. Do vậy hội nhập quốc tế về y tế phải theo quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết 59-NQ/TW và Nghị quyết 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hội nhập quốc tế trong y tế có sứ mệnh rất quan trọng trong nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm môi trường sống và chất lượng cuộc sống ngang tầm các nước tiên tiến; nâng tầm việc đào tạo nguồn nhân lực y tế mang tầm quốc tế. Hội nhập quốc tế trong y tế còn có sứ mệnh và vai trò đối ngoại tiên phong, gắn kết y tế - giáo dục với quốc phòng và an ninh, khoa học và công nghệ, tạo không

gian để đột phá và phát triển kinh tế xã hội – nâng vị thế Việt Nam trên trường quốc tế (NQ57/70-NQ/TW).

Tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết 59-NQ/TW cũng thể hiện đường lối xuyên suốt của Đảng ta về đối ngoại nhân dân theo tinh thần của Chỉ thị 12-CT/TW (ngày 19/8/2022), ngành y có thể phát huy các mạng lưới bệnh viện, hiệp hội nghề nghiệp y tế quốc gia với các tổ chức quốc tế; kết nối các chuyên gia quốc tế, các kiều bào trong lĩnh vực y tế, tham gia vào tạo sự đột phá phát triển của hệ thống y tế đất nước - khu vực – toàn cầu theo các quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương, phù hợp với tình hình mới và kỷ nguyên mới – “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

3.3. Sứ mệnh của khoa học công nghệ là hội nhập quốc tế để đồng kiến tạo tri thức, chuyển từ “tham gia” sang “định hình” nền khoa học công nghệ toàn cầu

Nghị quyết 59-NQ/TW đưa quan điểm chỉ đạo hội nhập là động lực chiến lược và nhân mạnh phương châm “nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng”. Sứ mệnh của khoa học công nghệ khi hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên mới nhằm tạo sự đột phá trong kết nối công nghệ - đổi mới sáng tạo toàn cầu; tạo động lực hình thành các liên minh toàn cầu trong nghiên cứu y sinh, chuyển đổi số bền vững, năng lượng sạch, chống biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, công nghiệp tự động hóa, cơ sở dữ liệu mở toàn cầu bảo mật cao, chính sách tài trợ khoa học công nghệ linh hoạt, giúp nguồn nhân lực khoa học công nghệ cao của Việt Nam đồng phát minh sáng chế, chia sẻ hạ tầng khoa học công nghệ, đồng công bố và đồng sở hữu tài sản trí tuệ.

Hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ theo tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW còn có sứ mệnh nâng vị thế khoa học của quốc gia, tham gia xây chuẩn khoa học công nghệ toàn cầu, tư vấn chính sách phát triển khoa học công nghệ dựa trên AI, thương mại hóa và công nghiệp hóa các kết quả nghiên cứu thông qua các doanh nghiệp khởi nghiệp (spin-off), các tập đoàn công nghệ toàn cầu. Khi “ngoại lực” thành bộ phận cho nội lực tri thức về khoa học công nghệ sẽ giúp cho Việt Nam tạo sự đột phá, chuyển mình thành đất nước công nghiệp hóa hiện đại và tiên tiến, đột phá phát triển dựa trên kinh tế tri thức – đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW và các Nghị quyết trung ương có liên quan.

3.4. Sứ mệnh của văn hóa trong hội nhập quốc tế là gia tăng sức mạnh mềm, nuôi dưỡng bản sắc văn hóa dân tộc trong dòng chảy hội nhập toàn cầu theo tinh thần Nghị quyết trung ương

Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 59-NQ/TW là triển khai hội nhập toàn diện; do vậy cần phát triển văn hóa sáng tạo, công nghiệp văn hóa hội nhập quốc tế, mở rộng mạng lưới di sản văn hóa theo chuẩn mực UNESCO, trao đổi văn hóa – văn học - nghệ thuật đa quốc gia, chuẩn mực văn hóa số toàn cầu, phát triển và dịch thuật các tác phẩm văn học nghệ thuật quốc gia ra quốc tế và ngược lại, sử dụng ngoại giao văn hóa như nền tảng sức mạnh mềm. Bên cạnh đó, đối ngoại và hội nhập quốc tế về văn hóa thông qua các hoạt động đa quốc gia về lễ hội truyền thống, biểu diễn nghệ thuật chuyên đề, triển lãm thành tựu điện ảnh, giao lưu âm thực, thi đấu thể thao, du lịch trải nghiệm...; với sứ mệnh chuyển tải hình ảnh văn hóa một nước Việt Nam mang bản sắc: ***“Đẹp hiện đại – Giàu truyền thống – Đắm nhân văn – Tốt hữu nghị”***.

4. Những định hướng thể chế hiện thực hóa sứ mệnh của giáo dục và y tế, khoa học và nghệ thuật trong hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW

Trong phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc quán triệt các Nghị quyết trung ương, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: *“Nâng cao năng lực thực thi và hoàn thiện thể chế, chính sách, khắc phục điểm nghẽn về thực thi cam kết, thỏa thuận quốc tế, đẩy mạnh rà soát, nội luật hoá pháp luật quốc tế để thực hiện đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các nghĩa vụ, cam kết của ta. Khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt nâng cao hiệu quả của hội nhập quốc tế, trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10 tới đây. Phát huy vai trò trung tâm, sự tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo của cả người dân, doanh nghiệp, địa phương trong gắn kết hội nhập quốc tế và hội nhập trong nước, kết nối giữa các vùng, miền, địa phương, kết nối giữa các ngành, lĩnh vực, kết nối giữa nghiên cứu và triển khai, góp phần cụ thể trong củng cố vị thế chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia, nâng tầm ảnh hưởng của đất nước trên bản đồ thế giới”*. (Trích Bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt các Nghị quyết trung ương; ngày 16/9/2025).

4.1. Thể chế thực thi tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới

Do vậy cần xây dựng “thể chế thực thi” để tinh thần hội nhập quốc tế theo Nghị quyết 59-NQ/TW đi vào hiện thực cuộc sống và thực tiễn hội nhập. Đó là các chương trình hành động cấp bộ, ngành và địa phương theo các thông tư - nghị định hướng dẫn với mục tiêu và giải pháp cụ thể, rõ ràng và minh bạch trong hội nhập quốc tế. Nền tảng và sức mạnh của hội nhập quốc tế dựa trên cơ chế phối hợp ba trụ cột: “*Nền tảng tư tưởng của Đảng – Thể chế thực thi của Nhà nước – Sức mạnh ngoại giao của Nhân dân*”. Thực hiện quy trình tham vấn và phản biện xã hội về hội nhập quốc tế từ doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, viện nghiên cứu đối ngoại, kiều bào trong và ngoài nước trong thiết kế chính sách và các giải pháp thực thi; phát triển nền tảng số liên thông dữ liệu đối ngoại, bản đồ đối tác toàn cầu, chỉ số theo dõi tác động hội nhập đa chiều; tích hợp khung kỹ năng hội nhập cho các chủ thể tham gia và thụ hưởng về năng lực ngoại ngữ học thuật, pháp lý quốc tế hội nhập, truyền thông số toàn cầu, văn hóa hội nhập đa chiều; thể chế hóa các cơ chế tài chính quốc tế bảo đảm minh bạch, bền vững để huy động nguồn lực công – đầu tư tư – tài chính quốc tế; biên cam kết đối ngoại và hội nhập quốc tế thành sức mạnh quốc gia.

4.2. Thể chế thực thi sứ mệnh hội nhập quốc tế về giáo dục theo tinh thần Nghị quyết trung ương 59-NQ/TW

Hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo cần phải có thể chế và các giải pháp trọng tâm để chuyển đổi mạnh mẽ sang đào tạo theo chuẩn năng lực quốc tế, chuẩn đầu ra ngang bằng khu vực và tiệm cận các nước tiên tiến, đo lường được theo chuẩn kiểm định quốc tế và cải tiến liên tục để hội nhập toàn cầu (Nghị quyết 71-NQ/TW). Hội nhập quốc tế về giáo dục còn phải được thể chế hóa sứ mệnh liên kết đào tạo đa quốc gia, các chương trình đào tạo tiên tiến; cơ chế đồng cơ hữu quốc tế và công nhận quốc tế lẫn nhau học hàm – học vị; giáo dục mở về nguồn học liệu đa ngôn ngữ và đồng thiết kế học phần, đồng hướng dẫn, công nhận tín chỉ hai chiều phù hợp với thể chế Việt Nam. Cần phải thể chế hóa việc tạo điều kiện cho giáo dục và đào tạo trong việc thực hiện sứ mệnh hội nhập quốc tế thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho toàn cầu, đóng góp nguồn nhân lực cho chuỗi giá trị toàn cầu.

4.3. Thẻ chế thực thi sứ mệnh hội nhập quốc tế về y tế theo tinh thần Nghị quyết trung ương 59-NQ/TW

Thẻ chế hóa Nghị quyết trung ương 59-NQ/TW trong hội nhập y tế nhằm thực hiện sứ mệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân ngang tầm quốc tế, nâng chất lượng dịch vụ sức khỏe lên tầm tiên tiến và hiện đại, thu hút nguồn bệnh quốc tế đến chăm sóc sức khỏe, đưa những tinh hoa y học cổ truyền dân tộc ra ngoài thế giới, giới thiệu những thành tựu y học hiện đại, y học dự phòng với các nước theo tinh thần Nghị quyết 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Sứ mệnh hội nhập quốc tế của y tế cần phải được thẻ chế hóa từ tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW và theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 72-NQ/TW, tăng cường hội nhập quốc tế về y tế trong khu vực và quốc tế, phối hợp với các tổ chức y tế quốc tế, các hiệp hội y khoa khu vực và thế giới để xây dựng các hướng dẫn chung về chuyên môn, quản trị bệnh viện, hệ thống y tế dự phòng đa quốc gia, sản xuất trang thiết bị y tế, Thẻ chế hóa việc phối hợp quốc tế về hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông toàn cầu – bảo mật cá nhân hóa; thẻ chế hóa khung pháp lý trong hội nhập y tế quốc tế trong khám chữa bệnh từ xa ngoài biên giới quốc gia, quy chế phối hợp toàn cầu trong chăm sóc sức khỏe học đường, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và sức khỏe giấc ngủ; công nghệ theo dõi sức khỏe cộng đồng, chuyển đổi số y tế bền vững, năng lượng sạch trong y tế, chăm sóc y tế thích ứng biến đổi khí hậu, tương tác biểu sinh dinh dưỡng – giấc ngủ và tuổi thọ.

Thẻ chế hóa sứ mệnh y tế trong phát triển các nghiên cứu lâm sàng đa trung tâm quốc tế phục vụ cho phát triển thể chất trẻ em và tuổi thọ của người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 72-NQ/TW, gắn bảo vệ dữ liệu cá nhân và đạo đức nghiên cứu quốc tế. Hội nhập quốc tế thông qua việc thẻ chế hóa ký kết các thỏa thuận hợp tác – kết nghĩa quốc tế liên trường – viện sức khỏe trong chuyển giao kỹ thuật y tế và chuyên môn, chuyển giao chương trình đào tạo y học thế giới tiên tiến (Nghị quyết 71-NQ/TW). Thẻ chế hóa các chương trình học bổng, trao đổi sinh viên và giảng viên quốc tế khối ngành sức khỏe; cơ chế đối thoại chính sách giữa bộ, hiệp hội và bệnh viện để tháo gỡ rào cản kỹ thuật y khoa, sai sót y khoa trong kỷ nguyên số và AI; thẻ chế hóa việc hợp tác quốc tế trong y tế với sứ mệnh là phụng sự người bệnh – “Người bệnh là trung tâm”.

4.4. Thể chế thực thi sứ mệnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ theo tinh thần Nghị quyết trung ương 59-NQ/TW

Cần thể chế và gắn kết chặt chẽ Nghị quyết 57-NQ/TW và 59-NQ/TW, nhằm tạo đột phá trong hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. Cần thể chế hóa việc hình thành liên minh nghiên cứu đa quốc gia theo vấn đề ưu tiên của từng quốc gia nhưng có phạm vi ứng dụng toàn cầu: công nghệ an ninh và an toàn giao thông cộng đồng, chuyển đổi số bền vững, năng lượng sạch quốc gia, dự báo và phòng chống biến đổi khí hậu, tương tác con người và AI, công nghệ an toàn vũ trụ và năng lượng nguyên tử (Nghị quyết 70-NQ/TW).

Thể chế hóa các chính sách theo tinh thần các Nghị quyết trung ương, Chính phủ thiết kế gói tài trợ cạnh tranh yêu cầu đồng thiết kế đề tài, đồng công bố, đồng sở hữu tài sản trí tuệ với đối tác quốc tế; khuyến khích chia sẻ dữ liệu nghiên cứu ở mức phù hợp an ninh quốc gia, nâng vị thế khoa học kỹ thuật đất nước và làm căn cứ tư vấn chính sách dựa trên bằng chứng đa quốc gia và toàn cầu hóa. Thể chế hóa theo tinh thần các Nghị quyết trung ương trong việc xây dựng trung tâm chuyển giao công nghệ quốc tế, vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp đa quốc gia, không gian thử nghiệm pháp lý cho công nghệ mới. Đặc biệt cần thể chế hóa theo khung pháp lý quốc tế các chuẩn mực và các tiêu chuẩn nghiên cứu - thử nghiệm, an ninh – an toàn thông tin theo chuẩn quốc tế.

4.5. Thể chế thực thi sứ mệnh hội nhập quốc tế về văn hóa theo tinh thần Nghị quyết trung ương 59-NQ/TW

Cần thể chế hóa theo tinh thần các Nghị quyết trung ương về hội nhập quốc tế về văn hóa và công nghiệp sáng tạo về văn hóa; thể chế hóa các giải pháp then chốt giúp hình thành chiến lược hội nhập chủ động và có chiến lược toàn diện về văn hóa – văn học – nghệ thuật – thể thao và du lịch toàn cầu. Thể chế hóa sứ mệnh văn hóa mang di sản Việt Nam ra thế giới và sự công nhận thế giới cho các di sản Việt Nam một cách mạnh mẽ; hoàn thiện pháp luật về bản quyền các tác phẩm văn hóa – văn học nghệ thuật có người sáng tạo quốc tế. Thể chế hóa sứ mệnh văn hóa Việt Nam hội nhập sâu rộng vào các hiệp hội văn hóa toàn cầu, định hình giá trị hệ văn hóa Việt Nam mang bản sắc riêng trong dòng chảy hội nhập văn hóa toàn cầu mang tính ***“Bản sắc văn hóa Việt – Kết tinh văn hóa toàn cầu”***; góp phần gia tăng sức mạnh mềm của văn hóa dân tộc và vị thế quốc gia trong hội nhập toàn cầu.

5. Kết luận

Hội nhập quốc tế trong tình hình theo tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW và các Nghị quyết trung ương có liên quan sẽ tạo động lực cho sự đột phá cho sứ mệnh của giáo dục - y tế - khoa học - văn hóa trong hội nhập toàn cầu. Tinh thần cốt lõi là chuyển từ **“hội nhập để tiếp nhận”** sang **“hội nhập để định hình”**. Thể chế hóa mạnh mẽ các khung pháp lý để triển khai hội nhập đồng bộ, toàn diện, sâu rộng nhưng có trọng tâm và trọng điểm. Hội nhập toàn diện để biến các cam kết đối ngoại thành chương trình hành động quốc gia, khu vực và quốc tế. Trong tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng, ngoại giao nhân dân là nền tảng mềm và là lực lượng tiên phong; **“các chủ thể giáo dục – y tế - khoa học – văn hóa là các Đại sứ tiêu biểu”** mang sứ mệnh hội nhập ra với toàn cầu. Do vậy cần phải đột phá trong hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam dựa theo tinh thần các Nghị quyết trung ương dựa trên sự gắn kết sức mạnh của ba trụ cột: **“Nền tảng tư tưởng của Đảng – Thể chế thực thi của Nhà nước – Sức mạnh ngoại giao của Nhân dân”**./.



Đại diện Lãnh đạo Đại học Penn State (Mỹ) ký thỏa thuận hợp tác đào tạo với Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, tiếp nhận sinh viên sang học tập tại các bệnh viện tỉnh Lâm Đồng và Trung tâm Nghiên cứu Y sinh & Mô phỏng của Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, đồng thời tiếp nhận giảng viên của Trường sang tu nghiệp tại Đại học Penn State.

BÀI THAM LUẬN 3:

NHỮNG TƯ TƯỞNG CHỦ ĐẠO TRONG CÁC NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN TRIẾT LÝ GIÁO DỤC TRONG THỜI ĐẠI SỐ

Bối cảnh kỷ nguyên số với AI, dữ liệu lớn, IoT và kết nối toàn cầu đang làm đổi thay căn bản kinh tế – xã hội và cách con người tạo lập, tiếp cận, ứng dụng tri thức. Trước yêu cầu đó, giáo dục – nền tảng phát triển con người và động lực then chốt của quốc gia – phải đổi mới sâu từ tư duy, nội dung, phương pháp đến mô hình tổ chức, vì các cách dạy – học truyền thống khó đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt, cá nhân hóa và suốt đời. Năng lực công dân số, tư duy phản biện, sáng tạo, thích ứng trở thành chuẩn năng lực cốt lõi. Hệ tư tưởng chính sách hiện hành đã dần thể chế hóa triết lý “giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại, nhân văn”, lấy người học làm trung tâm, chuyển từ “truyền đạt kiến thức” sang “phát triển phẩm chất – năng lực”, coi văn hóa đọc là trụ cột của xã hội học tập. Nghị quyết 71/NQ-TW ban hành ngày 22/8/2025 về “đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” tiếp nối và xác lập tầm nhìn triết lý mới: hệ thống mở – liên thông – học tập suốt đời gắn chặt chuyển đổi số với đổi mới quản trị; định vị giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, giáo dục nghề nghiệp là trụ cột hình thành lực lượng lao động kỹ năng gắn với thị trường. Đồng thời, các nghị quyết nhấn mạnh công bằng, bao trùm, thu hẹp khoảng cách số; thúc đẩy liên thông, công nhận kết quả học tập; gắn giáo dục với nhu cầu lao động, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Từ đó, xây dựng nền giáo dục chất lượng cao, thích ứng nhanh, đo lường bằng kết quả và vẫn giữ gìn bản sắc dân tộc. Những tư tưởng chỉ đạo này không chỉ phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước mà còn là sự xác định đúng đắn nền tảng lý luận và triết lý sâu sắc về vai trò của giáo dục trong việc phát triển con người - nguồn tài nguyên quý giá nhất trong kỷ nguyên số.

1. Tính cấp thiết và yêu cầu thực tiễn triết lý giáo dục trong thời đại số

Thế giới đang bước vào một kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ chưa từng có với sự bùng nổ của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và các nền tảng kết nối toàn cầu. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi căn bản cấu trúc kinh tế,

phương thức sản xuất, hình thức giao tiếp và đặc biệt là cách con người tiếp cận, xử lý và ứng dụng tri thức. Trong bối cảnh đó, giáo dục - với tư cách là nền tảng phát triển con người và động lực then chốt cho phát triển quốc gia - đang đứng trước yêu cầu đổi mới sâu sắc về tư duy, nội dung, phương pháp và mô hình tổ chức. Những phương thức dạy - học truyền thống đang dần bộc lộ hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt, cá nhân hóa và suốt đời của người học trong môi trường số hóa toàn diện. Đồng thời, năng lực công dân số, tư duy phản biện, sáng tạo và thích ứng nhanh với biến đổi trở thành yêu cầu thiết yếu đối với nguồn nhân lực hiện đại. Các chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước đang từng bước thể chế hóa những tư tưởng chủ đạo của yêu cầu thực tiễn, làm nền tảng để xây dựng một nền giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại và nhân văn. Do vậy, triết lý giáo dục thời đại số không chỉ là định hướng học thuật mà còn là kim chỉ nam cho toàn bộ hệ thống giáo dục trong việc hình thành những thế hệ công dân mới chủ động, sáng tạo và nhân văn.

Trong bối cảnh đó, Nghị quyết 71/NQ-TW mới được ban hành ngày 22/8/2025, đã kế thừa và xác lập một tầm nhìn triết lý mới cho giáo dục Việt Nam trong thời đại số phù hợp với hệ thống mở – liên thông – học tập suốt đời, gắn chặt chuyên đổi số với đổi mới mô hình quản trị, giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao và giáo dục nghề nghiệp là trụ cột hình thành lực lượng lao động kỹ năng, thích ứng nhanh với thị trường. Do vậy, việc xây dựng và khẳng định một triết lý giáo dục phù hợp với thời đại số là điều cần thiết, nhằm định hướng cho hệ thống chính sách giáo dục - đào tạo phát triển một cách toàn diện, bền vững, hội nhập nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc.

2. Tư tưởng chủ đạo trong chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước về triết lý giáo dục trong thời đại số

Trong những năm gần đây, nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước đã thể hiện rõ các định hướng đổi mới giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ chuyển đổi số. Nghị quyết Trung ương 29-NQ/TW (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 52-NQ/TW (2019) của Bộ Chính trị, các Nghị quyết 29/2021/NQ-CP về chuyển đổi số quốc gia, Đề án 1009/QĐ-TTg năm 2022 về phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2022-2026 đã đặt nền móng cho triết lý giáo dục thời đại số – một định hướng tư duy mang tính chiến lược để phát triển con người và đất nước trong kỷ nguyên số tại Việt Nam.

Đặc biệt, Nghị quyết 71/NQ-TW ban hành ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo ra đời trong bối cảnh thực tiễn đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới, có sự đồng bộ với Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, bổ sung cho Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về yêu cầu tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đã hình thành nên những tư tưởng chủ đạo của các chính sách của Đảng và Nhà nước về triết lý giáo dục trong thời đại số, làm nền tảng cho một triết lý giáo dục mang tính tiến bộ, nhân văn, hiện đại và thích ứng với thời đại số của nền giáo dục Việt Nam mang sứ mệnh “Khai phóng - Nhân bản và Phụng sự”.

2.1. Giáo dục là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước số trong kỷ nguyên mới

Trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết 71/NQ-TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tư tưởng “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc”, được xác định rõ ràng và nhất quán. Giáo dục không chỉ là lĩnh vực quan trọng hàng đầu mà còn là nền tảng và động lực phát triển bền vững đất nước, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu. Chuyển đổi số quốc gia đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng số, tư duy phản biện và năng lực sáng tạo - những phẩm chất chỉ có thể được hình thành và phát triển thông qua một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại và mang tính mở. Do đó, giáo dục giữ vai trò trung tâm trong chiến lược xây dựng đất nước số, xã hội số và công dân số. Đây là chìa khóa để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, rút ngắn khoảng cách phát triển và chủ động hội nhập quốc tế.

Đảng và Nhà nước ta đã và đang ban hành nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục thích ứng với thời đại số, thể hiện qua việc đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ giáo dục, xây dựng hệ sinh thái học tập số, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Việc thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo

dục không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà là đổi mới toàn diện cách dạy, cách học, cách quản lý và đánh giá chất lượng giáo dục. Tư tưởng triết lý giáo dục là quốc sách hàng đầu, trong thời đại số, càng có ý nghĩa chiến lược sâu sắc, không thể có một nền kinh tế số phát triển nếu thiếu một nền giáo dục số tiên tiến. Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho tương lai, là cách hiệu quả và bền vững nhất để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững và bao trùm.

2.2. Giáo dục không chỉ là truyền đạt kiến thức mà là phát triển con người toàn diện và lấy người học làm trung tâm

Triết lý giáo dục trong thời đại số nhấn mạnh việc chuyển từ mô hình “dạy để biết” sang “dạy để làm, để chung sống và để phát triển”. Nghị quyết 29/NQ-TW nêu rõ: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”; Nghị quyết 71/NQ-TW cũng đã đưa triết lý giáo dục con người toàn diện đức, trí, thể, mỹ, giáo dục vì con người và con người là chủ thể của giáo dục. Trong một thế giới nơi kiến thức thay đổi từng ngày, điều quan trọng không phải là ghi nhớ mà là khả năng học tập, thích ứng và sáng tạo không ngừng. Triết lý giáo dục thời đại số trong các chỉ thị, nghị quyết cũng nhấn mạnh đến văn hóa đọc là một phần không thể thiếu của giáo dục toàn diện. Giáo dục thời đại số không chỉ là trang bị kỹ năng số, mà còn là nuôi dưỡng tư duy phản biện, khả năng hiểu biết sâu và thái độ học thuật nghiêm túc – những điều được hình thành thông qua đọc có chiều sâu. Do vậy, đọc sách không chỉ là một kỹ năng, mà là một giá trị sống – nền tảng cho một xã hội tri thức, học tập suốt đời và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số quốc gia, phát triển văn hóa đọc không chỉ là chính sách văn hóa, mà còn là định hướng giáo dục sâu sắc. Đó là giáo dục thông qua đọc, lấy việc đọc làm trung tâm để phát triển năng lực tự học, tự chủ, tự sáng tạo của mỗi người. Triết lý giáo dục thời đại số được thể hiện rõ nét trong đề án 1009/QĐ-TTg chính là: học để đọc – đọc để hiểu – hiểu để làm chủ chính mình và tương lai. Đó là nền tảng để xây dựng một xã hội học tập, xã hội tri thức, và xã hội số phát triển bền vững. Chính sách giáo dục hiện nay chuyển mạnh từ truyền đạt kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực. Học sinh không chỉ học để biết, mà học để làm, học để cùng chung sống và học để tự khẳng định mình trong môi trường số đầy biến động. Đây là bước

chuyển từ giáo dục định hướng nội dung sang giáo dục định hướng năng lực - cốt lõi của triết lý giáo dục hiện đại. Việc lấy người học làm trung tâm không chỉ là định hướng về phương pháp giảng dạy mà còn là kim chỉ nam trong thiết kế chương trình, đổi mới kiểm tra đánh giá, xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện và sáng tạo. Đây cũng là tiền đề để hình thành một xã hội học tập, trong đó mỗi cá nhân đều có cơ hội phát triển tối đa tiềm năng của mình, góp phần xây dựng một quốc gia số với nền giáo dục nhân văn, khai phóng và hội nhập.

Triết lý giáo dục hiện đại, đặc biệt trong thời đại số, nhấn mạnh đến việc lấy người học làm trung tâm - một tư tưởng xuyên suốt trong các chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước ta. Trong đó, người học không còn là đối tượng tiếp thu tri thức một chiều mà trở thành chủ thể tích cực trong quá trình học tập, phát triển và tự hoàn thiện. Song song với việc phát triển năng lực, giáo dục hiện đại thời đại số còn chú trọng bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lý tưởng sống, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội. Trong thời đại số, khi môi trường học tập trở nên mở, linh hoạt và đa chiều, yêu cầu về phẩm chất công dân toàn cầu, bản lĩnh văn hóa và đạo đức nghề nghiệp càng trở nên cấp thiết.

2.3. Giáo dục mở và học tập suốt đời là định hướng chiến lược và là xu thế tất yếu trong thời đại số

Nghị quyết 29/NQ-TW, 52/NQ-TW (2019) nhấn mạnh, với sự hỗ trợ của công nghệ, giáo dục số mở ra cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi. Nghị quyết 71/NQ-TW cũng đã quán triệt chuyển đổi số hệ sinh thái giáo dục: hồ sơ học tập suốt đời, dữ liệu dùng chung, học liệu mở. Học tập không còn giới hạn trong lớp học truyền thống mà mở rộng đến mọi tầng lớp xã hội, từ học sinh đến người lao động. Triết lý giáo dục thời đại số thúc đẩy xã hội học tập, nơi mỗi công dân đều là người học chủ động, liên tục và có khả năng làm chủ tri thức. Điều này phản ánh một triết lý học tập mới là giáo dục không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian, và mỗi người dân đều có thể trở thành công dân học tập suốt đời, thông qua các công cụ số. Đây là bước tiến lớn trong việc xóa bỏ rào cản tiếp cận tri thức, đặc biệt với người dân ở vùng sâu, vùng xa. Tư tưởng chỉ đạo của các Nghị quyết TW, các chính sách của Đảng và Nhà nước cũng đã nhấn mạnh việc “phát triển hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời”, điều này phản ánh một triết lý mới: học tập không còn giới hạn trong khuôn khổ

nhà trường, cũng không dừng lại ở một giai đoạn nào đó của cuộc đời. Trong thế giới số, nơi tri thức biến đổi từng ngày, người học cần được trang bị năng lực tự học, học từ nhiều nguồn, học liên tục để không bị tụt lại phía sau.

Chính sách giáo dục hiện hành của Đảng và Nhà nước đã thể hiện rõ định hướng xây dựng xã hội học tập, trong đó mọi người dân, không phân biệt độ tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế hay nơi cư trú, đều có cơ hội được học tập suốt đời, tiếp cận với tri thức một cách bình đẳng. Việc triển khai hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, ứng dụng công nghệ số vào dạy và học chính là đòn bẩy quan trọng giúp hiện thực hóa mục tiêu này. Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ là hiện đại hóa công cụ và phương pháp giảng dạy, mà còn là xóa bỏ rào cản về không gian, thời gian và điều kiện kinh tế trong tiếp cận tri thức. Nhờ đó, người học ở vùng sâu, vùng xa, người lao động, người khuyết tật... đều có thể tham gia học tập thông qua các nền tảng trực tuyến, khóa học mở, tài nguyên giáo dục số và các chương trình học tập từ xa.

Bên cạnh đó, triết lý “học tập suốt đời” cũng được cụ thể hóa trong hệ thống chính sách và quy hoạch phát triển giáo dục quốc gia, như Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, với tầm nhìn đến năm 2045. Các chương trình khuyến học, khuyến tài, xây dựng cộng đồng học tập cấp xã, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động đang góp phần quan trọng trong việc lan tỏa văn hóa học tập rộng khắp trong toàn xã hội.

2.4. Giáo dục là động lực và nền tảng để dẫn dắt chuyển đổi số, gắn với thị trường lao động, đổi mới sáng tạo

Trong thời đại số, giáo dục không thể tách rời thực tế; người học cần được trang bị những kỹ năng ứng dụng công nghệ, tư duy số, làm việc nhóm và sáng tạo, đáp ứng nhu cầu không ngừng biến động của thị trường lao động. Do vậy, giáo dục phải trở thành cầu nối giữa nhà trường, doanh nghiệp và xã hội. Không chỉ là lĩnh vực cần thích ứng, giáo dục trong thời đại số được định vị là trung tâm và động lực của chuyển đổi số quốc gia. Các NQTW khẳng định cần “ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao” như một trụ cột phát triển. Điều này cho thấy giáo dục không chỉ đi sau mà phải đi trước, dẫn dắt sự phát triển của khoa học công nghệ và kinh tế số. Triết lý giáo dục thời đại số vì thế đặt mục tiêu phát triển những con người sáng tạo, chủ động, có khả năng học hỏi và thích ứng linh hoạt. Tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW cũng nhấn tập trung đột phá thông

qua việc nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng, tiến đến hội nhập quốc tế; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm quốc gia và khu vực.

Trong bối cảnh việc làm và kỹ năng lao động thay đổi nhanh chóng, triết lý giáo dục thời đại số yêu cầu gắn chặt giáo dục với thực tiễn, thị trường lao động, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Các NQTV cũng đã đề ra nhiệm vụ “khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giáo dục” – thể hiện quan điểm: người học không chỉ tiếp nhận tri thức mà còn phải biết tạo ra tri thức mới, biết giải quyết vấn đề và thích ứng với biến động. Một trong những tư tưởng chủ đạo thể hiện rõ trong các chính sách giáo dục hiện hành là gắn giáo dục với thực tiễn đời sống, nhu cầu của thị trường lao động và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong thời đại số, giáo dục không thể đứng ngoài dòng chảy phát triển của nền kinh tế - xã hội, mà cần chủ động thích ứng, dẫn dắt và tạo động lực cho sự đổi mới và phát triển.

Ngoài ra, các chính sách của Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng gắn với yêu cầu thực tiễn, lấy nhu cầu xã hội làm thước đo chất lượng đào tạo, đặc biệt là trong Nghị quyết 71/NQ-TW và các chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2045. Giáo dục không chỉ cung cấp kiến thức hàn lâm, mà cần trang bị cho người học năng lực làm việc thực tế, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, tư duy khởi nghiệp và năng lực thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế cũng trở thành một yếu tố không thể tách rời trong chiến lược phát triển giáo dục. Việc xây dựng các chương trình đào tạo song ngữ, liên kết đào tạo quốc tế, công nhận văn bằng giữa các quốc gia và thúc đẩy trao đổi sinh viên, giảng viên... chính là biểu hiện cụ thể của triết lý giáo dục hướng đến công dân toàn cầu - những người có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, có hiểu biết liên văn hóa, và tôn trọng sự đa dạng.

Đặc biệt, quá trình chuyển đổi số giúp rút ngắn khoảng cách giữa giáo dục và thị trường lao động thông qua các nền tảng kết nối đào tạo - việc làm, mô hình học kết hợp, đào tạo theo chuẩn đầu ra và khung năng lực nghề nghiệp. Nhờ đó, người học có thể dễ dàng cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường và xu hướng phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Tư tưởng “giáo dục gắn với thực tiễn, thị trường lao động và

hội nhập quốc tế” chính là lời khẳng định về một nền giáo dục mở, linh hoạt, thích ứng và sáng tạo - nền giáo dục không chỉ phục vụ mục tiêu cá nhân mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa, số hóa đất nước.

2.5. Đảm bảo công bằng, dân chủ, hội nhập giáo dục và học tập suốt đời cho mọi người dân và đối tượng yếu thế

Triết lý giáo dục thời đại số không chỉ phục vụ người giỏi, người có điều kiện mà hướng tới bình đẳng trong tiếp cận tri thức, đặc biệt là với học sinh vùng sâu, vùng xa. Nhờ công nghệ, học sinh ở bất cứ đâu cũng có thể tiếp cận chất lượng giáo dục ngang bằng. Đồng thời, giáo dục Việt Nam cần hòa mình vào dòng chảy tri thức toàn cầu nhưng vẫn giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Một điểm đặc biệt nhân văn trong triết lý giáo dục thời đại số là tinh thần bao trùm và công bằng trong tiếp cận tri thức. Các NQTV yêu cầu phải “thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền, nhóm dân cư, giới tính”. Công nghệ không chỉ là công cụ mà còn là cơ hội để mọi người, dù ở thành thị hay nông thôn, đều có thể học tập, phát triển bản thân và đóng góp vào sự phát triển chung, “Bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các nền tảng giáo dục số một cách bình đẳng.”

Triết lý giáo dục thời đại số không bỏ ai lại phía sau; việc số hóa giáo dục không chỉ dành cho người có điều kiện, mà phải bảo đảm môi trường học tập công bằng, dễ tiếp cận cho mọi đối tượng, nhất là nhóm yếu thế. Triết lý giáo dục trong thời đại số nhấn mạnh giáo dục không còn là trách nhiệm riêng của nhà trường, là kết quả của sự liên kết giữa các chủ thể trong xã hội, nhằm phát triển năng lực thực tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2.6. Chuyển đổi số là động lực và là phương thức đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, Đảng và Nhà nước xác định chuyển đổi số không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn là động lực quan trọng và là phương thức đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tư tưởng này được thể hiện rõ trong nhiều văn kiện chính sách quan trọng, như Nghị quyết số 52-NQ/TW về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chương trình chuyển đổi số quốc gia, và Chiến lược phát triển giáo dục giai

đoạn 2021-2030, Nghị quyết 71/NQ-TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Chuyển đổi số trong giáo dục không đơn thuần là việc số hóa tài liệu hay triển khai dạy học trực tuyến, mà là một quá trình cải cách sâu rộng từ triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo đến nội dung, phương pháp giảng dạy, quản trị nhà trường và mô hình tổ chức giáo dục. Đây là sự thay đổi toàn diện để thích ứng với nhu cầu học tập đa dạng, linh hoạt và cá nhân hóa trong thời đại số.

Nhờ ứng dụng công nghệ số, người học có thể tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi thông qua các nền tảng học tập trực tuyến, thư viện số, hệ thống học liệu mở. Giáo viên chuyển từ vai trò “truyền thụ kiến thức” sang “người hướng dẫn, hỗ trợ học tập”, giúp học sinh phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực tự học suốt đời. Đồng thời, chuyển đổi số cũng giúp quản lý giáo dục trở nên minh bạch, hiệu quả và dựa trên dữ liệu, từ đó nâng cao chất lượng toàn hệ thống. Các chính sách hiện hành đang từng bước tạo hành lang pháp lý và nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục: phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, xây dựng kho học liệu số, và đặc biệt là đảm bảo an toàn, bình đẳng trong tiếp cận công nghệ cho mọi đối tượng học sinh - bao gồm học sinh vùng sâu, vùng xa, người yếu thế.

Tư tưởng "chuyển đổi số là động lực và phương thức đổi mới căn bản giáo dục" không chỉ phản ánh quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong quá trình hiện đại hóa giáo dục, mà còn thể hiện một triết lý sâu sắc: giáo dục cần song hành với đổi mới công nghệ để nâng tầm con người Việt Nam trong kỷ nguyên số - thông minh hơn, sáng tạo hơn, và hội nhập hơn.

2.7. Xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, chất lượng cao và có khả năng thích ứng trong thời đại số

Trong thời đại số - thời đại của tri thức, kết nối và biến đổi không ngừng - Đảng và Nhà nước đã xác định rõ yêu cầu cấp thiết là phải xây dựng một nền giáo dục mở, linh hoạt, chất lượng cao và có khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh, mọi đối tượng và mọi trình độ phát triển. Đây không chỉ là xu thế phát triển toàn cầu mà còn là sự lựa chọn mang tính chiến lược để thực hiện triết lý giáo dục tiến bộ, nhân văn và hiện đại. Giáo dục mở là nền giáo dục trao quyền học tập cho mọi người, không giới hạn bởi độ tuổi, thời gian, không gian hay hình thức học. Chính sách hiện hành đã khuyến khích phát triển các mô hình học

tập linh hoạt như đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa, học tập qua trải nghiệm thực tiễn, công nhận kết quả học tập không chính quy, phi chính quy. Tư tưởng này nhằm tạo ra một hệ sinh thái học tập rộng lớn, nơi mỗi người có thể học tập suốt đời, tự chủ lựa chọn nội dung, phương thức và tiến độ học phù hợp với điều kiện của bản thân.

Tính linh hoạt còn thể hiện ở việc đa dạng hóa chương trình đào tạo, liên thông giữa các bậc học, các trình độ giáo dục, cũng như giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Điều này giúp người học dễ dàng chuyển đổi định hướng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động và nền kinh tế số. Song song với đó, mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục luôn được đặt ở vị trí trung tâm trong mọi chính sách. Đổi mới kiểm tra đánh giá, phát triển đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, tăng cường tự chủ đại học, kiểm định chất lượng độc lập, ứng dụng công nghệ trong dạy - học - quản lý... là những bước đi quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra, đáp ứng các chuẩn mực trong nước và quốc tế.

Khả năng thích ứng - một yếu tố sống còn trong thế giới liên tục biến động - được xem là năng lực cốt lõi mà nền giáo dục hiện đại phải tạo dựng cho người học. Tư tưởng này đòi hỏi giáo dục không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn phải rèn luyện cho người học năng lực giải quyết vấn đề, thích nghi với thay đổi, sáng tạo trong tư duy và hành động. Như vậy, xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, chất lượng cao và có khả năng thích ứng chính là biểu hiện sinh động của triết lý giáo dục lấy con người làm trung tâm, đồng thời phản ánh tư duy hiện đại của Đảng và Nhà nước trong việc đưa giáo dục trở thành trụ cột của phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế sâu rộng trong thời đại số.

3. Kết luận

Trong bối cảnh xã hội đang bước vào kỷ nguyên số, với sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, triết lý giáo dục trong thời đại số đã trở thành một yêu cầu không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước. Đảng và Nhà nước ta đã có những nghị quyết, những chiến lược và chính sách giáo dục rõ ràng và đồng bộ, khẳng định vai trò then chốt của giáo dục trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu. Nghị quyết 71/NQ-TW không chỉ củng cố nền tảng triết lý “giáo dục mở – số hóa – liên thông – lấy người học làm trung tâm” mà còn đặt ra cơ chế thực thi: trao quyền có điều kiện

(tự chủ) và giải trình bằng dữ liệu và kiểm định. Đây là con đường để hệ thống giáo dục Việt Nam vừa giữ bản sắc, vừa hội nhập sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số.

Các tư tưởng chủ đạo trong chính sách giáo dục hiện hành thể hiện sự quyết tâm đổi mới mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực của giáo dục: từ xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt và chất lượng cao, đến gắn giáo dục với thực tiễn và nhu cầu của thị trường lao động, từ thúc đẩy công bằng trong tiếp cận giáo dục, đến chuyển đổi số như động lực và phương thức đổi mới căn bản giáo dục. Những tư tưởng này không chỉ phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước mà còn là sự xác định đúng đắn nền tảng lý luận và triết lý sâu sắc về vai trò của giáo dục trong việc phát triển con người - nguồn tài nguyên quý giá nhất trong kỷ nguyên số. Tuy nhiên, để triết lý giáo dục trong thời đại số thực sự đi vào cuộc sống và đạt được hiệu quả, cần phải có những nỗ lực không ngừng trong việc triển khai đồng bộ các Nghị quyết – chính sách của Đảng và Nhà nước, các giải pháp từ đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ, đào tạo đội ngũ giáo viên có năng lực số, xây dựng các chương trình giáo dục linh hoạt và đáp ứng nhu cầu thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động. Bên cạnh đó, cũng cần đặc biệt chú trọng đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho tất cả mọi đối tượng học sinh, sinh viên, người lao động chưa thông qua đào tạo nhằm không để ai bị bỏ lại phía sau trong sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước trong kỷ nguyên mới. Triết lý giáo dục trong thời đại số sẽ là nền tảng vững chắc để xây dựng một xã hội học tập, một đất nước phát triển toàn diện, công bằng, văn minh và thịnh vượng./.



Đại biểu tham dự Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai các Nghị quyết Trung ương được vinh dự chụp hình lưu niệm cùng với Tổng Bí thư Tô Lâm (Hà Nội, ngày 16/9/2025).

BÀI THAM LUẬN 4:

THU HÚT, TRỌNG DỤNG VÀ ĐÃI NGỘ “NHÂN TÀI”: GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW

Trong lịch sử 80 đấu tranh cách mạng giành độc lập dân tộc - thống nhất đất nước (2/9/1945–2/9/2025), Đảng và Nhà nước ta luôn thấm nhuần và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về trọng dụng nhân tài; đây cũng là truyền thống quý báu của dân tộc, được khắc trên Văn bia tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám từ nghìn năm qua: *"Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao"* (Thân Nhân Trung); khẳng định vai trò quyết định của nhân tài đối với sự hưng thịnh của đất nước, thể hiện truyền thống trọng dụng nhân tài của dân tộc Việt Nam qua nhiều thế hệ; truyền thống đó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát huy ngay từ khi Cách mạng Tháng 8 thành công và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa và nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong suốt quá trình phát triển của đất nước, “hiền tài là nguyên khí quốc gia” luôn được Đảng ta xem là tư tưởng cốt lõi, soi sáng cho các chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, việc thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là động lực quyết định cho sự phát triển của đất nước. Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 22.8.2025, về “đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” đã nhấn mạnh rõ vai trò then chốt của nhân tài trong công cuộc xây dựng đất nước, đồng thời đề ra những chính sách, cơ chế mang tính đột phá ưu việt nhằm thu hút, trọng dụng và phát huy tối đa tiềm năng của đội ngũ trí thức, nhà khoa học, chuyên gia, nhân tài trong và ngoài nước.

Từ những quan điểm chỉ đạo, những mục tiêu – giải pháp và định hướng chiến lược mà Nghị quyết 71-NQ/TW đã đề ra về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cho thấy chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài có vai trò rất quan trọng, không chỉ dừng lại ở phạm trù lý luận, mà cần phải được luật hóa và cụ thể hóa bằng các giải pháp mang

tính đột phá cao. Việc nhận diện đúng thực trạng hiện nay trong thu hút – đãi ngộ và trọng dụng nhân tài, khái niệm về “nhân tài” trong kỷ nguyên mới là rất cần thiết để xây dựng các thể chế chính sách phù hợp, khơi dậy và phát huy mạnh mẽ “nguyên khí” của quốc gia trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW.

1. Thực trạng việc thu hút và trọng dụng nhân tài hiện nay

Trong thời gian qua, cùng với việc ban hành và triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các Nghị quyết Trung ương trên các mặt kinh tế và xã hội, giáo dục và y tế, văn hóa và nghệ thuật, khoa học công nghệ và an ninh quốc phòng, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng hoàn thiện và phát triển các quan điểm chỉ đạo, các cơ chế chính sách về thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài dựa trên cơ sở quan điểm *“nhân tài tạo đột phá cho sự phát triển của đất nước”*.

Nghị quyết 29-NQ/TW (04/11/2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định *“Tạo khung cải cách giáo dục và đào tạo để nuôi dưỡng và phát triển nhân tài, gắn với chất lượng, chuẩn hóa và hội nhập”*. Nghị quyết số 26-NQ/TW (19/5/2018) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ nêu rõ cần *“Hoàn thiện cơ chế, đẩy mạnh thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có triển vọng và đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận. Chủ động nắm, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc ở trong nước và nước ngoài”*; xác định một trong năm đột phá chiến lược là *“... có cơ chế, chính sách để tạo cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và thu hút, trọng dụng nhân tài”*. Nghị quyết số 52-NQ/TW (27/9/2019) về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng chỉ rõ *“Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao”*.

Cho đến nay thành quả đạt được của chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài của thông qua việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, vẫn chưa đạt được những kết quả như mong đợi do bởi nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan: 1) chưa có một cơ chế chung cho việc triển khai đồng bộ chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài từ trung ương đến địa phương; 2) sự khác biệt trong việc vận dụng cơ chế đặc thù và chính sách thu hút của từng địa phương; 3) sự chưa quan tâm đúng mức và thiếu chủ động

trong việc thực hiện chính sách thu hút – đãi ngộ; 4) chưa nhận định đúng khái niệm về nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao; 5) các đơn vị hành chính công chưa xây dựng được một môi trường làm việc phù hợp nhằm thu hút nhân tài mang tính bền vững; 6) chưa có cơ chế chung cho sự tôn vinh và đãi ngộ nhân tài nhằm giúp nhân tài được thu hút gắn bó lâu dài với tổ chức để cống hiến.

Do vậy để triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài nhằm đạt mục tiêu của Nghị quyết 71-NQ/TW về một nền giáo dục tinh hoa, cần phải có những chính sách mang tính đột phá, những cơ chế đặc thù và những giải pháp phù hợp với thực tiễn bộ máy hành chính hai cấp, cần phải có một tầm nhìn mang tính thời đại và biện chứng trong việc cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo, những mục tiêu và giải pháp được đề ra trong Nghị quyết 71-NQ/TW; đồng bộ với việc tạo môi trường làm việc thuận lợi để phát huy tối đa động lực cống hiến của nguồn nhân tài tại chỗ, cùng với nhân tài được thu hút từ nước ngoài về, luôn toàn tâm toàn ý phục vụ cho sự đổi mới sáng tạo, phát triển vượt bậc của đất nước trong kỷ nguyên mới.

2. Khái niệm về nhân tài trong giai đoạn hiện nay và theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW

Khái niệm về “nhân tài” đã xuất hiện từ rất lâu trong nền văn minh nhân loại; nhưng hiện nay chưa có một định nghĩa thống nhất về nhân tài giữa các quốc gia. Một số khái niệm về nhân tài thường được các nước sử dụng: *“Nhân tài là những người thường xuyên thể hiện năng lực đặc biệt và có những thành tích đặc biệt trong một lĩnh vực chuyên môn hẹp và chuyên sâu, trong một số hoạt động thực tiễn đem lại những thành tựu, hiệu quả cao và thiết thực cho cùng lĩnh vực chuyên ngành hoặc cho cộng đồng”*; *“Nhân tài là những người có tri thức hoặc kỹ năng chuyên môn cao, có năng lực lao động sáng tạo cao và có những đóng góp hữu ích cho xã hội”*; *“Nhân tài là người có tri thức, là người lao động có tố chất và năng lực cao trong nguồn nhân lực”*...

Tại Việt Nam, khái niệm về nhân tài được cho rằng *“Nhân tài là những người có tài năng, năng lực vượt trội ở một lĩnh vực nào đó: kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học... và có đóng góp cho xã hội”*; *“Nhân tài là người có năng lực cao để có thể đưa ra những ý tưởng mới có hàm lượng sáng tạo và hiệu suất ứng dụng cao nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn hoặc nhằm hoàn thành xuất sắc một số nhiệm vụ nhất định trong một ngành, một*

chuyên ngành, một lĩnh vực cụ thể”. Tuy nhiên bên cạnh những yêu cầu về năng lực nổi trội, thành tích vượt bậc trong một lĩnh vực cụ thể, được xã hội và cộng đồng chuyên môn thừa nhận, nhân tài cần hội tụ phẩm chất đạo đức, lý tưởng và tinh thần cống hiến cao đẹp, có khả năng tạo ra giá trị đặc biệt cho sự phát triển của cộng đồng và đất nước.

Theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, nhân tài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo có vai trò đặc biệt quan trọng để đóng góp cho hệ thống giáo dục đạt được mục tiêu theo Nghị quyết 71/NQ-TW “*đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, đứng vào nhóm 20 quốc gia hàng đầu thế giới, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài khoa học, công nghệ trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của đất nước và ít nhất 5 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực*”. Do vậy trong tương lai, nhân tài Việt Nam sẽ luôn được trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh và được xem như là những “hiền tài” của đất nước; là những người hội tụ đủ cả năng lực chuyên môn cao và phẩm chất đạo đức cao đẹp “*vừa có tài vừa có đức - vừa hồng vừa chuyên*”. Tuy nhiên để có thể đóng góp tài năng, trí tuệ và năng lực của mình, góp phần cùng nguồn nhân lực cả nước đạt được những mục tiêu đột phá trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, đổi mới và sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW, nhân tài cũng cần phải có cả những năng lực thích ứng cao với môi trường làm việc, với cơ chế và chính sách đang dần được hoàn thiện, và thích ứng với sự chưa đồng bộ về nguồn nhân lực trong các tổ chức tham gia làm việc và đóng góp.

3. Các yêu cầu cơ bản để nhân tài tham gia đóng góp tạo sự đột phá theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW

3.1. Môi trường làm việc mang tính chuyên nghiệp, tôn trọng và đồng đẳng

Môi trường làm việc là yếu tố tiên quyết đầu tiên bảo đảm cho nhân tài được tham gia vào đóng góp năng lực cho tổ chức, cho địa phương. Đây là yếu tố cốt lõi bảo đảm cho sự toàn tâm toàn ý đóng góp của những nhân tài được thu hút và trọng dụng. Môi trường làm việc phải thật sự chuyên nghiệp, khoa học trong việc vận dụng mô hình bộ máy tổ chức của nền hành chính công hiện đại đang được Chính phủ đổi mới, cải cách, để vận dụng phù hợp vào thực tiễn các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức xã hội; môi trường làm việc phải lấy quan điểm chủ đạo là tạo động lực cho mọi người trong tổ chức tham gia đóng góp ở mức cao nhất và nhân tài là một mắc xích quan trọng trong hệ thống để vận dụng năng lực tập thể

tạo ra những hiệu quả công việc và thành quả tốt nhất; vì *“Những thành tựu cao nhất của tài năng phải là những sản phẩm của tập thể”*.

Do vậy nhân tài phải vừa là chủ thể tham gia trực tiếp để phát triển tổ chức, vừa tạo động lực cho những người trong tổ chức, giúp tổ chức phát triển lên tầm cao mới, tạo động lực cho sự đổi mới, sáng tạo trong tổ chức. Thế nên, tạo môi trường làm việc phù hợp cho nhân tài để đạt được mục tiêu của Nghị quyết 71-NQ/TW, đòi hỏi người đứng đầu tổ chức sử dụng nhân tài phải là những người có năng lực sử dụng nhân tài; chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài cần phải chú trọng việc tạo môi trường làm việc tối ưu cho nhân tài, đồng bộ với sự tôn vinh và chế độ đãi ngộ.

3.2. Cơ chế tôn vinh và sự đãi ngộ vừa mang tính truyền thống vừa mang tính hiện đại

Đảng và Nhà nước ta đã luôn vận dụng tư tưởng sử dụng người tài theo truyền thống của dân tộc và đặc biệt là theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam và cũng là “Thiên tài” trong lĩnh vực sử dụng nguồn lực con người theo tinh thần phát huy sức mạnh tập thể và dựa trên khối đại đoàn kết dân tộc. Sự tôn vinh, trọng dụng nhân tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất bình dị nhưng mang đậm truyền thống dân tộc nhưng lại có tác động mạnh mẽ đến tình cảm, nhân cách, lý tưởng của các nhân tài và đã là động lực cho những thế hệ nhân tài là những bậc tiền bối lão thành cách mạng đã cống hiến trọn cuộc đời của mình cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam giàu đẹp ngày hôm nay; đây cũng sẽ là tiền đề giúp cho việc thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW trong đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài.

Bên cạnh đó, sự tôn vinh cao nhất đối với nhân tài đó là trân trọng sự đóng góp của nhân tài cho tổ chức và tạo môi trường thật tốt cho nhân tài phát huy tài năng, đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội. Vì đối với nhân tài thì *“Sự tôn vinh cao đẹp nhất là đem đến được những thành quả do tài năng, năng lực vượt trội do mình tạo ra cùng với tập thể cho tổ chức và cho cộng đồng”*. Sự tôn vinh nhân tài còn thể hiện thông qua việc xây dựng cơ chế tạo điều kiện cho nhân tài phát huy những ý tưởng đổi mới sáng tạo góp phần vào sự phát triển của tổ chức và địa phương, tạo sự đột phá trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW và Nghị quyết 57-NQ/TW.

4. Cơ chế chính sách bảo đảm việc thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài nhằm đạt được những mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW

“Cần có sự đồng bộ và thống nhất trong cơ chế thu hút, trọng dụng và đãi ngộ”

Để đạt được những mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW, việc thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài cần phải được thể chế hóa và cần tập trung vào ưu tiên cho các ngành nghề, lĩnh vực thiết yếu phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Cần có một cơ chế, chính sách chung về chế độ thu hút và đãi ngộ nhân tài nhằm tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức tuyển dụng nhân tài có cơ sở triển khai thực hiện và nhằm bảo đảm sự ổn định – bền vững trong việc sử dụng nhân tài từ trung ương đến địa phương, phù hợp với chính quyền 2 cấp và đề cao tính tự chủ.

Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo được ban hành trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa vô cùng quan trọng, phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa và hợp tác đa phương, ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, yêu cầu ngày càng cao và sự dịch chuyển không ngừng của nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực/toàn cầu, sự đòi hỏi cấp thiết của một số ngành nghề đặc thù luôn cần phải có cơ chế và chính sách ưu tiên đầu tư thu hút nhân tài trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y sinh học và môi trường, năng lượng và vũ trụ. Việc tuyển dụng nhân tài trong hệ thống hành chính công, trong đơn vị công lập cần phải được thể chế hóa thông qua các hội đồng tuyển dụng nhân tài, cụ thể hóa các tiêu chí về đánh giá năng lực nhân tài, quy chế tuyển chọn; có chế độ chính sách phù hợp với tiềm lực kinh tế xã hội của địa phương và quốc gia; tiến đến thể chế hóa việc xây dựng các tiêu chí về năng lực, chỉ số thu hút, trọng dụng, tôn vinh và đãi ngộ nhân tài quốc gia và quốc tế đóng góp cho sự phát triển của Việt Nam.

Quan điểm và mục tiêu của Nghị quyết 71-NQ/TW là động lực tạo ra sự đột phá trong cơ chế đặc cách tuyển dụng, đồng cơ hữu và bổ nhiệm nhân tài vào những vị trí cần thiết cho sự phát huy tài năng của nhân tài được thu hút; cơ chế bảo đảm môi trường làm việc phù hợp cho nhân tài mang tính chuyên nghiệp và lấy sản phẩm đầu ra là thước đo cho giá trị đóng góp của nhân tài; cơ chế bảo vệ nhân tài tránh những rủi ro và nguy cơ bị triệt tiêu tài năng khi bị cô lập, thiếu hợp tác trong môi trường làm việc.

5.1. Đào tạo, nuôi dưỡng và phát triển nhân tài theo tinh thần tạo sự đột phá của Nghị quyết 71-NQ/TW

5.1. Tính cấp thiết của việc phát triển nhân tài từ nguồn nhân lực quốc gia

Thực tiễn tại Việt Nam trong thời gian qua và trong tình hình hiện nay theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cho thấy chính sách phát triển nhân tài bền vững và hiệu quả nhất, song song với cơ chế thu hút – trọng dụng và đãi ngộ nhân tài ở nước ngoài đóng góp cho Việt Nam là việc đào tạo – bồi dưỡng và phát triển nhân tài từ nguồn lực con người của quốc gia.

Nhân tài được thu hút và trọng dụng từ bên ngoài ranh giới quốc gia đóng góp cho Việt Nam là nguồn lực quan trọng, nhưng đi kèm là phải có những cơ chế chính sách ưu đãi đặc thù, chế độ lương và đãi ngộ đặc biệt, sự tôn vinh phù hợp. Do vậy cần phải bảo đảm tính ổn định về chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ, tránh sự ra đi của nhân tài vì tìm đến một môi trường làm việc có cơ hội đãi ngộ cao hơn. Bên cạnh đó cần phải có chính sách mang tính đột phá trong đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân tài tại Việt Nam.

5.2. Mô hình tháp phát triển nhân tài “Vạn hoa”

Từ những quan điểm cá nhân và những đúc kết từ thực tiễn tại Việt Nam, sau nhiều năm học tập và nghiên cứu làm việc ở các quốc gia tiên tiến và sự tương tác thường xuyên trong môi trường làm việc chuyên ngành với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, tác giả bài viết đề xuất “Mô hình tháp phát triển nhân tài vạn hoa” để có thể đóng góp một giải pháp cho sự phát triển bền vững trong chính sách phát triển nhân tài của đất nước theo tinh thần đột phá của Nghị quyết 71-NQ/TW về phát triển giáo dục và đào tạo, đưa Việt Nam trở thành một quốc gia dồi dào về nguồn lực nhân tài, tiến đến có thể xuất khẩu nhân tài cho toàn cầu.

Trước hết cần phải ươm mầm cho sự phát triển tài năng của trẻ ngay từ tuổi học đường thông qua việc phát huy và duy trì truyền thống hiếu học trong cộng đồng, trong xã hội và từng gia đình trên cơ sở nền tảng của “xã hội học tập”, “học tập suốt đời” đã và đang được triển khai rộng khắp trên cả nước; đặc biệt mỗi gia đình luôn quan tâm đến việc giáo dục cho trẻ truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, lòng yêu quê hương đất nước. Trên cơ sở đó, nhà trường các cấp sẽ nơi cùng với gia đình ươm mầm tài năng cho trẻ thông qua một môi trường giáo dục tiên tiến và tinh hoa, nhằm giúp thế hệ trẻ phát huy tài năng, năng

kiểu ban đầu thông qua các hoạt động học tập và trải nghiệm; nhà trường cùng với gia đình phải không ngừng phát huy các tố chất của trẻ trên mọi lĩnh vực và đặc biệt là tập trung vào bồi dưỡng những năng lực, năng khiếu đặc biệt: *“Mỗi trẻ em đều là một nhân tài chưa lớn, do vậy nhiệm vụ của gia đình và nhà trường là phải khai phóng những tiềm năng của trẻ, giúp trẻ sẽ trở thành nhân tài đóng góp cho cộng đồng và xã hội sau này”*.

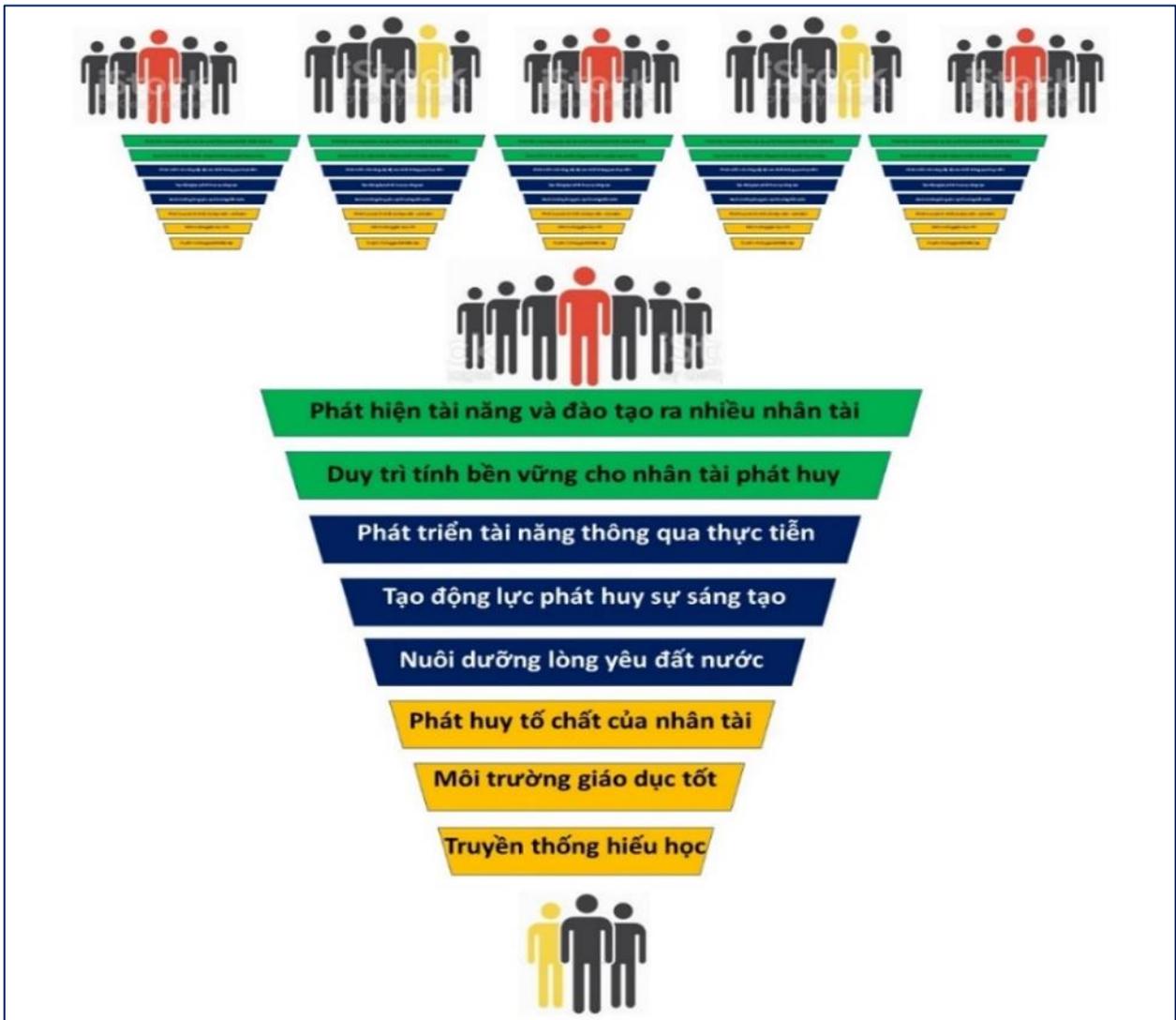
Thầy cô giáo cũng phải là những người nuôi dưỡng, truyền cảm hứng, tạo động lực, khơi dậy tài năng tiềm tàng trong mỗi học sinh, sinh viên ngay từ rất sớm và tiếp tục bồi dưỡng và phát huy những tài năng ấy vì đây là yếu tố then chốt cho sự hình thành nhân tài trong tương lai. Sự hình thành nhân tài sẽ đến khi mà sự phát triển tài năng cấp độ cao nhất thông qua vận dụng những kiến thức tiêu biểu thu nhận được từ học tập, trải nghiệm nghề nghiệp, vận dụng vào thực tiễn tạo ra những giá trị sản phẩm tập thể và cá nhân có ứng dụng hữu ích cho cộng đồng trên tinh thần phục vụ và chia sẻ.

Sau cùng là sự phát triển của tài năng của mỗi một nhân tài không chỉ dừng lại ở việc đóng góp năng lực vượt bậc của mình để tạo ra một sản phẩm hữu hình hay phi vật thể có ích cho cộng đồng mà phải còn là nhiệm vụ phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ, uơm mầm và phát triển tài năng kế thừa, đào tạo ra những đóa hoa tài năng muôn màu sắc, đa dạng và phong phú như một “lăng kính vạn hoa” cho đất nước; đây có thể xem như là kết quả cao nhất trong tháp phát triển nhân tài từ nguồn lực con người của quốc gia. Để cho nhân tài có thể đóng góp một phần vào thực hiện được một số mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cần phải thể chế hóa việc đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài để bảo đảm duy trì tính ổn định và bền vững của nguồn lực nhân tài hiện có và tương lai; phát triển và hình thành các “nhóm tài năng”, câu lạc bộ nhân tài, tạo điều kiện và động lực cho nhân tài phát hiện tài năng mới, tạo sự kế thừa tài năng thông qua việc đào tạo các thế hệ trẻ phát huy tài năng cá nhân ở mức cao nhất, phục vụ cho sự phát triển của của cộng đồng và của đất nước.

6. Kết luận

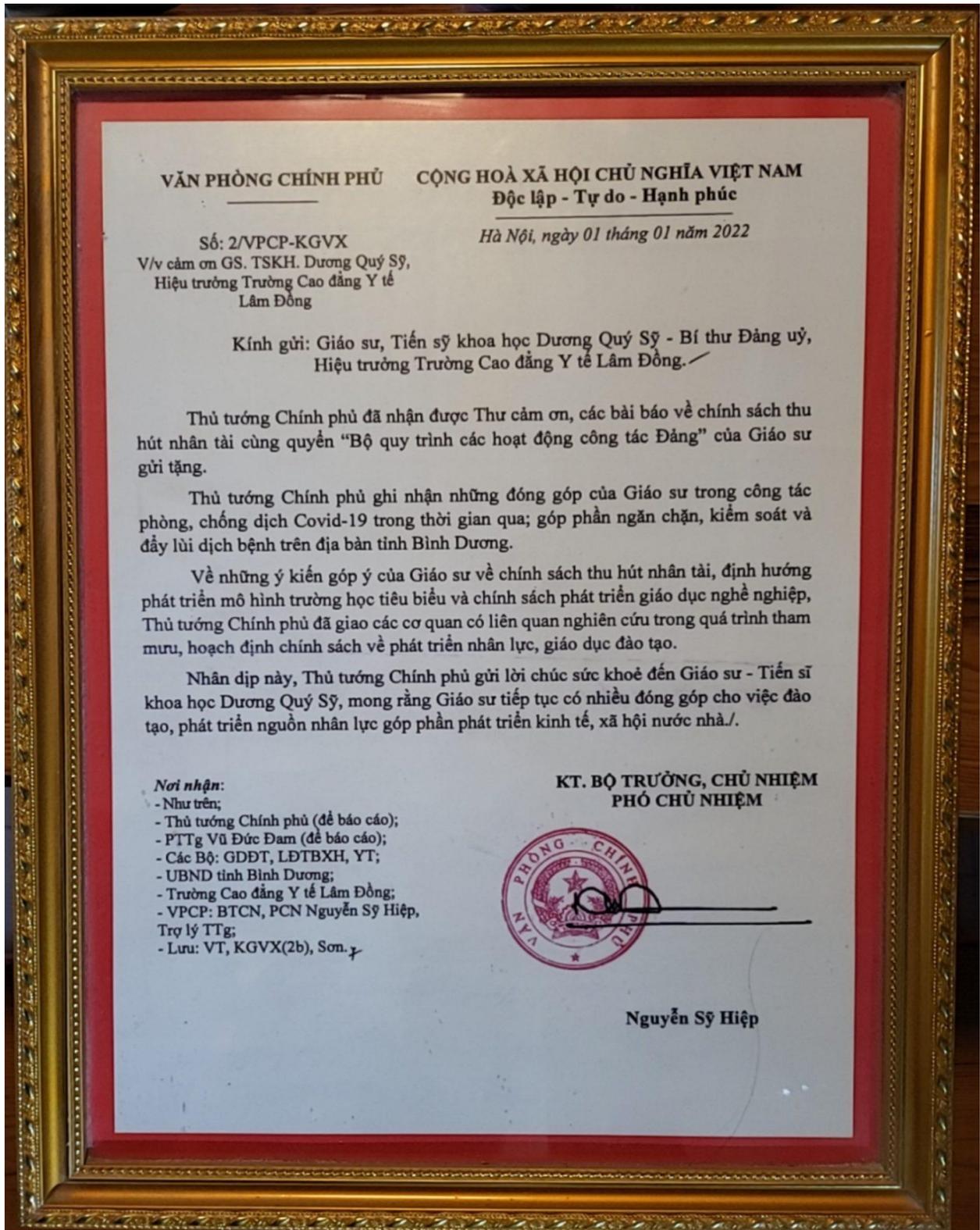
Thu hút, trọng dụng và đãi ngộ “nhân tài” vừa là cơ hội vừa là thách thức cho mỗi quốc gia trong việc tận dụng nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển kinh tế xã hội, đưa đất nước trở thành quốc gia tiên tiến. Việc xây dựng cơ chế chính sách tối ưu về thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, sẽ tạo ra sự đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao,

đóng góp vào việc hiện thực hóa mục tiêu của Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Tài năng luôn ẩn chứa trong mỗi con người và đặc biệt là trong mỗi con người Việt Nam, do vậy các quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71-NQ/TW tạo động lực cho việc đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài từ nguồn lực con người Việt Nam trong và ngoài nước, nguồn lực nhân tài từ các nước trong khu vực/toàn cầu đến đóng góp cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới./.



Mô hình tháp phát triển nhân tài “Vạn hoa” dựa vào truyền thống hiếu học, môi trường giáo dục tốt, tố chất và năng lực sáng tạo của con người Việt Nam để nuôi dưỡng và phát triển tài năng, hình thành nhân tài có lý tưởng đóng góp cho sự phát triển đất nước.

(Tác giả: GS.TSKH. Dương Quý Sỹ).



Thư cảm ơn của Thủ tướng Chính phủ về những bài viết chính sách do GS.TSKH.Dương Quý Sỹ gửi tặng Thủ tướng Chính phủ vào tháng 11/2021.

BÀI THAM LUẬN 5:

GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VÀ CÔNG NGHỆ CAO THEO QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CỦA CÁC NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG

1. Tính cấp thiết của việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao

Trong bài viết "Rạng rỡ Việt Nam", Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định: *“Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới, xây dựng một tương lai huy hoàng, rạng rỡ cho dân tộc Việt Nam”*.

Dựa trên nền tảng tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị về mục tiêu phát triển đất nước, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành công nghệ cao, giúp hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước là một yêu cầu cấp thiết trong tình hình đất nước ta hiện nay. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao có vai trò then chốt trong phát triển đất nước, tạo sự đột phá trong việc thực hiện các chiến lược quốc gia theo mục tiêu và quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương về đột phá phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết 57-NQ/TW), đột phá phát triển giáo dục - đào tạo và tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân (Nghị quyết 71 & 72-NQ/TW), nâng cao chất lượng chính sách xã hội và bảo đảm an ninh năng lượng (Nghị quyết 42 & 70-NQ/TW), cùng với chiến lược bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết 44 & 59-NQ/TW).

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành công nghệ cao có vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra giá trị sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng cao, ứng dụng cho công nghệ cao, phục vụ cho các ngành nghề mũi nhọn, tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, tạo nguồn nhân lực có khả năng cạnh tranh cao với các quốc gia trong khu vực và hội nhập toàn cầu. Với các quan điểm chỉ đạo mang tầm nhìn thời đại, các mục tiêu mang tính chiến lược, các giải pháp mang tính đột phá, các Nghị quyết trung ương vừa được Bộ Chính trị ban hành đã tạo nền tảng lý luận và thực tiễn vững chắc cho việc xây dựng khung pháp lý, tạo tiền đề cho việc

tổ chức thực hiện và triển khai các giải pháp cụ thể cho việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành công nghệ cao, các ngành công nghệ mũi nhọn tạo sự đột phá trong phát triển đất nước.

2. Tính thống nhất và đồng bộ của các Nghị quyết trung ương giúp xây dựng khung pháp lý đột phá đào tạo nhân lực chất lượng cao

Trong bài phát biểu tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết 59/70/71/72-NQ/TW (Hà Nội, ngày 16/9/2025), Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: *“Động lực phát triển mới của đất nước hình thành từ chính các mối liên kết hữu cơ giữa các nghị quyết. Hội nhập quốc tế là cánh cửa vươn ra thế giới; Năng lượng ổn định và xanh là điều kiện cần cho sản xuất, cho trường học, bệnh viện; Giáo dục - đào tạo chất lượng cao cung cấp đội ngũ kỹ sư hệ thống, bác sĩ, nhà quản trị dịch vụ công tương lai; Y tế hiện đại, dự phòng vũng, chăm sóc tốt giúp người dân khỏe mạnh để học, để làm, để sáng tạo”*.

Do vậy các Nghị quyết trung ương là nền tảng vững chắc để xây dựng khung pháp lý cho đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghệ cao và các ngành nghề mũi nhọn; các Nghị quyết được xây dựng trên một hệ tư tưởng và quan điểm thống nhất, lấy con người là trung tâm, dùng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực, phát triển giáo dục và đào tạo làm đột phá, bảo đảm an ninh năng lượng và an ninh y tế là điều kiện nền tảng, hội nhập quốc tế là đòn bẩy cho không gian phát triển toàn cầu của đất nước.

Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 57-NQ/TW là tiền đề giúp cho việc thể chế hóa trong đặt hàng nhiệm vụ quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển các ngành công nghệ cao, tạo xung lực cho đổi mới sáng tạo, phát minh sáng chế và sở hữu trí tuệ quốc gia và quốc tế. Nghị quyết 71-NQ/TW với nền tảng đột phá giáo dục và đào tạo, giúp chuyển nguồn “trí thức mở toàn cầu” thành nguồn lực con người chất lượng cao sẵn sàng cho việc tiếp cận các ngành công nghệ cao (AI, bán dẫn, sinh học, vật liệu, robot, vũ trụ, nguyên tử); giúp gắn đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với các doanh nghiệp công nghệ cao quốc gia, khu vực và quốc tế.

Nền tảng tư tưởng chủ đạo của Nghị quyết 70-NQ/TW giúp kiến tạo thể chế, xây dựng chính sách đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho việc kiểm soát hạ tầng năng lượng chiến lược, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, thúc đẩy

chuyển đổi xanh trong phát triển nguồn năng lượng, gắn với các chính sách nâng cao an sinh xã hội (NQ-44/TW), bảo đảm quốc phòng an ninh. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 70-NQ/TW cũng đã gắn kết chặt chẽ với Nghị quyết 57-NQ/TW trong chuẩn bị nguồn lực chất lượng cao, có năng lực ứng dụng khoa học công nghệ cao, năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đột phá phát triển hiện đại hóa ngành năng lượng, công nghệ năng lượng nguyên tử, dự trữ năng lượng quốc gia, phát triển điện hạt nhân.

Quan điểm trên đây cũng thể hiện sự đồng bộ với quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71-NQ/TW trong đột phá phát triển đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút nhân tài công nghệ; tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các chính sách an ninh năng lượng, an ninh y tế, chăm sóc sức khỏe toàn dân chất lượng cao, chủ động hội nhập quốc tế theo tinh thần của các Nghị quyết 59-NQ/TW và 72-NQ/TW. Đặc biệt sự thống nhất trong quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương giúp thể chế hóa các giải pháp, tạo sự đột phá trong: *“Hội nhập toàn diện về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục-đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác, nhằm phát huy, quảng bá văn hóa dân tộc, tăng cường hợp tác về nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đổi mới, nâng tầm chất lượng giáo dục trong nước ngang tầm khu vực và quốc tế, phát triển con người Việt Nam sánh vai cùng bạn bè quốc tế cả về trí tuệ và thể chất”*. (Trích bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm, tại Hội nghị toàn quốc quán triệt các Nghị quyết trung ương, ngày 16/9/2025).

3. Những định hướng chủ đạo khi thể chế hóa các Nghị quyết trung ương trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Cần phải hoàn thiện và thể chế hóa những quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương liên quan đến tạo sự đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành công nghệ cao, đột phá phát triển khoa học và công nghệ, thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nghiên cứu - phát triển - chuyển giao các sản phẩm khoa học công nghệ, đặc biệt sản phẩm công nghệ cao; ưu tiên tạo sự đột phá phát triển nguồn nhân lực cao trong lĩnh vực công nghệ lõi.

Thể chế hóa việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo cơ chế đặt hàng từ nhà nước và doanh nghiệp công nghệ nhằm phục vụ cho ngành công nghệ cao, các ngành nghề mũi nhọn tạo xung lực cho sự nghiệp hiện đại hóa đất nước; thể chế hóa mối liên hệ hữu

co dựa trên sản phẩm đầu ra trong liên kết giữa viện nghiên cứu công nghệ - cơ sở đào tạo nhân lực chất lượng cao - doanh nghiệp công nghệ và ứng dụng công nghệ.

Thể chế hóa các chiến lược và chính sách quốc gia nhằm tạo sự đột phá phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao từ những vườn ươm nguồn nhân lực công nghệ cao, tài năng công nghệ; chính sách gắn kết với trải nghiệm thực tiễn tại các tập đoàn công nghệ quốc gia và quốc tế; thể chế hóa mạnh mẽ và đồng bộ trong việc hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ hỗ trợ tài năng công nghệ, quỹ đầu tư phát triển đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút nhân tài công nghệ.

Cần phải thể chế hóa việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành công nghệ mũi nhọn, gắn liền với chiến lược hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục và khoa học công nghệ theo chuẩn quốc tế; chuẩn hóa các chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quốc gia, kỹ sư tài năng theo khung quốc tế, liên kết đào tạo bằng kép, cơ chế tham gia chuỗi cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực và toàn cầu. Thể chế hóa chính sách ưu tiên đào tạo - bồi dưỡng nguồn nhân lực cao cho các ngành công nghệ lõi, công nghệ năng lượng nguyên tử, công nghệ vắc-xin và di truyền, công nghệ hàng không và vũ trụ, ngành công nghiệp tự động hóa theo tinh thần các Nghị quyết trung ương để tạo sự đột phá.

Thể chế hóa mạnh mẽ tính đồng bộ của các Nghị quyết trung ương nhằm tạo sự đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao giúp bảo đảm an ninh y tế quốc gia, nguồn nhân lực phục vụ cho y tế chuyên sâu mang tầm quốc tế; phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao có khả năng hoạch định chính sách y tế quốc gia tiệm cận với các nước có nền y học tiên tiến, tạo sự đột phá mạnh mẽ trong phát triển nguồn nhân lực chăm sóc chuyên sâu về sức khỏe nghề nghiệp, an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe tinh thần trong các ngành công nghệ cao, lĩnh vực đặc thù như hàng không vũ trụ hoặc nguyên tử; đào tạo nguồn nhân lực y tế công nghệ cao, y học ứng dụng số hóa và AI, thiết bị y tế và chăm sóc tự động hóa, công nghệ sinh học dựa vào nhân trắc biểu sinh, vắc-xin dự phòng đa giá; phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao trong đổi mới sáng tạo và số hóa, y học gia đình và theo dõi y tế từ xa dựa vào công nghệ cảm biến không dây và không tiếp xúc; đột phá trong phát triển nguồn nhân lực y tế quốc tế là chuyên gia trong chăm sóc y tế các lĩnh vực y

học chuyên ngành giúp phát triển thể chất và cải thiện tuổi thọ như y học giấc ngủ, y học thể chất và dinh dưỡng.

4. Sự cần thiết phải rà soát hệ thống văn bản pháp quy hiện hành liên quan đến nhân lực chất lượng cao, công nghệ cao theo tinh thần Nghị quyết trung ương

Các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và giải pháp của các Nghị quyết trung ương liên quan đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển các ngành công nghệ cao là nền tảng để thể chế hóa các nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian sắp đến, giúp sửa đổi và bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành như Luật Công nghệ cao (Luật số 21/2008/QH12), Nghị định số 99/2012/NĐ-CP quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, liên quan trực tiếp đến các hoạt động công nghệ cao, Nghị định số 74/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2012/NĐ-CP, Văn bản hợp nhất Luật Công nghệ cao số 32/VBHN-VPQH (16/12/2019), Nghị định số 95/2020/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghệ cao liên quan đến ưu đãi thuế, đầu tư, và hỗ trợ phát triển công nghệ cao.

Trong thời gian qua, các văn bản trên đây là nền tảng pháp lý quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển công nghệ cao tại Việt Nam thông qua việc đào tạo nhân lực công nghệ cao và nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành công nghệ cao, hướng đến mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế xã hội, y tế - giáo dục và an sinh xã hội dựa trên khoa học và công nghệ.

5. Một số giải pháp đề xuất xuất phát từ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và giải pháp của các Nghị quyết trung ương trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

5.1. Thể chế hóa việc phát triển các chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghệ cao

Cần thể chế các quy định các ngành công nghệ cao cho phù hợp với mục tiêu của các Nghị quyết trung ương hiện nay; đặc biệt là các ngành công nghệ bán dẫn, công nghệ năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ y sinh học tiên tiến về môi trường – di truyền và dữ liệu nhân trắc biểu sinh, công nghệ vật liệu tương thích y sinh học, công nghệ năng lượng tái tạo và tự động hóa, công nghệ hàng không vũ trụ và năng lượng nguyên tử.

Do vậy, căn cứ vào chính sách phát triển khoa học công nghệ và mục tiêu phát triển đất nước giai đoạn 2025 - 2030 và tầm nhìn 2045 theo tinh thần của các Nghị quyết trung

ương, cần phải bổ sung và cập nhật “*Bảng danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển*”; cần phải quy hoạch mạng lưới quốc gia, vùng và khu vực các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghệ cao; đây là nền tảng để xây dựng các chương trình đào tạo nguồn nhân lực cao phù hợp với các ngành công nghệ cao, tạo động lực cho sự phát triển của các cơ sở giáo dục chất lượng cao và tinh hoa, đóng góp vào sự đột phá trong phát triển kinh tế xã hội, y tế và giáo dục, an ninh quốc phòng và an sinh xã hội, chủ động và tự tin hội nhập quốc tế. Việc thể chế hóa các Nghị quyết trung ương cần tiếp tục kế thừa và phát huy những điểm ưu việt của Luật Công nghệ cao, các chương trình đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao đã được ban hành.

5.2. Thể chế hóa các chính sách liên quan đến yêu cầu thực tiễn của việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho ngành công nghệ cao

Thể chế hóa việc phát triển nhân lực công nghệ cao là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống giáo dục và đào tạo quốc gia nhằm thực hiện chính sách của nhà nước đối với hoạt động công nghệ cao quy định tại Luật Công nghệ cao và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghệ cao phải gắn với mục tiêu các Nghị quyết trung ương, phát triển công nghệ cao đáp ứng nhu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong kỷ nguyên vươn mình hội nhập quốc tế; bảo đảm về số lượng, chất lượng và cơ cấu nhu cầu đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực công nghệ cao theo nhu cầu tuyển dụng và đặt hàng; thể chế hóa các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ thỏa đáng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghệ cao, tài năng công nghệ.

Cần có chiến lược quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho ngành công nghệ cao, công nghệ chiến lược, tạo đột phá cho sự phát triển đất nước. Cần lưu ý đến nguồn nhân lực công nghệ cao phải được đào tạo và đào tạo lại đồng bộ về cơ cấu, trình độ theo khung chính sách nhân lực công nghệ cao dựa trên chuẩn năng lực và cơ chế kiểm định chất lượng độc lập, bao gồm nhà khoa học công nghệ, nghiên cứu viên cao cấp, chuyên gia công nghệ, cán bộ quản lý cao cấp, kỹ sư công nghệ cao. Do vậy cần phải thể chế các Nghị quyết trung ương thông qua các chính sách đặc thù và thống nhất giữa các

bộ ngành chủ quản dưới sự điều phối của nhà nước hoặc các ban chỉ đạo quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

5.3. Thể chế hóa các chính sách giúp tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giữa doanh nghiệp công nghệ và cơ sở đào tạo chất lượng cao

Cần thể chế hóa việc xây dựng mô hình hợp tác bền vững giữa doanh nghiệp công nghệ với cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương.

Việc thể chế hóa giúp cho các cơ sở đào tạo chất lượng cao thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp công nghệ quốc gia và quốc tế, thiết lập vai trò của doanh nghiệp công nghệ tham gia vào quá trình đào tạo, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo nhân lực công nghệ cao mang tính đồng bộ, tối ưu hóa các chương trình thực tập và trải nghiệm thực tế công nghệ chất lượng cao.

Thể chế hóa các chính sách và cơ chế khuyến khích thiết lập các trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cao giữa doanh nghiệp công nghệ và cơ sở đào tạo chất lượng cao phục vụ các ngành công nghệ cao, ngành công nghệ mũi nhọn; thông qua việc thể chế hóa, doanh nghiệp công nghệ và ứng dụng công nghệ cao sẽ có động lực hợp tác sâu rộng hơn với các cơ sở đào tạo chất lượng cao để hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao, cung cấp tài nguyên công nghệ, tài chính ưu đãi, đầu tư rủi ro và cơ hội tiếp cận thị trường nguồn nhân lực công nghệ cao toàn cầu.

Thể chế hóa thông qua luật và các nghị định hướng dẫn các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức thương mại cần có cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp và doanh nhân công nghệ cao tham gia vào việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghệ cao, thông qua việc đầu tư tài chính, hợp tác song phương và đa phương, đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực công nghệ trong lĩnh vực đặc thù và chiến lược.

Cần thể chế hóa chính sách tôn vinh các doanh nghiệp công nghệ, doanh nhân công nghệ, các tổ chức công nghệ đóng góp cho việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng mục tiêu, chương trình quốc gia về công nghệ cao và mục tiêu phát triển đất nước theo tinh thần các Nghị quyết trung ương.

5.4. Thể chế hóa chính sách hỗ trợ từ nhà nước trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho ngành công nghệ cao

Dựa trên mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp các Nghị quyết trung ương, cần phải thể chế hóa các chính sách ưu đãi thuế cho doanh nghiệp công nghệ cao tham gia vào các chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao. Luật Giáo dục, Luật Khoa học công nghệ, Luật Công nghệ cao, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách cần có điều khoản quy định cụ thể việc thành lập các quỹ hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho ngành công nghệ cao với sự hỗ trợ từ chính phủ và doanh nghiệp công nghệ nhằm thúc đẩy các chương trình đào tạo chất lượng cao.

Thể chế hóa các cơ chế, chính sách theo tinh thần Nghị quyết trung ương nhằm thu hút chuyên gia quốc tế về công nghệ cao, các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật công nghệ cao. Xây dựng các vườn ươm khởi nghiệp và chương trình hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ cao, giúp đội ngũ giảng viên và nhà nghiên cứu phát triển ý tưởng công nghệ thành sản phẩm thương mại công nghệ cao.

Thể chế hóa cơ chế khuyến khích các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho ngành công nghệ cao xây dựng phòng thí nghiệm và trung tâm nghiên cứu công nghệ cao quốc gia, khu vực và quốc tế. Đầu tư trọng điểm vào cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho đào tạo các ngành công nghệ cao trọng điểm quốc gia, ưu tiên đầu tư công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và có tính cạnh tranh toàn cầu cao.

Thể chế hóa các chính sách ưu tiên, các chiến lược quốc gia đặc thù phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ mũi nhọn làm đòn bẩy phát triển kinh tế xã hội, phát triển giáo dục và y tế, an ninh quốc phòng và an sinh xã hội trong các lĩnh vực then chốt giúp tạo sự đột phá trong phát triển khoa học công nghệ như trí tuệ nhân tạo cảm xúc, công nghệ y sinh học thích ứng, công nghệ vật liệu tiên tiến, công nghệ năng lượng tái tạo, công nghệ tự động hóa thông minh, công nghệ hàng không vũ trụ đa ứng dụng và công nghệ y tế biểu sinh.

Tóm lại, các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của các Nghị quyết trung ương vừa được ban hành tạo khung chiến lược liên thông trong đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành công nghệ cao; đây là một yêu cầu cấp thiết nhằm tạo

sự đột phá trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược quốc gia về đột phá phát triển kinh tế xã hội, giáo dục và y tế, an sinh xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng, hiện thực hóa việc hội nhập toàn cầu về công nghệ cao và bằng công nghệ cao. Việc đào tạo nhân lực công nghệ cao và nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành công nghệ cao vừa là nhiệm vụ then chốt, vừa là động lực cho sự đổi mới trong giáo dục và đào tạo, là tiền đề cho sự đột phá và đổi mới của các cơ sở đào tạo chất lượng cao tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai theo tinh thần các Nghị quyết trung ương của Bộ Chính trị./.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ và các Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL góp ý Chiến lược quốc gia phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại phiên họp với Lãnh đạo Hội đồng Quốc gia Giáo dục & PTNL và các cơ quan trung ương tại Văn phòng Chính phủ (Hà Nội, tháng 3/2024).

BÀI THAM LUẬN 6:

HỘI NHẬP QUỐC TẾ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 71-NQ/TW

1. Quan điểm chỉ đạo và những giải pháp mang tính đột phá của Nghị quyết 71-NQ/TW trong hội nhập quốc tế

Nghị quyết 71/NQ-TW được ban hành ngày 22/8/2025 nhằm tạo ra sự đột phá trong giáo dục đào tạo (GDĐT) Việt Nam, được xem là một bước ngoặt quan trọng cho giáo dục đại học (GDĐH) của đất nước, thể hiện xuyên suốt tầm nhìn chiến lược, quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị trong phát triển nguồn nhân lực theo xu hướng toàn cầu hóa giáo dục dựa trên sự làm chủ về công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, bảo đảm giá trị truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa nhân loại, chuẩn mực quốc tế trong GDĐH, đào tạo công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu; đặc biệt là theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW, GDĐH được xem như là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, tạo nguồn nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điểm mới nổi bật nhất trong tinh thần hội nhập quốc tế của Nghị quyết 71/NQ-TW liên quan đến GDĐH là tính toàn diện, đột phá về tư duy và chính sách, quan điểm xuyên suốt và đồng bộ từ đổi mới thể chế đến các chính sách đặc thù trong hội nhập quốc tế, bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện cho các cơ sở GDĐH trong hội nhập quốc tế không phụ thuộc vào mức độ tự chủ tài chính nhằm tạo động lực và tạo đột phá trong việc tự quyết định và thực hiện phù hợp với điều kiện trong một số hoạt động như là quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý đối với người giỏi từ nước ngoài; hoặc tự chủ về quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm đối với giáo sư, phó giáo sư và các chức danh giảng viên nước ngoài phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

Một trong những điểm nổi bật khác trong Nghị quyết 71/NQ-TW về hội nhập quốc tế là chủ trương hiện đại hoá, nâng tầm GDĐH, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, đầu tư mạnh mẽ cho GDĐH và có các cơ chế đặc thù để phát triển đại học tinh hoa theo mô hình đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài quốc gia thông qua hội nhập quốc tế và các giải pháp chính sách đột phá khác. Hội nhập quốc tế mạnh mẽ và toàn diện trong GDĐH được thể hiện trong

Nghị quyết 71/NQ-TW thông qua các chủ trương tăng cường chế độ chính sách hỗ trợ cho giảng viên đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài, chủ động xây dựng chương trình thu hút giảng viên xuất sắc từ nước ngoài với các chính sách ưu đãi vượt trội, kết hợp đồng bộ với đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế.

Đặc biệt điểm nổi bật nhất trong tinh thần hội nhập quốc tế của GDDH theo Nghị quyết 71/NQ-TW được thể chế hóa thành một nội dung cụ thể trong nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết thông qua chủ trương đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong GDĐT nói chung và GDDH nói riêng thông qua việc tăng cường đàm phán, ký kết các thoả thuận, hiệp định về hợp tác GDĐT và khoa học công nghệ; thúc đẩy và tạo động lực cho các cơ sở GDDH tham gia các tổ chức bảo đảm chất lượng và phát triển giáo dục quốc tế; tạo cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ sinh viên, giảng viên đi học tập - nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển; tạo cơ chế, chính sách hỗ trợ các cơ sở GDDH hợp tác, liên kết với các đại học có uy tín, doanh nghiệp lớn ở nước ngoài trong các lĩnh vực trọng điểm, công nghệ cao. Đặc biệt chủ trương cho phép các cơ sở giáo dục – GDDH Việt Nam mở văn phòng đại diện, phân hiệu, chương trình giáo dục ở nước ngoài là một trong những đột phá mang tính chiến lược giúp nâng tầm và vị thế GDDH Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

2. Nghị quyết 71-NQ/TW tạo động lực mới cho hợp tác và tham gia mạng lưới giáo dục toàn cầu, cơ hội để giáo dục Việt Nam khẳng định thương hiệu và vị thế trong khu vực và thế giới

Nghị quyết 71/NQ-TW tạo động lực cần thiết và là đòn bẩy trong việc xây dựng chính sách và thể chế hóa các hoạt động hợp tác và chiến lược tham gia mạng lưới giáo dục toàn cầu. Đây là cơ hội để hệ thống GDĐT Việt Nam dựa trên tính đột phá của Nghị quyết 71/NQ-TW để khẳng định thương hiệu và vị thế một nền giáo dục mở, hiện đại, hội nhập sâu rộng theo chuẩn khu vực và thế giới giai đoạn 2025 – 2035, tiến đến một nền giáo dục tiên tiến giai đoạn 2035 – 2045, và tinh hoa kể từ năm 2025. Đây cũng vừa là mục tiêu vừa là điều kiện tiên quyết để đưa Việt Nam thành quốc gia phát triển và có thu nhập cao theo tinh thần của Nghị quyết 71/NQ-TW **“giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc”**. Tuy nhiên để hiện thực hóa điều này, căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 71/NQ-TW, bên cạnh sự tạo điều kiện thời cơ, đột

phá về cơ chế chính sách của toàn hệ thống chính trị trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết, hệ thống GDĐT Việt Nam cần phải tạo sự đột phá trong việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và hội nhập mạng lưới giáo dục toàn cầu.

Do vậy cần phải phát triển mạnh mẽ hơn nữa hệ thống giáo dục hiện nay theo hướng đồng bộ, tiên tiến, toàn diện dựa trên khung trình độ quốc gia tương đương với khung năng lực các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế cho mọi cấp học giúp nâng cao vị thế giáo dục Việt Nam. Thực hiện việc chuẩn hóa chuẩn đầu ra theo chuẩn quốc tế thông qua việc đánh giá và kiểm định, bảo đảm liên thông 8 bậc trong hệ thống giáo dục quốc dân; mở rộng quốc tế hóa hệ thống giáo dục quốc dân thông qua hợp tác quốc tế - liên kết trong đào tạo, chuyển giao chương trình giáo dục, cấp bằng chung giữa các cơ sở đào tạo quốc gia và quốc tế nhằm thu hút người học và nhà giáo quốc tế là những tiền đề cơ bản để tham gia mạng lưới giáo dục toàn cầu. Bên cạnh đó, các cơ sở GDĐT phải được tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại, chuyển đổi số, thực hiện mô hình trường học và quản trị thông minh, giảng dạy song ngữ; nâng cao chuẩn năng lực nhà giáo và thực hiện phương châm nhà giáo trong các cơ sở GDĐT Việt Nam là chủ thể giúp nâng cao thương hiệu và vị thế giáo dục Việt Nam trong khu vực và trên toàn cầu thông qua hoạt động liên kết quốc tế trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật, đào tạo sinh viên quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân tài quốc gia và quốc tế.

Các cơ sở GDĐH, giáo dục nghề nghiệp (GDNN) chất lượng cao là các cơ sở giáo dục có vai trò then chốt trong hợp tác quốc tế và tham gia mạng lưới giáo dục toàn cầu, giúp khẳng định thương hiệu và vị thế giáo dục Việt Nam trong khu vực và trên toàn cầu. Các cơ sở GDNN, GDĐH Việt Nam cần chủ động, kiên quyết trong việc thực hiện kiểm định quốc tế và chủ động sát nhập hay giải thể nếu không đạt yêu cầu chuẩn tối thiểu quốc gia hay khu vực. Các cơ sở GDĐH cần có sự đột phá trong việc thành lập các viện nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu cho các ngành nghề mũi nhọn, các chủ đề nghiên cứu chuyên sâu có tính thời sự và nền tảng cho các ngành khoa học cơ bản; thành lập các hội đồng, các nhóm nghiên cứu đa quốc gia dẫn dắt bởi các nhà khoa học đầu ngành, tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ là các bằng phát minh sáng chế, các công bố quốc tế, các giải thưởng khoa học toàn cầu. Việc thực hiện cơ chế giảng viên đồng cơ hữu theo Nghị quyết 71/NQ-TW cho cơ sở GDNN, GDĐH quốc gia và quốc tế có trình độ học thuật và khoa học cao

đánh giá thông qua chỉ số trích dẫn công bố quốc tế, các hoạt động hàn lâm, vai trò chuyên môn trong các hiệp hội nghề nghiệp quốc tế, các cơ sở giáo dục có uy tín cũng sẽ giúp nâng cao vị thế và thương hiệu của giáo dục nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam trong khu vực và thế giới.

3. Những yêu cầu về chính sách và giải pháp quản trị then chốt nhất để bảo đảm hội nhập quốc tế diễn ra thực chất, tránh hình thức theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW

Vấn đề quan trọng nhất trong yêu cầu quan trọng của hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo là cần phải cải thiện thể chế và có cơ chế thực thi theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71/NQ-TW; đặc biệt là Nghị quyết 71/NQ-TW của Bộ Chính trị “*về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*” ra đời trong bối cảnh thực tiễn đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới, có sự đồng bộ với Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “*về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*”, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị “*về hội nhập quốc tế trong tình hình mới*”, bổ sung cho Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “*Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế*” và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị “*về yêu cầu tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*”.

Do vậy các quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71/NQ-TW về “*Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo*” (Nhiệm vụ, Giải pháp số 8; NQ71/NQ-TW) cần phải được thể chế hóa trong sửa đổi Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục đại học và các Luật liên quan về xuất nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài, hay Nghị định, Thông tư có liên quan về hợp tác, đầu tư nước ngoài và liên kết đào tạo, về công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật, các quy định về tự chủ tài chính, quỹ khoa học công nghệ...

Căn cứ vào nội dung chính của Nghị quyết 71/NQ-TW về “*Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo*” thì các chính sách hoặc giải pháp quản trị then chốt nhất để bảo đảm hội nhập quốc tế diễn ra thực chất, tránh hình thức cần phải tập trung vào việc xây dựng các văn bản pháp quy liên đến các nhóm chính sách chuyên đề

và chuyên sâu về hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo (GDĐT), về hợp tác đa phương và song phương trong hợp tác quốc tế về GDĐT, thỏa thuận hợp tác về giáo dục và khoa học – công nghệ (KH-CN), chính sách học bổng cho học sinh sinh viên và kinh phí hỗ trợ cho nhà giáo đi học tập – nghiên cứu – thỉnh giảng ở các nước đối tác... Cần phải hoàn thiện cơ chế hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học liên kết với cơ sở giáo dục uy tín và doanh nghiệp lớn nước ngoài; chính sách phát triển giáo dục số xuyên biên giới, cơ chế thu hút đầu tư nước ngoài vào GDĐT; ban hành các thông tư, nghị định liên quan đến việc thành lập các viện nghiên cứu song phương và đa phương trong hợp tác quốc tế, các quỹ đầu tư phát triển GDĐT-KH-CN đa quốc gia, cơ chế chính sách liên quan đến tuyển dụng nhân sự nước ngoài và đồng cơ hữu liên quốc gia.

Đặc biệt để đạt được mục tiêu theo Nghị quyết 71/NQ-TW “*đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, đứng vào nhóm 20 quốc gia hàng đầu thế giới, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài khoa học, công nghệ trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của đất nước và ít nhất 5 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực*”, thì việc cần phải có cơ chế chính sách liên quan đến thu hút chuyên gia, học giả và nhân tài trong nước, ở nước ngoài và nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực đã có thời gian dài học tập nghiên cứu – giảng dạy ở các nước tiên tiến quay về phục vụ đất nước là rất cần thiết. Do đây là lĩnh vực đặc thù được chi phối và có liên quan đến nhiều cơ chế chính sách khác nên để tạo sự đột phá và đồng thuận khi triển khai có thể cần phải có quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương để thể chế hóa thành Luật tạo sự thống nhất và đồng thuận xã hội trong phát triển GDĐT quốc gia - hội nhập quốc tế và sự thu hút nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao an tâm đóng góp cho đất nước.

4. Chính sách cần có để thu hút và tận dụng hiệu quả nguồn lực học thuật quốc tế là giảng viên, chuyên gia quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu tại Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW

Việc mời giảng viên, chuyên gia quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu tại Việt Nam được xem là một trong những bước đi quan trọng để hội nhập quốc tế và được xem như là hội nhập quốc tế tại chỗ góp phần thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện; đây cũng là một giải pháp cơ bản và quan trọng trong chiến lược tham gia mạng lưới giáo dục toàn cầu theo tinh

thần Nghị quyết 71/NQ-TW; đặc biệt là việc hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo (GDĐT) có liên quan đến mọi trình độ trong hệ thống giáo dục quốc dân do vậy việc mời giảng viên, chuyên gia quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu tại Việt Nam là rất cần thiết, do vậy cần phải có cơ chế chính sách cụ thể mang tính ổn định và thu hút.

Cần có chính sách thu hút giảng viên, chuyên gia quốc tế các cơ sở giáo dục quốc tế uy tín đến giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục và đào tạo Việt Nam liên quan đến cơ chế hợp tác trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia; chính sách liên quan đến vấn đề nguồn tài chính, hợp đồng công việc, chế độ công vụ; chính sách liên quan đến nghĩa vụ - quyền lợi của giảng viên – nghiên cứu viên đồng cơ hữu, công nhận bằng cấp, học hàm - học vị tương đương; cơ chế chính sách khuyến khích và công nhận nhà giáo – nhà khoa học Việt Nam đồng kiêm nhiệm chuyên môn - học thuật quốc tế.

Quan trọng nhất là để thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu tại Việt Nam cần có các chính sách liên quan đến điều kiện và môi trường làm việc an toàn, đa dạng văn hóa; chính sách ưu đãi về lưu trú, cơ hội được tiếp cận nguồn lực giáo dục và khoa học công nghệ, quỹ khoa học công nghệ, nghiên cứu giáo dục; các chính sách về tôn vinh, vinh danh, khen thưởng cũng cần được cụ thể hóa cho nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục là người nước ngoài.

5. Các trường đại học Việt Nam cần đổi mới đào tạo để hình thành lớp sinh viên có kỹ năng, ngoại ngữ và tư duy toàn cầu, nhưng đồng thời vẫn giữ được bản lĩnh, bản sắc Việt Nam, tăng cơ hội cạnh tranh nguồn nhân lực chất lượng cao theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (CLC) là đã được Nghị quyết 71/NQ-TW đưa ra là mục tiêu hàng đầu trong đột phá về giáo dục và đào tạo (GDĐT); đặc biệt theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71, giai đoạn 2025-2030 hệ thống giáo dục Việt Nam; phải đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đưa đất nước trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; và cho đến năm 2045, nguồn nhân lực chất lượng cao phải là động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của đất nước, góp phần đưa Việt Nam thành nước phát triển, có thu nhập cao. Do vậy mạng lưới cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) đóng vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo và cung

cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu các ngành, lĩnh vực trọng điểm và có khả năng cạnh tranh với nguồn nhân lực CLC toàn cầu.

Do vậy các cơ sở GDDH Việt Nam phải thật sự nỗ lực đổi mới, tạo sự đột phá theo đúng tinh thần và quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71/NQ-TW trong việc hình thành các thế hệ sinh viên có kỹ năng chuyên môn cao, năng lực khoa học công nghệ xuất sắc, trình độ ngoại ngữ vượt trội, đi cùng với tư duy sáng tạo, năng lực hội nhập văn hóa và nghề nghiệp toàn cầu nhưng đồng thời vẫn giữ được bản lĩnh và đam mê trong khát vọng vươn đến đỉnh cao của tri thức toàn cầu; không ngừng phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và truyền thống hiếu học, học tập suốt đời của người Việt Nam.

Xuất phát từ những yêu cầu như trên, các cơ sở GDDH cần phải có những thay đổi và sự đột phá trong nguyên lý giáo dục, cơ chế quản trị theo hướng một nền giáo dục khai phóng tài năng – phát triển năng lực đa chiều – khả năng thích ứng toàn cầu của người học. Để thực hiện được điều này cần phải có sự thay đổi mạnh mẽ, quyết liệt trong thay đổi chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực đầu ra được tích lũy xuyên suốt trong quá trình học tập tiệm cận với chuẩn quốc tế, tăng cường các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trong đào tạo nguồn nhân lực CLC, giảng dạy song ngữ với sự tham gia của giảng viên nước ngoài; phát triển đội ngũ giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá phù hợp với yêu cầu chuẩn năng lực cho hội nhập thị trường lao động toàn cầu. Các cơ sở GDDH cũng cần phải đổi mới mạnh mẽ để có hệ thống quản trị phù hợp theo sứ mệnh - tầm nhìn trong kỷ nguyên mới là “đột phá để phát triển và cạnh tranh toàn cầu”; tranh thủ các nguồn lực tài chính từ nhà nước, nguồn lực xã hội hóa, liên kết với doanh nghiệp, hợp tác quốc tế trong đào tạo – nghiên cứu khoa học, tiếp cận các quỹ tín dụng quốc gia và toàn cầu trong đầu tư cho giáo dục và đào tạo nhằm đa dạng hóa nguồn lực tài chính để thực hiện sự đổi mới, thu hút giảng viên và sinh viên toàn cầu, trao đổi sinh viên quốc tế.

Bên cạnh đó cần thực hiện sự phân luồng và liên thông đồng bộ trong hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hội nhập quốc tế, xây dựng chuẩn đánh giá đầu vào phù hợp để người học xác định được mục tiêu việc học tập là trở thành nguồn nhân lực CLC ngay từ khi tiếp cận với GDDH mà không phải là để trang bị bằng cấp đơn thuần. Việc trang bị năng lực toàn diện cho người học tại các cơ sở GDDH cũng thuận lợi hơn trong thời gian sắp đến vì Nghị quyết 71/NQ-TW cũng đã quán triệt việc nâng cao chuẩn năng lực toàn

diện về ngoại ngữ, chuyên đổi số, trí tuệ nhân tạo, tư duy sáng tạo cho học sinh các cấp học, tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ; tăng cường giáo dục lý tưởng, trách nhiệm xã hội, lối sống văn hoá, truyền thống lịch sử, chính trị nhằm hình thành hệ giá trị con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới; đây cũng chính là cơ sở để hình thành nên bản lĩnh, bản sắc nguồn nhân lực CLC của Việt Nam.

6. Sứ mệnh của y học và khoa học sức khỏe trong hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW giúp tạo cơ hội để các trường đào tạo y khoa Việt Nam nâng tầm quốc tế

Hội nhập quốc tế có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng trong lĩnh vực y học và khoa học sức khỏe. Lịch sử nền y học Việt Nam cũng đã vừa tròn 80 năm hội nhập quốc tế kể từ khi cách mạng Việt Nam giành lại được chính quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và người đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là người đặt nền móng cho việc hội nhập quốc tế ngành y tế thông qua việc mời các chuyên gia y tế Việt Nam học tập, làm việc ở nước ngoài về phục vụ đất nước và cử cán bộ y tế Việt Nam sang học tập các nước bạn ngay từ những ngày đầu giành được độc lập sau Cách mạng Tháng 8/1945; đây là những chuyên gia, những người thầy đã xây dựng hệ thống y tế Việt Nam vừa mang tính dân tộc và hiện đại. Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ và thống nhất đất nước, ngành y tế Việt Nam vừa hội nhập quốc tế tại chỗ thông qua việc tiếp nhận các chuyên gia y tế các nước bạn đến giúp đỡ và hội nhập ngoài biên giới đất nước bằng việc cử du học sinh, cán bộ y tế sang học tập tại nước ngoài. Do vậy sau khi hòa bình lập lại thống nhất đất nước và cho đến nay đã có hàng vạn chuyên gia, cán bộ y tế học tập, tu nghiệp từ các nước có nền y học tiên tiến quay trở về phục vụ đất nước và sang giúp cho các nước bạn trong khu vực và trên thế giới.

Dù rằng nền y học Việt Nam hiện nay cơ bản đã tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực châu Á trong một số lĩnh vực, tuy nhiên để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế ngang tầm chuẩn mực quốc tế các trường đào tạo y khoa Việt Nam, đặc biệt là các trường có bề dày lịch sử lâu đời trong đào tạo nguồn nhân lực y tế cần phải tiếp tục thực hiện vai trò đổi mới, dẫn dắt các cơ sở đào tạo nhân lực y tế đổi mới toàn diện theo tinh thần đột phá về giáo dục và đào tạo của Nghị quyết 71/NQ-TW, tranh thủ các thời cơ và cơ hội được đặt ra để phát triển theo hướng phát triển nguồn nhân lực y tế có chuẩn năng lực

đồng đều trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng, năng lực chuyên sâu trong một số lĩnh vực đặc thù, có kỹ năng tay nghề ngang tầm quốc tế và có khả năng hội nhập quốc tế sâu rộng.

Nghị quyết 71/NQ-TW sẽ tạo động lực và cơ hội để các trường đào tạo y khoa Việt Nam nâng tầm, bắt kịp chuẩn mực quốc tế thông qua việc tăng cường nguồn lực tài chính đầu tư vào cơ sở vật chất hiện đại, số hóa, quản trị thông minh cho các trung tâm mô phỏng, các bệnh viện thực hành; đổi mới chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực quốc tế để có sự công nhận bằng cấp toàn cầu; thu hút giảng viên và chuyên gia y tế đầu ngành quốc gia và quốc tế là đồng cơ hữu, công nhận học hàm – học vị lẫn nhau theo chuẩn quốc tế; thành lập các trung tâm nghiên cứu, các viện nghiên cứu y học hợp tác quốc tế đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu – công bố quốc tế - chuyển giao kết quả mang tính toàn cầu hóa về các vấn đề sức khỏe dựa trên cơ sở dữ liệu lớn, các thử nghiệm lâm sàng đa quốc gia, các nghiên cứu về yếu tố biểu sinh và môi trường, y sinh học thực nghiệm và ứng dụng, trí tuệ nhân tạo trong y học lâm sàng, thực hiện các nghiên cứu đoàn hệ đa quốc gia cho các vấn đề sức khỏe ưu tiên và các mô hình dịch bệnh, góp phần giúp khẳng định vị thế học thuật trong lĩnh vực y học của Việt Nam trên toàn cầu.

Theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế, các trường đào tạo y khoa có thể tiếp nhận các chương trình đào tạo bác sĩ, điều dưỡng quốc tế từ các nước có mô hình đào tạo tương đồng với Việt Nam như của các nước châu Âu có bằng cấp được công nhận toàn cầu; đẩy mạnh việc giảng dạy chương trình nhóm ngành sức khỏe bằng song ngữ tiếng Anh hay tiếng Pháp hoặc ngôn ngữ các nước đối tác chuyển giao chương trình tiên tiến, chăm sóc sức khỏe từ xa dựa vào công nghệ. Bên cạnh đó việc kiểm định chương trình đào tạo nhóm ngành sức khỏe theo chuẩn năng lực quốc tế, được thực hiện bởi các tổ chức kiểm định có uy tín toàn cầu giúp cho việc công nhận bằng cấp và năng lực nghề nghiệp trở nên thuận lợi hơn. Các trường đào tạo bác sĩ y khoa cần chuyển đổi dần theo mô hình đào tạo như hiện nay của Cộng hòa Pháp theo hình thức 6 + 4, nghĩa là 6 năm học đa khoa và 4 năm làm bác sĩ nội trú bắt buộc tại các bệnh viện trước khi hành nghề chuyên ngành, được lựa chọn và xếp hạng thông qua kỳ thi bác sĩ nội trú quốc gia, tránh được việc phải học chuyên khoa sau thời gian hành nghề; việc cập nhật kiến thức y khoa liên tục sau đào tạo được đánh giá thông qua việc tham gia các hoạt động khoa học y học, các hội nghị - hội thảo chuyên ngành định kỳ hàng năm, bảo đảm cho việc học tập suốt

đòi về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề. Đặc biệt cần vận dụng tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW để tập trung ưu tiên cho đối tượng là bác sĩ nội trú có cơ chế được hưởng lương như các nước tiên tiến trong thời gian làm việc tại bệnh viện, chế độ thụ hưởng học bổng, phụ cấp khi được tiếp nhận sang học tập tại các nước y học tiên tiến truyền thống trong khu vực và trên toàn cầu.

7. Giá trị cốt lõi giáo dục Việt Nam cần khẳng định trong quá trình hội nhập theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW để tiếp thu tinh hoa thế giới và đóng góp bản sắc riêng cho tri thức nhân loại

Giá trị cốt lõi trong giáo dục luôn là mục tiêu hàng đầu các nền giáo dục tiên tiến đặt ra để làm kim chỉ nam cho hoạt động giáo dục và đào tạo. Trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, với mục tiêu tạo sự đột phá trong giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW, chiến lược quốc gia về phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2045 do Bộ GDĐT xây dựng trình Chính phủ phê duyệt, “giá trị cốt lõi” của giáo dục Việt Nam trong kỷ nguyên mới phải nhằm đạt được các mục tiêu then chốt trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, hội nhập quốc tế, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa thế giới và đóng góp giá trị bản sắc văn hóa và tri thức Việt Nam cho nhân loại; “giá trị cốt lõi” giáo dục Việt Nam vẫn tiếp tục kế thừa và phát triển giá trị truyền thống trước đây nhằm đạt mục tiêu “khai phóng, nhân bản và phụng sự”. Trong đó “khai phóng” giúp khơi dậy và phát triển toàn diện các giá trị con người về tri thức và trí tuệ cảm xúc; “nhân bản” nhằm mục tiêu giáo dục con người toàn diện đức, trí, thể, mỹ, giáo dục vì con người và con người là chủ thể của giáo dục; “phụng sự” là phụng sự quốc gia và không chỉ là phụng sự đất nước theo giới hạn địa lý mà là phụng sự toàn cầu trong hội nhập quốc tế; phụng sự toàn cầu là hình thức chuyển giao tri thức nhân loại đa chiều, tiếp thu tinh hoa và thành tựu khoa học kỹ thuật từ các nước tiên tiến trong quá trình hội nhập toàn cầu về đóng góp cho đất nước hiệu quả và nhanh chóng nhất, giúp nâng cao vị thế đất nước và nguồn nhân lực chất lượng cao Việt Nam trên toàn cầu.

8. Triển vọng đột phá cho cộng đồng đại học Việt Nam trong hành trình hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW

Giai đoạn 2025-2030 là khoảng thời gian thiết yếu cho mạng lưới giáo dục đại học (GDDH) Việt Nam vươn mình phát triển và hội nhập quốc tế toàn diện theo tinh thần Nghị

quyết 71/NQ-TW. Những kỳ vọng lớn nhất của đất nước và của ngành giáo dục cho GDDH đã được cụ thể hóa trong mục tiêu của Nghị quyết 71 theo từng giai đoạn, tập trung vào việc nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng, tiến đến hội nhập quốc tế; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm quốc gia và khu vực; tăng chỉ số xếp loại học thuật của các cơ sở GDDH dựa trên công bố quốc tế, phát minh sáng chế, đồng tác giả quốc tế với các cơ sở GDDH quốc tế uy tín có thứ hạng cao, tiến đến việc đạt mục tiêu có được 01 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế.

Tuy nhiên thực trạng hiện nay cho thấy mạng lưới GDDH Việt Nam chưa đồng đều về năng lực tổ chức quá trình dạy và học theo khung trình độ quốc gia phù hợp với chuẩn năng lực quốc tế; nền tảng hạ tầng trong hội nhập quốc tế ở một số cơ sở GDDH địa phương và khu vực còn chênh lệch nhiều so với các đại học quốc gia, các trường đại học đã có truyền thống hội nhập quốc tế; phương thức quản trị đại học ở một số cơ sở GDDH vẫn chưa bắt kịp được xu hướng toàn cầu hóa, giáo dục mở, hội nhập đa chiều, phương thức dạy và học tiên tiến.

Do vậy kỳ vọng lớn nhất trong thời gian tới sau khi triển khai thực hiện chỉ thị theo Nghị quyết 71/NQ-TW là mạng lưới GDDH Việt Nam có vừa tính đồng bộ cao trong hội nhập quốc tế, vừa đạt được chuẩn năng lực và kiểm định quốc tế, đào tạo ra được nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực và định hướng toàn cầu hóa; nguồn nhân lực sau đào tạo thích ứng kịp thời với môi trường làm việc cạnh tranh, đa văn hóa, đa ngôn ngữ trong đó tiếng Anh là ngôn ngữ chính; hệ thống GDDH Việt Nam có sự liên thông và chia sẻ thông tin trong hội nhập quốc tế, trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu thế giới; thu hút người học là sinh viên quốc tế đến học tập, nghiên cứu tại Việt Nam và các giảng viên, chuyên gia quốc tế đến làm việc tại các cơ sở GDDH Việt Nam; tiến đến hình thành mạng lưới các khoa quốc tế, các trường đại học quốc tế tại Việt Nam và cấp bằng có giá trị toàn cầu./.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ được phong học hàm giáo sư giảng dạy tại Đại học Y khoa Penn State – Mỹ (từ 2016-2022; 2022-2028) nhận hoa chúc mừng từ Đ/c Trần Ngọc Liêm - Nguyên Phó Tổng thanh tra Chính phủ - Nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng. (Đại học Penn State là đại học có quy mô lớn nhất nước Mỹ và xếp hạng top 50 thế giới).

BÀI THAM LUẬN 7:

ĐỊNH HƯỚNG QUYỀN TỰ CHỦ - TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT 71/NQ-TW

Nghị quyết 71/NQ-TW được ban hành ngày 22/8/2025 nhằm tạo đột phá trong giáo dục và đào tạo (GDĐT) Việt Nam, là bước ngoặt quan trọng cho giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp (GDNN). Nghị quyết 71/NQ-TW thể hiện tầm nhìn chiến lược của Bộ Chính trị về phát triển nguồn nhân lực theo xu hướng toàn cầu hóa giáo dục dựa trên làm chủ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, gìn giữ giá trị truyền thống, tiếp thu tinh hoa nhân loại và chuẩn mực quốc tế, đào tạo công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu. Theo tinh thần Nghị quyết 61/PM giáo dục đại học được xác định là nòng cốt đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; **“GDNN là trụ cột phát triển nhân lực kỹ năng, gắn chặt với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động”**, bảo đảm liên thông hiệu quả trong 8 bậc của khung trình độ quốc gia và tương thích khung khu vực/quốc tế.

Theo tinh thần của Nghị quyết 71-NQ/TW, các cơ sở GDNN được chủ động quyết định và tổ chức thực hiện việc dạy – học phù hợp điều kiện của mình, chủ động trong tuyển dụng, bổ nhiệm lãnh đạo/quản lý và thu hút nhân lực chất lượng cao trong nước và từ nước ngoài; tự chủ học thuật, chương trình, mô-đun kỹ năng nghề, đào tạo song ngữ, đào tạo gắn kết với doanh nghiệp; tự chủ tài chính gắn cơ chế đặt hàng theo kết quả; đồng thời phải tự chịu trách nhiệm thông qua kiểm định độc lập, công khai dữ liệu, chuyển đổi số hệ sinh thái giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời và mở rộng hợp tác quốc gia và quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo và gắn với việc làm, hướng tới hội nhập khu vực/quốc tế trong GDNN.

Nghị quyết 71-NQ/TW đã mang lại quan điểm đổi mới mang tính đột phá cho phát triển GDNN, lấy **“tự chủ đi kèm trách nhiệm giải trình”** và hội nhập theo chuẩn khu vực/quốc tế làm mục tiêu xuyên suốt. Về thể chế và quản trị, Nghị quyết 71-NQ/TW yêu cầu đẩy mạnh phân cấp - phân quyền gắn với cơ chế giám sát, kiểm tra hiệu quả, chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, tinh gọn bộ máy, làm rõ vai trò chủ thể lãnh đạo

và thẩm quyền chịu trách nhiệm ở các cơ sở GDNN, vận hành theo mục tiêu - kết quả, tinh gọn các thủ tục hành chính. Điểm mới nổi bật trong quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71/NQ-TW là tính đột phá về tư duy chiến lược và chính sách mang tính toàn diện, đồng bộ từ đổi mới thể chế đến cơ chế đặc thù: *“bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện cho cơ sở GDNN, không phụ thuộc mức độ tự chủ tài chính”*.

Đặc biệt là quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình trong các cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng trong việc đạt được mục tiêu của GDNN theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71-NQ/TW: GDNN được xác định giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao, gắn “học đi đôi với hành”, “nhà trường gắn với xã hội”; đến năm 2030 phải có ít nhất 80% cơ sở GDNN đạt chuẩn quốc gia, 20% được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á, tỷ lệ học sau trung học phổ thông đạt 50%, tỷ lệ lao động nghề có trình độ cao đẳng/đại học trở lên đạt 24%; tầm nhìn đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống GDNN hiện đại, công bằng và chất lượng, mọi người dân có cơ hội học tập suốt đời, nguồn nhân lực nghề chất lượng cao trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của đất nước, góp phần đưa Việt Nam thành nước phát triển, có thu nhập cao.

Do vậy định hướng quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình trong các cơ sở GDNN theo tinh thần của Nghị quyết 71-NQ/TW phải được thực thi nhằm bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện không phụ thuộc mức độ tự chủ tài chính; đồng thời phải tự chịu trách nhiệm giải trình thông qua hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ vững mạnh, kiểm định độc lập quốc gia/ quốc tế định kỳ, công khai dữ liệu số hóa và bộ chỉ số minh bạch trong tuyển sinh, tốt nghiệp, việc làm, chuẩn năng lực quốc gia/khu vực/quốc tế; đưa kiểm định/xếp hạng cơ sở GDNN như tiêu chí giám sát năng lực quản trị và là điều kiện bảo đảm cho việc thực thi quyền tự chủ.

Theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW, quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong các cơ sở GDNN về chuẩn hóa nguồn nhân lực nghề và nghề chất lượng cao cần phải dựa trên các văn bản pháp quy về sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn của khung trình độ quốc gia, thúc đẩy liên thông ngang - dọc (liên thông lên) và công nhận lẫn nhau với khung khu vực/quốc tế, nâng chuẩn đầu ra theo tiêu chí so sánh/đối chiếu tiệm cận với chuẩn năng lực nghề quốc tế. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong cơ sở GDNN phải dựa trên các

Thông tư/Nghị định trong việc chuyển từ cơ chế phân bổ nguồn lực sang định hướng quản trị theo kết quả đầu ra, mở rộng đặt hàng giao nhiệm vụ ở các ngành mũi nhọn, công nghệ cao và phục vụ công nghệ cao, khuyến khích đối chiếu công khai minh bạch các chuẩn năng lực giữa các cơ sở GDNN trong và ngoài nước, bảo đảm cho người học tiếp nhận được thông tin theo quyền lợi được thụ hưởng.

Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW mang tính toàn diện trong các hoạt động dạy – học và quản trị về số hóa, xây dựng hệ sinh thái học tập suốt đời với hồ sơ học tập điện tử, dữ liệu số hóa trực tuyến dùng chung, học liệu mở, học theo tín chỉ /mô-đun được công nhận liên thông quốc gia và quốc tế. Định hướng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong các cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW cần phải được phát triển ở mức độ chính sách vĩ mô liên quan đến việc gắn kết đào tạo với thị trường lao động, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực nghề - nghề chất lượng cao quốc gia/khu vực và toàn cầu; mở rộng đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp /công ty liên doanh đa quốc gia, phát triển đào tạo kép và đào tạo song ngữ, đào tạo chương trình nước ngoài được chuyên giao; đồng xây dựng chuẩn năng lực với doanh nghiệp, thúc đẩy đầu tư công - tư và xã hội hóa trong GDNN; xây dựng các trung tâm khu vực về đào tạo mô phỏng nghề theo chuẩn năng lực quốc gia và quốc tế.

Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW có vai trò đặc biệt quan trọng trong hội nhập đào tạo nghề quốc tế, thu hút chuyên gia/giảng viên quốc tế bằng chính sách ưu đãi, hỗ trợ giảng viên nghề học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài trong các ngành nghề chuyên sâu và công nghệ cao, trao đổi sinh viên quốc tế; thực thi cơ chế giảng viên đồng cơ hữu quốc gia – quốc tế trong GDNN, gắn liền với đồng cấp bằng và liên kết đào tạo toàn cầu, mở rộng thỏa thuận hợp tác và tham gia tổ chức bảo đảm chất lượng quốc tế để tăng công nhận tín chỉ/chứng chỉ hay bằng cấp, tiếp cận các quỹ tín dụng hỗ trợ đào tạo nghề quốc gia và quốc tế. Sau cùng, định hướng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW cần phải được thực thi trong chuẩn hóa nguồn nhân lực nhà giáo GDNN thông qua các hoạt động nhằm mục tiêu nâng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo, bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực số trong hoạt động dạy học và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, cơ chế chính sách đãi ngộ để thu hút – giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài trong GDNN.

Do vậy để đạt được mục tiêu chỉ đạo của Nghị quyết 71/NQ-TW về đột phá trong phát triển GDNN gắn liền với đột phá về quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, các cơ sở GDNN cần phải linh hoạt, sáng tạo trong quản trị theo hướng tiên tiến; hội nhập sâu rộng khu vực và toàn cầu về nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao tính minh bạch và chịu trách nhiệm toàn diện trước người học, doanh nghiệp và xã hội; phấn đấu đạt mục tiêu trước thời hạn theo tinh thần Nghị quyết 71/NQ-TW: “*đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống GDNN hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh đưa Việt Nam thành nước phát triển, có thu nhập cao*”./.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ chụp hình lưu niệm cùng Phó trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Huỳnh Thành Đạt – Nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, tại Hội thảo Định hướng tự chủ và Trách nhiệm giải trình trong các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp do Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tại Trường Cao đẳng Lý Thái Tổ - Bắc Ninh, ngày 11/9/2025.

BÀI THAM LUẬN 8:

XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC VIỆT NAM TIÊU BIỂU THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG

1. Mở đầu

Truyền thống văn hóa nghìn năm Văn Hiến của Việt Nam luôn coi trọng yếu tố con người, không ngừng phát huy những nét đẹp của tinh thần “tôn sư trọng đạo” trong giáo dục và đào tạo. Theo quan niệm truyền thống, người thầy luôn được xem như là chủ thể của giáo dục và thể hiện rõ nét thông qua những câu nói như: “*nhất tự vi sư, bán tự vi sư (một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy)*”. Triết lý cao đẹp của nền giáo dục truyền thống là sản sinh ra được những thế hệ người trò có “*tâm, tài, đức*”, hướng người học đến “*chân, thiện, mỹ*”, duy trì được các chuẩn mực đạo lý gia đình – xã hội và luôn nuôi dưỡng tình yêu thương gia đình, cộng đồng và quê hương đất nước, duy trì những truyền thống tốt đẹp như “*lá lành đùm lá rách*” hoặc “*một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ*”. Trong mối quan hệ gia đình, giáo dục và đào tạo góp phần giúp nuôi dưỡng những truyền thống tốt đẹp của mỗi gia đình Việt Nam, với đặc thù của sự chung sống hòa thuận của nhiều thế hệ và luôn duy trì lòng “*hiếu thảo*” cùng với sự “*kính trên nhường dưới*”. Những nét đẹp này là sự phản chiếu thành quả của giáo dục từ gia đình và nhà trường xuyên suốt qua các cấp học, thông qua sự hấp thụ những điều tốt đẹp từ các mối quan hệ với thầy cô, với bạn bè, với ý thức kỷ luật và nề nếp trong văn hóa ứng xử và cả trong thực hiện nội quy trường lớp.

Trong giai đoạn hiện nay và trước những yêu cầu thực tiễn về sự đa dạng hóa trong phát triển về văn hóa và giáo dục trong nhà trường, khoa học công nghệ và chuyển đổi số quốc gia, chăm sóc y tế và hội nhập quốc tế, cần phải xây dựng những mô hình trường học tiêu biểu trên cơ sở vừa tôn vinh những truyền thống tốt đẹp về văn hóa và giáo dục của dân tộc, vừa bảo đảm được tính thời đại và toàn cầu hóa, vừa chủ động phát huy được vai trò và sứ mệnh của người thầy và người học là điều cần thiết.

Sự ra đời của các Nghị quyết trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết 57-NQ/TW; 22/12/2024), về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết 59-NQ/TW; 24/01/2025), về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 70-NQ/TW;

20/8/2025), về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân (Nghị quyết 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025; Nghị quyết 72-NQ/TW, ngày 9/9/2025), là nền tảng tư tưởng và quan điểm chỉ đạo để tạo sự đột phá trong phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Các Nghị quyết trung ương được Bộ Chính trị quán triệt tại các Hội nghị toàn quốc trong thời gian qua nhằm để triển khai thực hiện trong toàn hệ thống chính trị, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, là động lực để tạo sự đột phá trong thay đổi mô hình quản trị và môi trường giáo dục Việt Nam theo hướng “*kết hợp văn hóa truyền thống với giáo dục hiện đại, hòa quyện tính kỹ luật và khai phóng, phát huy bản sắc cá nhân và phụng sự*”. Những thành tựu ban đầu của việc thực hiện thành công việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29/NQ-TW (4/11/2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, theo Kết luận số 91-KL/TW (12/8/2024) của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, cũng vẫn sẽ là nền tảng để xây dựng một đời sống văn hóa mới trong các cơ sở giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

2. Cơ sở lý luận làm nền tảng cho việc xây dựng trường học tiêu biểu theo tinh thần các Nghị quyết trung ương

Trong bài phát biểu tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết trung ương, Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam – Tô Lâm, đã khẳng định: *Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, động lực then chốt để phát triển đất nước. Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư, bồi đắp, nâng cao "nguyên khí quốc gia", chính là đầu tư cho tương lai của dân tộc. Đây là lĩnh vực then chốt của mọi then chốt, là động lực căn cơ của tăng năng suất, bứt phá năng lực cạnh tranh quốc gia, nuôi dưỡng khát vọng phát triển. Giáo dục và đào tạo theo phương châm “Lấy chất lượng làm trục - lấy nhà giáo làm then chốt - lấy công nghệ làm đòn bẩy”.* (Trích bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai các Nghị quyết trung ương; Hà Nội, 16/9/2025).

Việc giáo dục đạo đức, văn hóa phải được nuôi dưỡng từ gia đình, phát triển trong nhà trường và tương tác, phát huy trong mối quan hệ xã hội. Do vậy, nhà trường có vai trò rất

quan trọng và tiên quyết trong hoạt động giáo dục thế hệ trẻ, song hành cùng với gia đình. Một đất nước có nền văn hóa và giáo dục tốt sẽ được biểu hiện rõ nét thông qua các ứng xử trong xã hội, vì đây là tập hợp những phản chiếu đa chiều, đa màu sắc của những quy tắc ứng xử, của những chuẩn mực đạo đức và những nét tinh hoa của truyền thống dân tộc. Có thể nói rằng việc đổi mới và phát triển của giáo dục hiện nay đòi hỏi vai trò đóng góp tích cực của từng thành viên trong xã hội và chủ thể của giáo dục không chỉ phải là người thầy mà phải đặt trọng tâm vào người học và những thực thể có liên quan.

Tư tưởng chủ đạo của Nghị quyết 71-NQ/TW đã nêu rõ trong bối cảnh thế giới có những thay đổi sâu sắc, toàn diện, đặc biệt công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang tái định hình nền giáo dục trên phạm vi toàn cầu, mỗi quốc gia đều phải xác định lại tầm nhìn và chiến lược mới cho hệ thống giáo dục trong tương lai. Nghị quyết cũng nhấn mạnh: *“Đất nước ta đang đứng trước vận hội lịch sử để phát triển bứt phá, yêu cầu xây dựng con người, xây dựng nguồn nhân lực đặt ra rất quan trọng và cấp bách, đòi hỏi phải đột phá phát triển giáo dục và đào tạo góp phần xây dựng thế hệ con người Việt Nam mới có lòng yêu nước và tự hào dân tộc, đủ bản lĩnh, trí tuệ, năng lực, trình độ, sức khoẻ để đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới”* (Trích Nghị quyết 71-NQ/TW).

Do vậy, xây dựng mô hình trường học tiêu biểu trong giáo dục đào tạo không chỉ dựa trên những thành tựu của sự đổi mới và sáng tạo, mà còn phải dựa trên những nét đẹp trong truyền thống văn hóa, hạn chế những khiếm khuyết của nền giáo dục *“khoa cử từ chương”* còn tồn tại; phải kết hợp chặt chẽ với tính hiện đại trong quá trình toàn cầu hóa, sự đa dạng trong giáo dục đào tạo và xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế của văn hóa và giáo dục. Mỗi trường học phải là một mô hình thu nhỏ của nền văn minh & văn hóa xã hội, giáo dục kiến thức phải song hành với giáo dục con người. Mỗi người học và mỗi người thầy, mỗi cán bộ quản lý giáo dục và những con người làm việc trong các cơ sở giáo dục đào tạo phải là một tấm gương tiêu biểu về văn hóa, hội tụ những phẩm chất và tình cảm cao đẹp nhất của con người Việt Nam.

Đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục đào tạo (Nghị quyết 29-NQ/TW) là kim chỉ nam cho sự đổi mới của nền giáo dục Việt Nam trong thời gian qua, dựa trên những đổi mới về thể chế và cơ sở pháp lý về giáo dục đào tạo, đổi mới thiết chế tổ chức của các cơ

sở giáo dục đào tạo, đặc biệt phải lấy yếu tố con người bao gồm người thầy và người trò làm nền tảng. Sự phát huy năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của người đứng trên bục giảng, kết hợp với việc tập trung nâng cao vị thế và vai trò người học sẽ góp phần xây dựng mỗi cơ sở giáo dục đào tạo là một hạt nhân trong sự đổi mới. Giáo dục đào tạo các cấp học phải lấy văn hóa truyền thống là cốt lõi, lấy tư tưởng đổi mới & sáng tạo của nền giáo dục mở, tiên tiến và hội nhập làm mục tiêu phấn đấu, xây dựng được một trường lớp mang tính ưu việt, bảo đảm công bằng, dân chủ và văn minh.

Việc triển khai các quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết 57-NQ/TW; 22/12/2024), về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết 59-NQ/TW; 24/01/2025), về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 70-NQ/TW; 20/8/2025), về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân (Nghị quyết 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025; Nghị quyết 72-NQ/TW, ngày 9/9/2025), sẽ là nền tảng xây dựng những mô hình trường học tiêu biểu tại Việt Nam trong kỷ nguyên mới, “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

Xây dựng mỗi trường học, mỗi cơ sở giáo dục đào tạo trở thành một mô hình tiêu biểu về văn hóa và giáo dục dựa trên những quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương, thực hiện phương châm “thầy ra thầy, trò ra trò” trên các mặt đạo đức, nhân cách, tri thức; kiên quyết chấn chỉnh tiêu cực trong giáo dục, coi trọng danh dự người thầy, tôn vinh người thầy trong xã hội (Nghị quyết 71-NQ/TW); dựa trên những giá trị chuẩn mực đạo đức & văn hóa của UNESCO cũng sẽ là rất cần thiết, song hành với việc xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam hiện nay; gắn liền với việc xây dựng một “*xã hội học tập*”, “*công sở văn hóa*”... sẽ góp phần vào việc xây dựng và đổi mới hệ thống giáo dục đào tạo vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính hiện đại. Mỗi trường học phải vận dụng và thích ứng với những thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, thích ứng với tình trạng dịch bệnh, chung tay phòng chống ô nhiễm môi trường, giảm thiểu những tác động của biến đổi khí hậu, không ngừng phát triển thể chất của người học, để vì một mục tiêu chung là “*Xây dựng nền giáo dục Việt Nam mang tính hiện đại, tiên tiến, đa dạng về bản sắc và giàu truyền thống văn hóa dân tộc*”.

3. Thực trạng về nền tảng tư tưởng trong xây dựng trường học tiêu biểu hiện nay theo tinh thần các Nghị quyết trung ương

Dựa trên thực hiện chức năng nhiệm vụ then chốt là “trồng người”, một số cơ sở giáo dục đào tạo và nhà trường tập trung chủ yếu vào việc truyền đạt kiến thức - kỹ năng - thái độ cho người học, áp dụng một số phương pháp dạy – học mới nhằm phát huy năng lực tư duy & khả năng sáng tạo của người học; thế nhưng chưa tạo động lực cho người học các cấp phát huy toàn diện những đức tính tốt đẹp về văn hóa và đạo đức một cách chủ động, chưa tập trung nhiều vào sự nuôi dưỡng tâm hồn người học với một tinh thần nồng nàn yêu nước - thương người, chưa chú trọng đề cao những chuẩn mực đạo đức cao đẹp của người công dân, trách nhiệm cao cả với gia đình, với cộng đồng và xã hội; do vậy chưa nêu bật được trách nhiệm người học với bản thân trong học tập, sáng tạo và trong rèn luyện ý thức nề nếp - kỷ luật. Đặc biệt, việc phát triển thể chất chưa được quan tâm đúng mức, do vậy người học là thế hệ trẻ chưa được phát triển mạnh mẽ, hài hòa và toàn diện về thể chất lẫn tâm hồn.

Nhà trường và các cơ sở quản lý giáo dục các cấp đã có nhiều đổi mới tích cực, nhưng tập trung chủ yếu vào những thay đổi về cấu trúc nhiều hơn là phát triển nội hàm của việc xây dựng một môi trường văn hóa và giáo dục tiêu biểu. Giá trị này được biểu hiện thông qua các mối quan hệ giàu tính nhân văn giữa người dạy – người học, mối quan hệ giàu chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức công vụ của những con người phục vụ trong các cơ sở giáo dục đào tạo, phải có tác phong và tư duy làm việc mang tính đổi mới, sáng tạo, giàu truyền thống và thể hiện rõ nét các thuộc tính khoa học, chuyên nghiệp, hiện đại và tiêu biểu.

Mối quan hệ nhân sự học đường còn mang đậm tính truyền thống và tập trung chủ yếu vào người thầy. Một số cơ sở giáo dục phải thường xuyên sử dụng công cụ quản lý nhà nước để xử lý các khiếm khuyết về quy chế công vụ, văn hóa công sở, trong đánh giá hoàn thành chức năng & nhiệm vụ, nhiều hơn là tạo sự thay đổi dựa trên nền tảng việc nâng cao các giá trị văn hóa & đạo đức công sở, mối quan hệ con người giàu tính nhân văn, những chuẩn mực trong sự nêu gương của người thầy, hướng đến xây dựng một trường học luôn mang tính “*kỷ cương, tình thương và trách nhiệm*”.

Một số trường học chưa thật sự sáng tạo và chủ động vận dụng những quan điểm giáo dục hiện đại của tổ chức UNESCO vào thực tiễn, chưa vận dụng triệt để những tinh hoa và trí tuệ của các nghị quyết trung ương vào xây dựng mô hình trường học tiêu biểu, chưa coi trọng việc xây dựng công sở văn minh - văn hóa, chưa quán triệt việc phát huy truyền thống khuyến học – khuyến tài cơ sở, trong đó nhà trường phải là hạt nhân của xã hội học tập. Một số cơ sở giáo dục đào tạo, trường học chưa thấy được tầm quan trọng của việc phát triển đơn vị thành một cơ sở giáo dục hiện đại, một trường học thông minh, nơi giao thoa và hội tụ những nét văn hóa & giáo dục tốt đẹp của quốc gia và hội nhập quốc tế; chưa phát huy ở mức độ cao nhất vai trò của người học, lột tả được những giá trị tình cảm, những đức tính cao đẹp của người học, đặc biệt người học là thế hệ trẻ, người chủ tương lai của đất nước.

Do vậy một số cơ sở giáo dục đào tạo, trường học hiện nay tập trung chủ yếu vào việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, chức năng đào tạo và chưa tạo động lực cho sự đổi mới về một môi trường giáo dục mang tính năng động, sáng tạo, phát huy vai trò của người học - người dạy và nhà trường cũng là chủ thể văn hóa & giáo dục của cộng đồng và xã hội.

4. Xây dựng trường học giàu truyền thống văn hóa, văn minh và hiện đại, chuẩn mực đạo đức và chuyên nghiệp theo tinh thần các Nghị quyết trung ương

Để xây dựng được một cơ sở giáo dục đào tạo hay một trường học giàu truyền thống, hiện đại, giàu tiềm năng và tầm nhìn cao đáp ứng yêu cầu thực tiễn và mang tính thời đại theo tinh thần các Nghị quyết trung ương, cần phải xây dựng một mô hình trường học tiêu biểu về văn hóa và giáo dục dựa trên nền tảng việc vận dụng sáng tạo, linh hoạt, bền vững các chủ trương chính sách quốc gia và các giá trị cốt lõi của truyền thống văn hóa & giáo dục dân tộc được trình bày sau đây.

4.1. Xây dựng nhà trường mang tính kỷ luật và giàu tính nhân văn phù hợp với thực tiễn

Quan điểm chủ đạo là tính kỷ luật đi liền với tính nhân văn, được vận hành đồng bộ theo tinh thần các Nghị quyết trung ương. Nhà trường chuyển từ xử phạt sang những hình thức kỷ luật tích cực nhằm phát triển những ưu điểm và hạn chế khuyết điểm, đặt người học ở trung tâm, tăng đối thoại giữa nhà trường - người học – gia đình, hình thành mối liên

kết chặt chẽ giữa gia đình – nhà trường – xã hội, góp phần hình thành thể hệ học sinh - sinh viên - công dân số văn minh, trung thực - liêm chính học thuật, kiểm soát nghiêm ngặt nguồn dữ liệu số hóa và đạo đức AI (Nghị quyết 57/59/71-NQ/TW).

Bên cạnh môi trường giáo dục mang tính kỹ thuật và học thuật, cần phát huy mạnh mẽ tính nhân văn của môi trường học đường trong mọi hoạt động. Đặc biệt cần quan tâm đến sức khỏe tinh thần và thể chất của người học, bảo đảm nền tảng nhân bản qua y tế học đường, quản lý hồ sơ sức khỏe tâm thể điện tử của người học để kịp thời hỗ trợ khi cần, triển khai các chương trình sức khỏe giấc ngủ tốt cho thầy và trò, cho cán bộ quản lý giáo dục, quản lý căng thẳng và bạo lực học đường, an toàn cháy nổ, giảm thiểu tai nạn học đường, năng lượng sạch - xanh và vệ sinh học đường (Nghị quyết 70/72-NQ/TW).

Phát triển nền văn hóa học đường đa dạng và giàu truyền thống theo tinh thần các Nghị quyết trung ương, giàu lý tưởng cách mạng và ý thức chính trị; chuẩn bị nền tảng hội nhập quốc tế bằng văn hóa đa ngôn ngữ trong các cơ sở giáo dục – trường học, hội nhập đa chiều và đa dạng văn hóa thế giới tại chỗ thông qua nguồn tài nguyên trực tuyến và giao tiếp ảo. Phát triển mỗi cơ sở giáo dục, mỗi nhà trường là một đại sứ văn hóa của đất nước trong quá trình toàn cầu hóa; sử dụng tiếng Anh và ngôn ngữ các nước láng giềng để hội nhập nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao, tương thích chuẩn quốc tế, nâng tầm vị thế đất nước và con người Việt Nam trong quá trình hội nhập và toàn cầu hóa.

Do vậy, kỷ luật là nền tảng cơ bản để phát huy những giá trị người dạy và người học trong việc truyền tải những kiến thức cần truyền đạt, cần tiếp thu. Môi trường giáo dục, học đường có kỷ luật giúp phát huy những giá trị văn hóa trong giáo dục, những chuẩn mực đạo đức, phát huy vai trò nêu gương của người thầy; giúp phát huy được vai trò nêu gương về phong cách kỷ luật, nội quy công vụ của người đứng đầu tổ chức, đứng đầu bộ phận; góp phần duy trì kỷ luật trong học đường và trong các đơn vị giáo dục đào tạo.

Trong môi trường giáo dục, duy trì kỷ luật tổ chức là yếu tố tiên quyết bảo đảm cho việc duy trì và điều chỉnh các mối quan hệ trong nhà trường, trong hệ thống giáo dục đào tạo. Thực tiễn cho thấy nhà trường thiếu hoặc khiếm khuyết về ý thức tổ chức kỷ luật sẽ là tiền đề sản sinh ra những thiếu sót, những khiếm khuyết trong mối quan hệ giữa người dạy với người học, giữa người dạy với người dạy và giữa người học với người học. Không có

kỷ luật tổ chức thì cơ sở giáo dục đào tạo, nhà trường không xây dựng được một môi trường văn hóa & giáo dục học đường vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính hiện đại.

Do vậy xây dựng kỷ luật đặc thù trong các cơ sở giáo dục đào tạo, trong các trường học phải dựa trên các quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết trung ương, đặc biệt là Nghị quyết 71-NQ/TW, tính nghiêm minh - dân chủ - trách nhiệm, lấy quy chế công vụ, quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đào tạo, trách nhiệm của người dạy - người học làm nền tảng, tạo tiền đề cho sự phát triển và đổi mới. Kỷ luật nghiêm minh của nhà trường sẽ là cơ sở để đưa các chủ trương chính sách quốc gia đã được ban hành vào cụ thể hóa trong các hoạt động giáo dục và trong nhà trường như là “*xây dựng xã hội học tập*”, “*chính sách khuyến học - khuyến tài*”, “*cơ sở giáo dục đào tạo văn minh – hiện đại*”, “*năng lực thích ứng linh hoạt - chuyên nghiệp*”, “*vận dụng sáng tạo thành quả của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 trong xây dựng trường học thông minh – số hóa*” ... góp phần đa dạng hóa trong giao thoa văn hóa - giáo dục và ngôn ngữ trong các mặt hoạt động và giảng dạy nhằm phát huy tối ưu năng lực và tư duy sáng tạo, năng lực đổi mới theo chuẩn kỹ năng của người dạy và người học, của người quản lý các cơ sở giáo dục đào tạo; tiến đến xây dựng và phát triển mỗi nhân tố trong hệ thống giáo dục đào tạo, trong nhà trường là những cá nhân tiêu biểu hội tụ những phẩm chất cao đẹp nhất về trí - tài và đức trong môi trường giáo dục, là những cá nhân và tập thể tiêu biểu trong sự hội tụ của văn hóa & giáo dục; của cả những phẩm chất tình cảm cao đẹp mang đậm nét truyền thống dân tộc và tiêu biểu của con người Việt Nam.

4.2. Xây dựng nhà trường mang tính chuyên nghiệp, hiện đại và đặc thù là yêu cầu tất yếu

Xây dựng một trường học chuyên nghiệp, hiện đại và mang bản sắc riêng không chỉ là mục tiêu, mà là yêu cầu của thời đại: chương trình phải chuyển hẳn sang tiếp cận năng lực và đầu ra theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW, lớp học thông minh, học liệu số và học kỳ doanh nghiệp để lý thuyết hòa quyện vào thực tiễn. Trường học phải là nơi kiến tạo hệ sinh thái nghiên cứu & phát triển, đổi mới sáng tạo với các phòng thí nghiệm AI, bán dẫn và y sinh học, vật liệu thế hệ mới, nơi tri thức đặt nền tảng cho những công xưởng công nghệ chế tạo tương lai (NQ57-NQ/TW). Trường học tiêu biểu cũng là nơi mở cánh cửa ra thế giới cho người học bước vào, thông qua việc liên kết song bằng, chuyển đổi tín chỉ,

chuẩn năng lực quốc tế, giúp người học hội nhập toàn cầu mà vẫn vững vàng giá trị văn hóa và giáo dục truyền thống theo tinh thần Nghị quyết trung ương (NQ59-NQ/TW).

Việc vận dụng tinh thần Nghị quyết 70-NQ/TW về an toàn năng lượng quốc gia giúp trường học có tầm nhìn về năng lượng xanh và an toàn trong hoạt động giáo dục như là quản trị năng lượng số, năng lượng tái tạo, hạ tầng năng lượng xanh ổn định cho phòng lab và trung tâm dữ liệu. Nghị quyết trung ương về sức khỏe (NQ72-NQ/TW) gìn giữ “vốn sức khỏe” của cộng đồng học đường trong an toàn – vệ sinh nghề nghiệp – vệ sinh học đường, sức khỏe tinh thần tốt, phòng thí nghiệm chuẩn mực. Sự hòa quyện của tinh thần các Nghị quyết trung ương vào môi trường học đường và cơ sở giáo dục sẽ là động lực tạo sự đột phá, giúp nhà trường không chỉ đạt chuẩn quốc tế mà còn tỏa sáng bản lĩnh – trí tuệ con người Việt Nam nơi mỗi người học, những người luôn tìm thấy bộ phóng nghề nghiệp tươi sáng, trách nhiệm xã hội cao cả và phẩm cách công dân số cao đẹp.

Xây dựng thuộc tính chuyên nghiệp, hiện đại và đặc thù trong các cơ sở giáo dục đào tạo, trong nhà trường và các chủ thể có liên quan là một yêu cầu cấp thiết của thực tiễn hiện nay. Đây cũng là yêu cầu vừa mang tính tất yếu của việc đổi mới căn bản toàn diện về giáo dục đào tạo, vừa bảo đảm cho việc phát huy những giá trị con người trong môi trường giáo dục mang tính đặc thù, tiên tiến và giàu bản sắc.

Tính chuyên nghiệp và hiện đại trong bộ máy tổ chức của các cơ sở giáo dục đào tạo, của nhà trường và các chủ thể có liên quan bảo đảm cho việc thực hiện các thắng lợi các nghị quyết trung ương về tinh gọn bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới giáo dục đào tạo; nhằm phát huy hiệu quả năng lực của tổ chức và của từng thành viên có liên quan. Sự chuyên nghiệp, hiện đại trong hoạt động công vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo của người dạy và hoạt động chuyên môn của người học sẽ giúp phát huy những phẩm chất tốt đẹp của truyền thống văn hóa & giáo dục đã được nuôi dưỡng, hình thành và phát triển trong mỗi chủ thể của nhà trường, mục tiêu là hướng đến tính “Đức – Trí – Thể - Mỹ” trong mỗi chủ thể.

Bên cạnh đó, sự đòi hỏi cấp thiết của hội nhập quốc tế, của quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo bước nhảy vọt và đột phá trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập khu vực, những yêu cầu của việc vận dụng những thành quả của cách mạng công nghệ 4.0 trong tình hình mới theo tinh thần các Nghị quyết trung ương, từng cơ sở giáo dục đào tạo, nhà

trường phải tăng cường ứng dụng nền tảng công nghệ thông tin, số hóa cơ sở dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nhằm mục tiêu xây dựng nhà trường mang tính văn minh – hiện đại theo xu hướng đa dạng hóa trong giáo dục đào tạo nhưng vẫn giữ gìn và phát huy những tinh hoa của nền văn hóa & giáo dục truyền thống.

Tính chuyên nghiệp và hiện đại của mỗi chủ thể trong các cơ sở giáo dục đào tạo, trong nhà trường còn phải được thể hiện trong sự phát triển không ngừng những năng lực chuyên biệt, đặc thù trong giáo dục bao gồm những kỹ năng cao về sử dụng ngoại ngữ - công nghệ thông tin, làm việc theo quy trình, bồi dưỡng các kỹ năng mềm chuyên biệt trong hoạt động dạy và học, nâng cao năng lực thích ứng - cạnh tranh vừa mang tính chuyên nghiệp, vừa mang tính hiện đại, dựa trên nền tảng văn hóa công vụ đặc thù của giáo dục đào tạo và của văn hóa trường học.

4.3. Xây dựng tinh thần xã hội học tập, học tập ngoại ngữ, rèn luyện thân thể trong nhà trường và các cơ sở giáo dục đào tạo

“Trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tri thức thay đổi từng ngày, từng giờ; điều hôm nay tiên tiến, ngày mai có thể đã lạc hậu. Vì vậy, học tập không chỉ là nhu cầu cá nhân, mà trước hết phải được nhìn nhận như một trách nhiệm chính trị, một hành động cách mạng thường trực của mỗi người dân. Ở bất kỳ độ tuổi, lĩnh vực hay nghề nghiệp nào, chúng ta đều phải học để không bị tụt hậu, học để làm chủ tri thức và công nghệ, học để phát triển bản thân và góp phần xây dựng đất nước hùng cường, thịnh vượng”; (Trích bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Lễ kỷ niệm 80 năm truyền thống ngành Giáo dục và khai giảng năm học mới 2025-2026; Hà Nội, ngày 5/9/2025).

Xây dựng tinh thần “xã hội học tập” trong nhà trường bắt đầu từ đổi mới toàn diện văn hóa học đường theo tinh thần các Nghị quyết trung ương: học tập suốt đời và học để khai phóng, nhà trường khởi nguồn nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, người học là người kiến tạo tri thức, là cầu nối để hội nhập sâu rộng, lấy ngoại ngữ làm “hộ chiếu tri thức và hội nhập văn hóa toàn cầu”; hội nhập để học hỏi tinh hoa, thu hẹp khoảng cách, lan tỏa chuẩn mực. Xây dựng hệ sinh thái học tập mở theo tinh thần các Nghị quyết trung ương: “học trong lớp và học ngoài cộng đồng”, "học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội", “thực học - thực hành, học để sống tốt – học để bước ra thế giới”. Xây dựng văn hóa rèn luyện sức khỏe toàn diện trong mỗi cơ sở giáo dục –

nhà trường: “sức khỏe tinh thần, sức khỏe giấc ngủ, sức khỏe thể chất – khỏe để học tập, khỏe để sáng tạo, khỏe để hội nhập toàn cầu”.

Tinh thần xã hội học tập được triển khai trong cả nước phải được vận dụng phù hợp, sáng tạo, bền vững vào mỗi cơ sở giáo dục đào tạo, mỗi trường học; là động lực để mỗi người thầy, người trò phải không ngừng ra sức học tập. Đặc biệt tinh thần xã hội học tập phải được tổ chức thực hiện thường xuyên - liên tục, trường kỳ trong hệ thống giáo dục đào tạo; các cơ sở đào tạo và mỗi trường học phải là một tấm gương phản chiếu của một xã hội học tập thu nhỏ, mỗi thầy cô là một tấm gương về học tập - học suốt đời, thể hiện trong việc không ngừng rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn & nghiệp vụ, kiến thức chuyên ngành, tạo động lực và niềm đam mê về học tập, học suốt đời trong các thế hệ học sinh và sinh viên.

Thực hiện đúng theo lời căn dặn của Tổng Bí thư Tô Lâm trong bài phát biểu tại Lễ kỷ niệm 80 năm truyền thống ngành Giáo dục và khai giảng năm học mới 2025-2026 (Hà Nội, ngày 5/9/2025): *“Trải qua 80 năm, đội ngũ nhà giáo Việt Nam lặng thầm mà bền bỉ, hy sinh, cống hiến vô cùng to lớn cho sự nghiệp “trồng người”. Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và tri ân chân thành tới các thế hệ thầy cô. Trong giai đoạn mới, mong các thầy cô: (1) Tiếp tục nêu gương, đổi mới phương pháp, dẫn dắt học trò trên con đường tri thức và nhân cách; (2) Tiên phong chuyển đổi số, hướng dẫn học sinh, sinh viên sử dụng công nghệ (nhất là trí tuệ nhân tạo) một cách sáng tạo, hiệu quả, an toàn và nhân văn; (3) Tích cực tham gia đóng góp chính sách, cùng toàn ngành nâng cao chất lượng và công bằng trong giáo dục”*.

Xây dựng “xã hội học tập” trong nhà trường phải bắt đầu bằng những chủ trương & chính sách định hướng về học tập chuyên môn - nghiệp vụ, học tập nâng cao trình độ chính trị, năng lực quản lý nhà nước, thực hiện tốt việc học tập làm theo “*Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” trong mỗi cán bộ viên chức công tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, trong học sinh và sinh viên. Luôn nêu cao tinh thần tự học, học suốt đời trong môi trường giáo dục, trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trong mỗi trường học, nhằm tạo sự lan tỏa một “*xã hội học tập*” trong cộng đồng dân cư, trong mỗi hộ gia đình và toàn xã hội.

Cần phải chú trọng công tác tuyên truyền về “*xã hội học tập*” trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong cộng đồng dân cư, luôn tôn vinh những tấm gương tiêu biểu về học tập suốt đời, về xã hội học tập; nêu bật được ý nghĩa của việc triển khai xây dựng và phát triển xã hội học tập trên tinh thần học để nâng cao năng lực bản thân, học tập suốt đời để đóng góp tốt hơn cho cộng đồng cho đất nước, học để truyền đạt những cái mới, những điều hay và lẽ phải cho các thế hệ người học, các thành viên trong gia đình và trong cộng đồng. Bên cạnh đó, học tập suốt đời còn nhằm để phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc, phát huy văn hóa “*xã hội học tập*” trong thế hệ trẻ và các tầng lớp nhân dân. Do vậy mỗi trường học, mỗi cơ sở giáo dục đào tạo phải nhận thức rõ học tập suốt đời, xã hội học tập là một trong những giải pháp giúp nâng cao và nuôi dưỡng những tình cảm cao đẹp của con người, giúp phát huy truyền thống văn hóa dân tộc và làm giàu đẹp hơn nữa mỗi tâm hồn người Việt Nam luôn “*hiếu học*”.

4.4. Xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường là việc làm mang tính thiết yếu

Văn hóa đọc là nền tảng xây dựng xã hội học tập và giúp phát huy, nuôi dưỡng tình cảm, suy nghĩ, năng lực tư duy nhận thức của mỗi cán bộ quản lý giáo dục, mỗi người thầy và người trò. Đọc sách mang lại những giá trị tinh thần cao đẹp cho mỗi đối tượng trong mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt là những chủ thể của giáo dục đào tạo. Những cuốn sách hay là những kho tàng vô giá về văn hóa và tri thức của nhân loại. Đại văn hào Nga - Maxime Gorky đã từng nói rằng “*mây đen có thể che kín cả bầu trời, nhưng không có gì che được ánh sáng của sách vở mang lại*”.

Do vậy, việc xây dựng văn hóa đọc ngay từ trong nhà trường trên cơ sở nền tảng tư tưởng của các Nghị quyết trung ương là cơ sở để hình thành văn hóa của tổ chức, có hiệu quả tương tự như việc xây dựng nề nếp và kỷ luật của hoạt động công vụ trong lĩnh vực giáo dục. Mỗi cơ sở giáo dục đào tạo, mỗi trường lớp phải không ngừng chấn hưng văn hóa đọc của tổ chức, có quy định cụ thể về phát triển văn hóa đọc trong đơn vị và tạo điều kiện phát triển phong phú và đa dạng các đầu sách, danh mục sách điện tử trong mỗi thư viện nhà trường, mỗi cơ sở giáo dục đào tạo và xây dựng các tủ sách văn hóa trong cộng đồng và trong mỗi hộ gia đình.

Do bởi việc đọc sách là một thói quen được nuôi dưỡng trong một thời gian dài, thế nên phải luôn được duy trì trong mọi tình huống, mọi hoàn cảnh, thích ứng linh hoạt về quỹ

thời gian trong giờ & ngoài giờ, linh hoạt về hình thức. Đặc biệt nhà trường phải là nơi khơi dậy tinh thần về văn hóa đọc trong mỗi cá nhân người thầy, người trò và lan tỏa đến gia đình, cộng đồng dân cư và xã hội. Mỗi cuốn sách hay, một tác phẩm văn học luôn đúc kết những lời hay, ý đẹp, những điều bổ ích mà mỗi người đọc có thể rút ra được; đọc sách là một phương thức hữu ích giúp nuôi dưỡng tâm hồn, giúp vun đắp và bồi dưỡng những tình cảm cao đẹp, xây dựng lòng yêu quê hương đất nước và giúp mọi người hướng đến “*chân - thiện - mỹ*”.

4.5. Xây dựng thuộc tính “Đức - Trí - Thể - Mỹ” và năng lực thích ứng trong mỗi trường học, hình thành hệ giá trị con người và giáo dục Việt Nam kỷ nguyên mới

Hạt nhân của nhà trường học trong kỷ nguyên mới là phát triển “Đức – Trí – Thể – Mỹ” cho người học trên nền tảng một năng lực thích ứng văn hóa và quản trị hiện đại của người thầy, hình thành hệ giá trị con người và giáo dục Việt Nam kỷ nguyên mới. Theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW, chương trình giáo dục chuyển hẳn sang tiếp cận năng lực, nuôi dưỡng phẩm chất – nhân ái – trách nhiệm công dân số, rèn tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo để “Trí” thâm thấu vào mọi hoạt động giáo dục (Nghị quyết 71-NQ/TW); đặt chuẩn liêm chính khoa học, đạo đức công nghệ và hiểu biết AI, giúp “Đức” đi cùng sự trung thực học thuật và văn hoá dữ liệu (Nghị quyết 57-NQ/TW); gìn giữ “Thể” bằng y tế học đường, sức khỏe tinh thần, vệ sinh giấc ngủ, an toàn học đường, để thân – tâm khỏe mạnh là nền tảng cho tri thức phát triển (Nghị quyết 72-NQ/TW); gắn vào “Mỹ” tinh thần xanh – sạch – bền vững, giáo dục thẩm mỹ gắn với không gian học đường xanh, lối sống tiết kiệm năng lượng và trách nhiệm với khí hậu (Nghị quyết 70-NQ/TW); mở rộng biên giới giá trị văn hóa và giáo dục qua ngoại ngữ, liên văn hoá, chuẩn quốc tế, để người học vừa bảo tồn nền tảng văn hóa – giáo dục Việt Nam vừa tự tin hội nhập. Khi tinh thần các Nghị quyết trung ương hòa quyện vào môi trường giáo dục, vào từng chủ thể giáo dục với người học là trung tâm, giúp hình thành hệ giá trị Việt Nam thời đại số mang tính nhân ái – liêm chính – sáng tạo – khỏe mạnh – thẩm mỹ và bền vững, đủ nội lực thích ứng trước mọi đổi thay.

Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, đào tạo. Người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo; nhà trường là nền tảng, nhà giáo là động lực, quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo. Thực hiện phương châm “thầy ra

thầy, trò ra trò" trên các mặt đạo đức, nhân cách, tri thức; kiên quyết chấn chỉnh tiêu cực trong giáo dục, coi trọng danh dự người thầy, tôn vinh người thầy trong xã hội. Giáo dục bảo đảm hài hoà giữa tính toàn dân và tinh hoa, toàn diện và chuyên sâu, dân tộc và toàn cầu. Phát triển giáo dục trên nền tảng văn hóa, giá trị truyền thống dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, chuẩn mực quốc tế; giáo dục, đào tạo công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu.

“*Trí – Đức – Thể - Mỹ*” là những thành tố cơ bản để xây dựng một trường học mang tính tiêu biểu và tạo tiền đề để đổi mới giáo dục đào tạo, nhằm hình thành nên những con người hội tụ những phẩm chất cao đẹp của truyền thống dân tộc và của một nền giáo dục tiên tiến. Mỗi người thầy, người trò trong mỗi trường học, trong mỗi cơ sở giáo dục đào tạo phải nuôi dưỡng và thể hiện tính chân thật trong tình cảm, trong suy nghĩ và cả trong ứng xử. Luôn hướng đến cái thiện, lên án và phê phán những thói hư - tật xấu vẫn còn sót lại trong môi trường giáo dục. Xây dựng nhà trường cùng với các thầy cô giáo, học sinh & sinh viên là những con người có nhân cách cao quý, có phẩm chất và thể chất tốt đẹp và mỗi chủ thể trong giáo dục đều là nơi giao thoa và hội tụ cao nhất của thuộc tính “*Trí – Đức – Thể - Mỹ*”.

Trong giai đoạn hiện nay, mô hình trường học tiêu biểu là cấp thiết vì giúp nhân rộng và tạo sự lan tỏa đồng khắp những nét đẹp của văn hóa và giáo dục trong gia đình, trong cộng đồng và toàn xã hội. Thế nhưng, ngoài những yêu cầu nêu trên, mỗi trường học, mỗi cơ sở giáo dục đào tạo phải có những năng lực tiêu biểu trong khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển của thời đại, ý thức bảo vệ môi trường, thích ứng cao với dịch bệnh nhưng vẫn duy trì được bản sắc một cơ sở giáo dục “*xanh – sạch – đẹp*” theo đúng nghĩa. Nhà trường phải có năng lực thích ứng với hội nhập giáo dục toàn cầu, thích ứng với nhiệm vụ phát huy tài năng của người học từ các cấp nhằm nuôi dưỡng “*nhân tài*” và tạo ra được một thế hệ trẻ có đức có tài, có tâm hồn và tình cảm cao đẹp hội tụ đầy đủ “*Trí – Đức – Thể - Mỹ*”.

5. Kết luận

Xây dựng trường học tiêu biểu là yêu cầu tất yếu của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; là nền tảng để kết tinh truyền thống văn hóa và hiếu học của dân tộc, đồng thời khơi mở tối đa tiềm năng, phẩm chất và tâm hồn trong sáng của người học.

Mô hình trường học tiêu biểu giúp khắc phục hạn chế của cơ chế tự chủ tài chính học đường, bảo đảm người học được thụ hưởng các giá trị tốt nhất của một nền giáo dục vừa đậm đà bản sắc vừa hòa nhịp thời đại, để người học thật sự là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo. Trên tinh thần các Nghị quyết trung ương, trường học tiêu biểu Việt Nam trong kỷ nguyên mới vừa mang tính nhân văn, vừa chuyên nghiệp – hiện đại – giàu bản sắc văn hóa, nuôi dưỡng hệ giá trị “Đức – Trí – Thể – Mỹ” và năng lực thích ứng của người học, đồng thời bồi đắp tinh thần xã hội học tập và năng lực ngoại ngữ để hội nhập quốc tế. Khi tinh thần các Nghị quyết được triển khai đồng bộ và thống nhất, giúp hình thành chuỗi giá trị nhân lực từ nhà trường đến thị trường sức lao động, góp phần cung ứng nguồn nhân lực quốc gia và toàn cầu, nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghệ cao, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ và các Đảng viên tiêu biểu được Bộ Biên tập – Tạp Chí Cộng sản vinh danh là một trong ba mươi đảng viên tiêu biểu đại diện cho đảng viên trong cả nước đã tích cực tham gia phòng chống đại dịch Covid-19 (Hà Nội, tháng 01.2022).





Đọc báo Đảng và trả lời song ngữ Anh – Việt sáng thứ hai hàng tuần dưới cờ tại Trường Cao đẳng y tế Lâm Đồng (cơ sở giáo dục 02 lần nhận danh hiệu Đơn vị Giáo dục Tiêu biểu – Đạo đức Toàn cầu theo Tiêu chí UNESCO, 2016 & 2021).



CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Báo Điện tử Chính phủ

Thứ sáu, 3/10/2025 | English | 中文

NGHỊ QUYẾT 71: CÚ HÍCH ĐỂ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM VƯƠN TẦM QUỐC TẾ

"Chìa khóa" từ tự chủ toàn diện

"Nghị quyết 71-NQ/TW (Nghị quyết 71) được ban hành ngày 22/8/2025 nhằm tạo ra sự đột phá trong giáo dục đào tạo Việt Nam, được xem là một bước ngoặt quan trọng cho giáo dục đại học của đất nước". GS.TSKH Dương Quý Sỹ – Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực – nhấn mạnh khi bắt đầu cuộc trò chuyện với phóng viên Báo điện tử Chính phủ.

Theo GS Dương Quý Sỹ, điểm mới nổi bật là tính toàn diện và đột phá về tư duy và chính sách, đặc biệt ở khía cạnh quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện cho các cơ sở GDDH.

Quyền tự chủ lần này không chỉ giới hạn trong tài chính mà còn mở rộng đến tuyển dụng, bổ nhiệm lãnh đạo, mời giảng viên và giáo sư quốc tế: "Tự quyết định và thực hiện phù hợp với điều kiện trong một số hoạt động như là quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý đối với người giỏi từ nước ngoài; hoặc tự chủ về quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm đối với giáo sư, phó giáo sư và các chức danh giảng viên nước ngoài phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam."

Đây là sự chuyển biến có tính chất mở khóa, giúp các trường đại học chủ động thu hút nhân tài, rút ngắn quy trình và đáp ứng nhanh yêu cầu hội nhập.

Hiện đại hoá, nâng tầm đại học nghiên cứu

Một trụ cột khác được GS Dương Quý Sỹ nhấn mạnh là việc hiện đại hóa và nâng tầm GDDH. Ông cho rằng Nghị quyết 71 đặt ra mục tiêu: "Tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, đầu tư mạnh mẽ cho GDDH và có các cơ chế đặc thù để phát triển đại học tinh hoa theo mô hình đại học nghiên cứu

đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài quốc gia thông qua hội nhập quốc tế và các giải pháp chính sách đột phá khác”.

GS khẳng định, hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học được cụ thể hóa bằng các chủ trương: *“Tăng cường chính sách hỗ trợ giảng viên nâng cao trình độ ở nước ngoài, chủ động xây dựng chương trình thu hút giảng viên xuất sắc từ nước ngoài với ưu đãi vượt trội, đồng thời đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế”.*



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ hướng dẫn thực tập y học giấc ngủ cho sinh viên y khoa Đại học Paris Cité - Pháp và Đại học Penn State - Mỹ tại Lâm Đồng

Ông cho rằng, chủ trương cho phép các cơ sở giáo dục – GDDH Việt Nam mở văn phòng đại diện, phân hiệu, chương trình giáo dục ở nước ngoài là một trong những đột phá mang tính chiến lược giúp nâng tầm và vị thế GDDH Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Khẳng định thương hiệu giáo dục Việt Nam

GS Dương Quý Sỹ khẳng định, Nghị quyết 71 không chỉ tạo động lực cần thiết mà còn là đòn bẩy quan trọng để xây dựng chính sách, thể chế hóa các hoạt động hợp tác và chiến lược tham gia mạng lưới giáo dục toàn cầu.

Ông cho rằng đây là thời điểm để hệ thống GDĐT Việt Nam tận dụng tính đột phá của nghị quyết nhằm khẳng định thương hiệu một nền giáo dục mở, hiện đại, hội nhập sâu

rộng theo chuẩn khu vực và quốc tế giai đoạn 2025 – 2035, tiến tới nền giáo dục tiên tiến giai đoạn 2035 – 2045 và hướng đến giáo dục tinh hoa từ năm 2045.

GS nhận định, *"Thực hiện việc chuẩn hóa chuẩn đầu ra theo chuẩn quốc tế thông qua việc đánh giá và kiểm định, bảo đảm liên thông 8 bậc trong hệ thống giáo dục quốc dân; mở rộng quốc tế hóa hệ thống giáo dục quốc dân thông qua hợp tác quốc tế – liên kết trong đào tạo, chuyển giao chương trình giáo dục, cấp bằng chung giữa các cơ sở đào tạo quốc gia và quốc tế nhằm thu hút người học và nhà giáo quốc tế là những tiền đề cơ bản để tham gia mạng lưới giáo dục toàn cầu"*.

Vai trò then chốt của các cơ sở GDDH, GDNN

GS Dương Quý Sỹ nhấn mạnh, bên cạnh việc đổi mới thể chế, các cơ sở GDĐT cần được tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh chuyển đổi số, triển khai mô hình trường học và quản trị thông minh, đồng thời mở rộng giảng dạy song ngữ.

Theo ông, *"các cơ sở GDNN, GDDH Việt Nam cần chủ động, kiên quyết trong việc thực hiện kiểm định quốc tế và chủ động sát nhập hay giải thể nếu không đạt yêu cầu chuẩn tối thiểu quốc gia hay khu vực. Các cơ sở GDDH cần có sự đột phá trong việc thành lập các viện nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu cho các ngành nghề mũi nhọn, các chủ đề nghiên cứu chuyên sâu có tính thời sự và nền tảng cho các ngành khoa học cơ bản; thành lập các hội đồng, các nhóm nghiên cứu đa quốc gia dẫn dắt bởi các nhà khoa học đầu ngành, tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ là các bằng phát minh sáng chế, các công bố quốc tế, các giải thưởng khoa học toàn cầu"*.

GS Dương Quý Sỹ nhấn mạnh thêm, việc triển khai cơ chế giảng viên đồng cơ hữu theo Nghị quyết 71, với các tiêu chí đánh giá dựa trên chỉ số trích dẫn quốc tế, hoạt động hàn lâm, vai trò trong các hiệp hội nghề nghiệp quốc tế và uy tín cơ sở đào tạo, sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu. Đây cũng là giải pháp quan trọng để nâng cao vị thế và thương hiệu giáo dục Việt Nam, khẳng định nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới./.

Tác giả: Thu Trang
Ngày đăng: 07/9/2025



CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Báo Điện tử Chính phủ

Thứ sáu, 3/10/2025 | English | 中文

HỘI NHẬP GIÁO DỤC: CẦN GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ VÀ CHÍNH SÁCH MẠNH MẼ

Hội nhập phải đi vào thực chất, tránh hình thức

GS Dương Quý Sỹ mở đầu bằng thán: "*Vấn đề quan trọng nhất trong hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo là cần phải cải thiện thể chế và có cơ chế thực thi theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71-NQ/TW*".

Ông nhấn mạnh, Nghị quyết 71 là một phần trong hệ thống chính sách đồng bộ: Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học – công nghệ và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế, cùng với Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Kết luận 91-KL/TW về yêu cầu tiếp tục đổi mới trong giai đoạn mới.

Theo GS, thể chế hóa Nghị quyết là khâu quyết định. Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục đại học cần được sửa đổi để bảo đảm trao cho các cơ sở giáo dục quyền tự chủ đầy đủ, bao gồm tài chính, tuyển dụng, bổ nhiệm, hợp tác quốc tế, thay vì chỉ dừng ở mức tự chủ chi tiêu. Cùng với đó là nghị định, thông tư quy định rõ cơ chế hợp tác và đầu tư nước ngoài, chính sách học bổng, quy định xuất nhập cảnh – cư trú cho giảng viên quốc tế.

"*Đặc biệt, để đạt mục tiêu đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, đứng vào nhóm 20 quốc gia hàng đầu, ít nhất 5 cơ sở giáo dục đại học lọt top 100, cần có cơ chế thu hút chuyên gia, học giả, nhân tài trong và ngoài nước, nhất là những người đã học tập, nghiên cứu ở các nước tiên tiến quay về phục vụ đất nước*".

GS cho rằng một nghị quyết riêng của Trung ương về thu hút nhân tài sẽ tạo sự thống nhất xã hội và hành lang pháp lý rõ ràng, để trí thức Việt kiều an tâm trở về, đóng góp cho sự phát triển.

Hội nhập quốc tế tại chỗ – cách nhanh nhất nâng chuẩn

Theo GS Dương Quý Sỹ, hội nhập quốc tế không chỉ là gửi sinh viên và giảng viên ra nước ngoài, mà quan trọng hơn là "**hội nhập tại chỗ**": mời chuyên gia, nhà khoa học quốc tế đến Việt Nam giảng dạy và nghiên cứu..

Để làm được điều đó, GS Dương Quý Sỹ góp ý, cần một gói chính sách cạnh tranh: hợp tác trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, hợp đồng minh bạch, đãi ngộ hấp dẫn, công nhận học vị quốc tế, và cho phép giảng viên đồng cơ hữu giữa các trường Việt Nam và nước ngoài. *Quan trọng nhất là phải tạo điều kiện làm việc an toàn, đa dạng văn hóa, có chính sách ưu đãi về lưu trú, cơ hội tiếp cận quỹ nghiên cứu, cơ sở vật chất hiện đại, và cơ chế tôn vinh, khen thưởng rõ ràng cho nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục là người nước ngoài".*

Hội nhập tại chỗ, theo ông, vừa tiết kiệm thời gian, chi phí, vừa giúp các trường đại học Việt Nam trở thành điểm đến học thuật của khu vực, góp phần giữ chân người học trong nước và thu hút sinh viên quốc tế.



GS.TSKH. Dương Quý Sỹ phát biểu về đào tạo nhân lực chất lượng cao tại phiên họp Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực.

Đào tạo công dân toàn cầu, giữ bản lĩnh Việt Nam

Nghị quyết 71 đặt mục tiêu rõ ràng: nhân lực chất lượng cao phải trở thành động lực cạnh tranh cốt lõi. Vì vậy, các trường đại học cần đổi mới toàn diện chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực quốc tế, không chỉ ở bậc đại học mà cả hệ thống giáo dục quốc dân.

"Việc bảo đảm liên thông 8 bậc trong hệ thống giáo dục quốc dân là điều kiện tiên quyết, giúp người học có lộ trình học tập suốt đời, đồng thời bảo đảm bằng cấp Việt Nam được công nhận quốc tế", GS Dương Quý Sỹ nói.

GS phân tích, hội nhập quốc tế đòi hỏi các trường phải mở rộng giảng dạy song ngữ, thiết kế chương trình liên kết, chuyên giao giáo trình từ các đại học hàng đầu thế giới, và phát triển các chương trình cấp bằng đôi để thu hút sinh viên trong và ngoài nước.

Ông nhấn mạnh, chuyển đổi số và mô hình trường học thông minh không chỉ là áp dụng hệ thống quản trị số, lớp học ảo hay học liệu trực tuyến, mà quan trọng hơn là tạo môi trường để sinh viên tiếp cận tri thức hiện đại mọi lúc, mọi nơi. *"Nhà giáo phải là chủ thể trung tâm của mọi đổi mới; việc nâng cao chuẩn năng lực đội ngũ giảng viên sẽ quyết định chất lượng đào tạo và vị thế giáo dục Việt Nam trong khu vực và trên thế giới"*.

Đây chính là điều kiện để sinh viên Việt Nam trở thành công dân toàn cầu, nhưng vẫn giữ được bản lĩnh, bản sắc văn hóa Việt Nam.

Hội nhập trong y học và khoa học sức khỏe

GS Dương Quý Sỹ coi đào tạo nhân lực y tế là thước đo hội nhập. Ông nhắc lại, từ thời Bác Hồ, Việt Nam đã gửi những lớp bác sĩ đầu tiên sang Liên Xô và Đông Âu, đặt nền móng cho y tế hiện nay.

"Nghị quyết 71 mở ra cơ hội chuẩn hóa toàn diện đào tạo y khoa, từ chương trình, chuẩn đầu ra, đến quy trình đánh giá năng lực hành nghề, nhằm tiệm cận các chuẩn quốc tế như WFME, ECFMG", GS nói. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo mà còn mở đường để bằng cấp bác sĩ Việt Nam được công nhận rộng rãi.

Ông đề xuất xây dựng mô hình bác sĩ nội trú hiện đại, bảo đảm gắn đào tạo với thực hành bệnh viện và nghiên cứu lâm sàng, có cơ chế đãi ngộ xứng đáng về học bổng, phụ cấp, môi trường nghiên cứu. Đồng thời, cần đầu tư mạnh mẽ cho cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm mô phỏng, bệnh viện thực hành, để sinh viên y khoa có môi trường học tập tiệm cận chuẩn quốc tế ngay trong nước.

Ngoài ra, cơ chế hỗ trợ đào tạo liên tục (CME) phải được thực thi nghiêm túc, giúp đội ngũ bác sĩ luôn cập nhật tiến bộ y học, không ngừng nâng cao tay nghề. Đội ngũ giảng viên y khoa cũng cần được chuẩn hóa về trình độ, mở rộng hợp tác đào tạo tiến sĩ với các trường y quốc tế, tham gia mạng lưới nghiên cứu y học toàn cầu.



Một buổi học của sinh viên Việt Nam với giảng viên nước ngoài.

Giá trị cốt lõi của giáo dục Việt Nam trong hội nhập

GS Dương Quý Sỹ khẳng định, để hội nhập thành công, giáo dục Việt Nam phải dựa trên ba giá trị: "**Khai phóng – Nhân bản – Phụng sự.**"

Ông phân tích: "khai phóng" là giải phóng năng lực sáng tạo của người học; "nhân bản" là đặt con người làm trung tâm, phát triển toàn diện trí – đức – thể – mỹ; "phụng sự" là cống hiến cho quốc gia, và rộng hơn là đóng góp tri thức, giá trị Việt Nam cho nhân loại.

Đây không chỉ là mục tiêu chiến lược mà còn là kim chỉ nam giúp giáo dục Việt Nam hội nhập mà không mất bản sắc, tự tin bước ra thế giới.

Nhìn về tương lai, GS Dương Quý Sỹ cho rằng giai đoạn 2025–2030 là giai đoạn quyết định để đại học Việt Nam bứt phá. Ông kỳ vọng sẽ hình thành các trung tâm nghiên

cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong trường đại học; tăng cường công bố quốc tế, số lượng bằng sáng chế, giải thưởng khoa học.

Ông cũng nêu rõ thách thức: sự chênh lệch về chất lượng, quản trị giữa các trường, hạ tầng chưa đồng đều. *"Kỳ vọng lớn nhất là hệ thống GDDH vừa đồng bộ, vừa đạt chuẩn quốc tế, thu hút sinh viên và giảng viên quốc tế, hình thành mạng lưới đại học quốc tế tại Việt Nam"*.

Theo GS, đây là thời điểm vàng để tận dụng cơ hội từ Nghị quyết 71, nếu không sẽ bỏ lỡ nhịp phát triển và tụt hậu trong cạnh tranh nhân lực toàn cầu.

Khép lại cuộc trò chuyện, GS Dương Quý Sỹ nhấn mạnh tinh thần Nghị quyết 71 như "ngọn đèn soi đường" cho giáo dục Việt Nam: *"Hội nhập quốc tế trong giáo dục không chỉ là tiếp thu mà còn là khẳng định bản lĩnh, bản sắc và đóng góp của Việt Nam cho tri thức nhân loại"*.

Ông tin rằng, với quyết tâm chính trị và sự đồng lòng của toàn xã hội, giáo dục Việt Nam sẽ bước ra thế giới một cách tự tin, góp phần đưa đất nước trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

Tác giả: Thu Trang
Ngày đăng: 07/9/2025



CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Báo Điện tử Chính phủ

Thứ sáu, 3/10/2025 | English | 中文

THU HÚT VÀ ĐÀO TẠO NHÂN TÀI – GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW

Nghị quyết 71-NQ/TW ra đời trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn hội nhập sâu rộng, nhân mạnh nhân tài là động lực trung tâm cho sự phát triển. Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc ngày 16/9/2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định việc đổi mới đội ngũ nhà giáo, trong đó có chuẩn nghề nghiệp mới, chính sách đãi ngộ gắn với hiệu quả, học bổng thu hút sư phạm, bồi dưỡng năng lực số và bảo đảm đạo đức, danh dự nhà giáo.

Theo **GS.TSKH.BS Dương Quý Sỹ** - Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực: *"Việc thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là động lực quyết định cho sự phát triển của đất nước"*.

Trong hơn một thập kỷ qua, nhiều nghị quyết quan trọng đã đề cập trực tiếp đến vấn đề phát hiện và bồi dưỡng nhân tài. Nghị quyết 29-NQ/TW (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục xác định rõ: phải "tạo khung cải cách để nuôi dưỡng và phát triển nhân tài, gắn với chất lượng, chuẩn hóa và hội nhập". Nghị quyết 26-NQ/TW (2018) về công tác cán bộ nhấn mạnh yêu cầu "chủ động tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng sinh viên giỏi, xuất sắc ở trong và ngoài nước", coi đây là giải pháp để hình thành lớp cán bộ chiến lược kế cận. Nghị quyết 52-NQ/TW (2019) về cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tiếp tục đề cao "hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao".

Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa như kỳ vọng. GS Dương Quý Sỹ chỉ ra hàng loạt nguyên nhân: Chưa có một cơ chế chung, thống nhất từ trung ương đến địa phương để triển khai đồng bộ. Các địa phương còn vận dụng chính sách thu hút theo cách riêng, dẫn tới thiếu nhất quán. Sự quan tâm và chủ động trong thực thi chính sách còn hạn chế. Chưa nhận

diện đúng khái niệm "nhân tài" và "nguồn nhân lực chất lượng cao". Các đơn vị hành chính công chưa xây dựng được môi trường làm việc phù hợp để nhân tài gắn bó lâu dài. Thiếu cơ chế chung để tôn vinh và đãi ngộ, khiến nhiều nhân tài chưa thật sự an tâm cống hiến.

Theo ông, *"các đơn vị hành chính công chưa xây dựng được một môi trường làm việc phù hợp nhằm thu hút nhân tài mang tính bền vững; chưa có cơ chế chung cho sự tôn vinh và đãi ngộ nhân tài để họ gắn bó lâu dài và toàn tâm toàn ý cống hiến"*.



GS Dương Quý Sỹ trong một buổi thăm khám cho bệnh nhân - Ảnh: NVCC.

Nhân tài trong kỷ nguyên mới – quan niệm và yêu cầu

Khái niệm "nhân tài" vốn đã tồn tại từ lâu trong lịch sử nhân loại, nhưng chưa có sự thống nhất tuyệt đối giữa các quốc gia. Trên thế giới, nhân tài thường được hiểu là người có năng lực đặc biệt trong một lĩnh vực chuyên sâu, thường xuyên đạt thành tích cao và có đóng góp thiết thực cho xã hội.

Tại Việt Nam, quan niệm phổ biến cho rằng nhân tài là người có năng lực vượt trội trong một ngành, có thể đưa ra những ý tưởng sáng tạo, giải quyết vấn đề thực tiễn và đạt thành tích xuất sắc. Tuy nhiên, GS Dương Quý Sỹ nhấn mạnh: nhân tài không chỉ cần tài năng nổi trội mà còn phải có phẩm chất đạo đức và tinh thần cống hiến. *"Trong tương lai, nhân tài Việt Nam sẽ luôn được trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh và được xem như những hiền tài của đất nước – vừa có tài vừa có đức, vừa hồng vừa chuyên"*.

Theo tinh thần Nghị quyết 71, nhân tài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Họ chính là lực lượng góp phần đưa hệ thống giáo dục quốc dân đạt mục tiêu hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và hình thành đội ngũ trí thức, nhà khoa học, chuyên gia có thể cạnh tranh ở tầm thế giới.

Ba điều kiện cơ bản để nhân tài tỏa sáng

Môi trường làm việc chuyên nghiệp và đồng đẳng

Môi trường làm việc là yếu tố tiên quyết bảo đảm nhân tài có thể phát huy hết khả năng. Một hệ thống minh bạch, khoa học, khuyến khích sáng tạo và đề cao hợp tác sẽ giúp nhân tài gắn bó và toàn tâm công hiến. GS Sỹ khẳng định: *"Những thành tựu cao nhất của tài năng phải là những sản phẩm của tập thể"*. Người đứng đầu tổ chức vì thế phải có năng lực sử dụng nhân tài, biết tạo môi trường tối ưu để cá nhân xuất sắc hòa vào tập thể, tạo ra động lực đổi mới và sáng tạo.

Cơ chế tôn vinh và đãi ngộ xứng đáng

Sự tôn vinh không chỉ dừng ở khen thưởng hình thức, mà còn ở việc trân trọng đóng góp và tạo điều kiện để nhân tài phát huy ý tưởng, năng lực. GS Sỹ nhận định: *"Sự tôn vinh cao đẹp nhất là đem đến những thành quả do tài năng vượt trội tạo ra cùng với tập thể cho tổ chức và cộng đồng"*. Đãi ngộ phải mang tính đa chiều: thu nhập hợp lý, môi trường nghiên cứu thuận lợi, cơ hội phát triển nghề nghiệp, đồng thời khẳng định được vị thế trong xã hội.

Cơ chế chính sách thống nhất và bền vững

Chính sách thu hút nhân tài phải được thể chế hóa thành hành lang pháp lý rõ ràng, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Đặc biệt, cần tập trung ưu tiên cho các ngành thiết yếu như giáo dục, khoa học – công nghệ, y sinh học, năng lượng, môi trường và vũ trụ. Song song, cần xây dựng cơ chế bảo vệ nhân tài trước nguy cơ bị cô lập hay triệt tiêu năng lực trong môi trường thiếu hợp tác. Theo GS Sỹ: *"Quan điểm và mục tiêu của Nghị quyết 71 chính là động lực tạo ra sự đột phá trong cơ chế đặc cách tuyển dụng, đồng cơ hữu và bổ nhiệm nhân tài vào những vị trí cần thiết; đồng thời xây dựng cơ chế bảo đảm môi trường làm việc chuyên nghiệp, lấy sản phẩm đầu ra làm thước đo giá trị cống hiến của nhân tài"*.



GS Dương Quý Sỹ đề xuất "Mô hình tháp phát triển nhân tài Vạn hoa".

"Mỗi trẻ em đều là một nhân tài chưa lớn"

Bên cạnh việc thu hút nhân tài từ nước ngoài, một giải pháp căn cơ và bền vững là đào tạo và nuôi dưỡng nhân tài từ nguồn lực trong nước. Thực tiễn cho thấy, chỉ khi đầu tư lâu dài cho thế hệ trẻ, chúng ta mới hình thành được đội ngũ nhân tài đủ đông và đủ mạnh để phục vụ cho mục tiêu phát triển đất nước.

GS Sỹ đề xuất "Mô hình tháp phát triển nhân tài Vạn hoa": khởi đầu từ việc ươm mầm tài năng ở tuổi học đường thông qua sự phối hợp của gia đình và nhà trường. Trẻ cần được khuyến khích học tập, trải nghiệm, phát huy tố chất và năng khiếu đặc biệt. Ông khẳng định: *"Mỗi trẻ em đều là một nhân tài chưa lớn, do vậy nhiệm vụ của gia đình và nhà trường là phải khai phóng những tiềm năng của trẻ, giúp trẻ sẽ trở thành nhân tài đóng góp cho cộng đồng và xã hội sau này"*.

Ở giai đoạn tiếp theo, nhân tài cần được phát triển qua học tập chuyên sâu, trải nghiệm nghề nghiệp và cống hiến thực tiễn. Sản phẩm của họ không chỉ hữu ích cho cộng đồng mà còn khẳng định giá trị cá nhân trong tập thể. Và ở cấp độ cao nhất, mỗi nhân tài

phải có trách nhiệm phát hiện, bồi dưỡng thế hệ kế cận, tạo nên "lãng kính vạn hoa" rực rỡ cho quốc gia.

Thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Việt Nam trong giai đoạn mới. Để hiện thực hóa mục tiêu của Nghị quyết 71, cần khẩn trương thể chế hóa các chính sách, xây dựng cơ chế đồng bộ, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, bảo đảm tôn vinh và đãi ngộ nhân tài đúng mức.

GS Dương Quý Sỹ nhấn mạnh: *"Tài năng luôn ẩn chứa trong mỗi con người Việt Nam. Nhiệm vụ của chúng ta là khơi dậy và phát huy nguyên khí quốc gia ấy, để cùng đưa đất nước phát triển vượt bậc trong kỷ nguyên mới"*.

Tác giả: Thu Trang
Ngày đăng: 20/9/2025

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

**ĐỊNH HƯỚNG QUYỀN TỰ CHỦ, TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THEO
TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW**

Trong dòng chảy thảo luận sôi nổi về Nghị quyết 71-NQ/TW, Báo Nhà báo và Công luận đã ghi nhận nhiều ý kiến tâm huyết từ giới chuyên gia, nhà khoa học.

Ở bài viết này, GS.TSKH Dương Quý Sỹ, Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực sẽ phân tích sâu từ góc nhìn của một cơ sở GDNN.



*GS.TSKH Dương Quý Sỹ, Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng,
Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực.*

Nghị quyết 71- NQ/TW được ban hành ngày 22/8/2025 nhằm tạo đột phá trong giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) Việt Nam, là bước ngoặt quan trọng cho giáo dục đại học và GDNN.

Nghị quyết 71- NQ/TW thể hiện tầm nhìn chiến lược của Bộ Chính trị về phát triển nguồn nhân lực theo xu hướng toàn cầu hóa giáo dục dựa trên làm chủ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, gìn giữ giá trị truyền thống, tiếp thu tinh hoa nhân loại và chuẩn mực quốc tế, đào tạo công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu.

Theo tinh thần Nghị quyết 71- NQ/TW giáo dục đại học được xác định là nòng cốt đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; **“GDNN là trụ cột phát triển nhân lực kỹ năng, gắn chặt với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động”**, bảo đảm liên thông hiệu quả trong 8 bậc của khung trình độ quốc gia và tương thích khung khu vực/quốc tế.

Theo tinh thần của Nghị quyết 71- NQ/TW, các cơ sở GDNN được chủ động quyết định và tổ chức thực hiện việc dạy – học phù hợp điều kiện của mình, chủ động trong tuyển dụng, bổ nhiệm lãnh đạo/quản lý và thu hút nhân lực chất lượng cao trong nước và từ nước ngoài; tự chủ học thuật, chương trình, mô-đun kỹ năng nghề, đào tạo song ngữ, đào tạo gắn kết với doanh nghiệp; tự chủ tài chính gắn cơ chế đặt hàng theo kết quả;



GDNN được đặt ở vị trí “trụ cột phát triển nhân lực kỹ năng, gắn chặt với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động.

Đồng thời phải tự chịu trách nhiệm thông qua kiểm định độc lập, công khai dữ liệu, chuyển đổi số hệ sinh thái giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời và mở rộng hợp tác quốc gia và quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo và gắn với việc làm, hướng tới hội nhập khu vực/quốc tế trong GDNN.

Nghị quyết 71- NQ/TW đã mang lại quan điểm đổi mới mang tính đột phá cho phát triển GDNN, lấy “*tự chủ đi kèm trách nhiệm giải trình*” và hội nhập theo chuẩn khu vực/quốc tế làm mục tiêu xuyên suốt.

Về thể chế và quản trị, Nghị quyết 71- NQ/TW yêu cầu đẩy mạnh phân cấp - phân quyền gắn với cơ chế giám sát, kiểm tra hiệu quả, chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, tinh gọn bộ máy, làm rõ vai trò chủ thể lãnh đạo và thẩm quyền chịu trách nhiệm ở các cơ sở GDNN, vận hành theo mục tiêu - kết quả, tinh gọn các thủ tục hành chính.



Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình không chỉ là khẩu hiệu, mà phải trở thành “chìa khóa vàng” để GDNN đổi mới quản trị.

Điểm mới nổi bật trong quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71- NQ/TW là tính đột phá về tư duy chiến lược và chính sách mang tính toàn diện, đồng bộ từ đổi mới thể chế đến cơ chế đặc thù: “*bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện cho cơ sở GDNN, không phụ thuộc mức độ tự chủ tài chính*”.

Đặc biệt là quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình trong các cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71- NQ/TW có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng trong việc đạt được mục tiêu

của GDNN theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71- NQ/TW: GDNN được xác định giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao, gắn “học đi đôi với hành”, “nhà trường gắn với xã hội”; đến năm 2030 phải có ít nhất 80% cơ sở GDNN đạt chuẩn quốc gia, 20% được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á, tỷ lệ học sau trung học phổ thông đạt 50%, tỷ lệ lao động nghề có trình độ cao đẳng/đại học trở lên đạt 24%;

Tầm nhìn đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống GDNN hiện đại, công bằng và chất lượng, mọi người dân có cơ hội học tập suốt đời, nguồn nhân lực nghề chất lượng cao trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của đất nước, góp phần đưa Việt Nam thành nước phát triển, có thu nhập cao.



Đại học Penn State và Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng ký thỏa thuận hợp tác đào tạo, theo đó Đại học Penn State tiếp nhận sinh viên, giảng viên của Trường CDYT Lâm Đồng sang học tập, tu nghiệp; đồng thời phối hợp đào tạo, nghiên cứu tại các bệnh viện tỉnh Lâm Đồng và Trung tâm Nghiên cứu Y sinh – Mô phỏng – Trường CDYT Lâm Đồng.

Do vậy định hướng quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình trong các cơ sở GDNN theo tinh thần của Nghị quyết 71- NQ/TW phải được thực thi nhằm bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện không phụ thuộc mức độ tự chủ tài chính; đồng thời phải tự chịu trách nhiệm giải trình thông qua hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ vững mạnh, kiểm định độc lập quốc gia/ quốc tế định kỳ, công khai dữ liệu số hóa và bộ chỉ số minh bạch trong tuyển

sinh, tốt nghiệp, việc làm, chuẩn năng lực quốc gia/khu vực/quốc tế; đưa kiểm định/xếp hạng cơ sở GDNN như tiêu chí giám sát năng lực quản trị và là điều kiện bảo đảm cho việc thực thi quyền tự chủ.

Theo tinh thần Nghị quyết 71- NQ/TW, quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong các cơ sở GDNN về chuẩn hóa nguồn nhân lực nghề và nghề chất lượng cao cần phải dựa trên các văn bản pháp quy về sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn của khung trình độ quốc gia, thúc đẩy liên thông ngang - dọc (liên thông lên) và công nhận lẫn nhau với khung khu vực/quốc tế, nâng chuẩn đầu ra theo tiêu chí so sánh/đối chiếu tiệm cận với chuẩn năng lực nghề quốc tế.



Quyền tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình sẽ là động lực then chốt để GDNN bứt phá, hội nhập khu vực và quốc tế, hiện thực hóa mục tiêu Nghị quyết 71/NQ-TW.

Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong cơ sở GDNN phải dựa trên các Thông tư/Nghị định trong việc chuyển từ cơ chế phân bổ nguồn lực sang định hướng quản trị theo kết quả đầu ra, mở rộng đặt hàng giao nhiệm vụ ở các ngành mũi nhọn, công nghệ cao và phục vụ công nghệ cao, khuyến khích đối chiếu công khai minh bạch các chuẩn năng lực giữa các cơ sở GDNN trong và ngoài nước, bảo đảm cho người học tiếp nhận được thông tin theo quyền lợi được thụ hưởng.

Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71- NQ/TW mang tính toàn diện trong các hoạt động dạy – học và quản trị về số hóa, xây

dựng hệ sinh thái học tập suốt đời với hồ sơ học tập điện tử, dữ liệu số hóa trực tuyến dùng chung, học liệu mở, học theo tín chỉ /mô-đun được công nhận liên thông quốc gia và quốc tế.

Định hướng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong các cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71- NQ/TW cần phải được phát triển ở mức độ chính sách vĩ mô liên quan đến việc gắn kết đào tạo với thị trường lao động, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực nghề - nghề chất lượng cao quốc gia/khu vực và toàn cầu;



Theo tinh thần Nghị quyết 71, các cơ sở GDNN sẽ được trao quyền tự chủ toàn diện.

Mở rộng đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp /công ty liên doanh đa quốc gia, phát triển đào tạo kép và đào tạo song ngữ, đào tạo chương trình nước ngoài được chuyển giao; Đồng xây dựng chuẩn năng lực với doanh nghiệp, thúc đẩy đầu tư công - tư và xã hội hóa trong GDNN; xây dựng các trung tâm khu vực về đào tạo mô phỏng nghề theo chuẩn năng lực quốc gia và quốc tế.

Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71- NQ/TW có vai trò đặc biệt quan trọng trong hội nhập đào tạo nghề quốc tế, thu hút chuyên gia/giảng viên quốc tế bằng chính sách ưu đãi, hỗ trợ giảng viên nghề học tập, bồi

dưỡng ở nước ngoài trong các ngành nghề chuyên sâu và công nghệ cao, trao đổi sinh viên quốc tế;

Thực thi cơ chế giảng viên đồng cơ hữu quốc gia – quốc tế trong GDNN, gắn liền với đồng cấp bằng và liên kết đào tạo toàn cầu, mở rộng thỏa thuận hợp tác và tham gia tổ chức bảo đảm chất lượng quốc tế để tăng công nhận tín chỉ/chứng chỉ hay bằng cấp, tiếp cận các quỹ tín dụng hỗ trợ đào tạo nghề quốc gia và quốc tế.



Điểm mới nổi bật nhất là Nghị quyết 71 khẳng định quyền tự chủ đầy đủ của cơ sở GDNN không phụ thuộc vào mức độ tự chủ tài chính.

Sau cùng, định hướng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong cơ sở GDNN theo tinh thần Nghị quyết 71- NQ/TW cần phải được thực thi trong chuẩn hóa nguồn nhân lực nhà giáo GDNN thông qua các hoạt động nhằm mục tiêu nâng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo, bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực số trong hoạt động dạy học và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, cơ chế chính sách đãi ngộ để thu hút – giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài trong GDNN.

Do vậy để đạt được mục tiêu chỉ đạo của Nghị quyết 71- NQ/TW về đột phá trong phát triển GDNN gắn liền với đột phá về quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, các cơ sở GDNN cần phải linh hoạt, sáng tạo trong quản trị theo hướng tiên tiến; hội nhập sâu rộng khu vực và toàn cầu về nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao tính minh bạch và chịu trách nhiệm toàn diện trước người học, doanh nghiệp và xã hội; phấn

đầu đạt mục tiêu trước thời hạn theo tinh thần Nghị quyết 71- NQ/TW: “Đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống GDNN hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh đưa Việt Nam thành nước phát triển, có thu nhập cao”.

Tác giả: Văn Hiền
Ngày đăng: 09/9/2025

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW: NGỌN HẢI ĐĂNG DẪN ĐẮT GIÁO DỤC VIỆT NAM HỘI NHẬP VÀ PHỤNG SỰ TOÀN CẦU

Trao đổi với Báo Nhà báo và Công luận, GS.TSKH Dương Quý Sỹ, Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực, khẳng định: Theo tinh thần Nghị quyết 71, giáo dục đại học sẽ trở thành nòng cốt đào tạo nhân lực trình độ cao, nuôi dưỡng nhân tài, thúc đẩy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, hướng tới xây dựng công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu.

+ Theo Giáo sư, điểm mới nổi bật nhất trong tinh thần hội nhập quốc tế lần này từ Nghị quyết 71 là gì?

- Điểm nổi bật nhất là tư duy hội nhập toàn diện, đột phá và thực chất. Nghị quyết 71 trao quyền tự chủ rộng hơn cho các trường đại học, từ tuyển dụng nhân sự quốc tế đến hợp tác đào tạo, nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế.

Đồng thời, nghị quyết xác định phát triển đại học tinh hoa theo mô hình nghiên cứu đẳng cấp quốc tế, coi đây là nòng cốt đào tạo nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, việc cho phép mở phân hiệu, văn phòng đại diện, chương trình đào tạo ở nước ngoài là bước đi chiến lược, nâng tầm vị thế giáo dục Việt Nam trong hội nhập toàn cầu.

+ Theo Giáo sư, đâu là giải pháp quản trị then chốt để bảo đảm hội nhập quốc tế thực chất, tránh hình thức?

- Điều cốt lõi là thể chế phải đi trước một bước, được cụ thể hóa bằng luật và các văn bản pháp quy đồng bộ. Tinh thần “*đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục đào tạo*” của Nghị quyết 71 chỉ có thể phát huy khi được thể chế hóa trong Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục đại học và các quy định liên quan đến hợp tác, đầu tư, xuất nhập cảnh, quỹ khoa học – công nghệ.

Chính sách then chốt là tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho liên kết với các trường uy tín, doanh nghiệp lớn nước ngoài, phát triển giáo dục số xuyên biên giới, thành lập viện nghiên cứu và quỹ hợp tác quốc tế, đồng thời có cơ chế thu hút – trọng dụng chuyên gia, học giả, nhân tài trong và ngoài nước.

Đặc biệt, để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2045 có ít nhất 5 trường đại học Việt Nam nằm trong nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới, chúng ta cần một khung chính sách đặc thù đủ mạnh để thu hút nhân tài toàn cầu trở về, an tâm cống hiến cho sự phát triển đất nước.



GS Sỹ hướng dẫn sinh viên y khoa Paris Cité (Pháp) và Penn State (Mỹ) thực hành lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng.

+ Nghị quyết 71 sẽ mở ra những cơ hội gì cho các trường y khoa Việt Nam, thưa Giáo sư?

- Nghị quyết 71 tạo động lực để các trường y khoa Việt Nam nâng tầm theo chuẩn quốc tế thông qua nhiều cơ chế đột phá: đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, trung tâm mô phỏng bệnh viện thực hành số hóa; đổi mới chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực quốc tế, đề bằng cấp được công nhận toàn cầu; thu hút giảng viên, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước; thúc đẩy thành lập viện nghiên cứu, triển khai các công bố và thử nghiệm lâm sàng đa quốc gia.

Đặc biệt, các trường có thể tiếp nhận mô hình đào tạo bác sĩ quốc tế, mở rộng giảng dạy song ngữ, kiểm định chương trình theo chuẩn toàn cầu. Mục tiêu là đào tạo đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng có kỹ năng tay nghề ngang tầm quốc tế, hội nhập sâu rộng và đóng góp cho vị thế học thuật của y học Việt Nam trên bản đồ thế giới.

+ Vậy, từ Nghị quyết 71, giá trị cốt lõi mà giáo dục Việt Nam cần phải khẳng định trong quá trình hội nhập là gì, thưa Giáo sư?

- Trong hội nhập, điều quan trọng nhất là không đánh mất mình. Giáo dục Việt Nam phải xác lập và lan tỏa ba giá trị cốt lõi: Khai phóng – Nhân bản – Phụng sự. Khai phóng để mở rộng trí tuệ, khơi dậy sáng tạo và nuôi dưỡng tinh thần tự do học thuật. Nhân bản để đào tạo con người toàn diện, lấy con người làm trung tâm và mục tiêu tối thượng. Phụng sự để phụng sự quốc gia và đồng thời góp phần cho nhân loại, bằng tri thức, khoa học và bản sắc văn hóa Việt Nam. Đó sẽ là dấu ấn riêng của Việt Nam trong dòng chảy tri thức toàn cầu.

Tôi kỳ vọng từ Nghị quyết 71, chúng ta có một hệ thống đại học Việt Nam đồng bộ chuẩn quốc tế hội nhập sâu rộng. Các trường không chỉ cung cấp nhân lực chất lượng cao, có khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa, mà còn trở thành trung tâm tri thức và đổi mới sáng tạo của quốc gia và khu vực.

Đích đến là có những trường đại học Việt Nam lọt vào top 100 thế giới ở một số lĩnh vực, đồng thời thu hút sinh viên và học giả quốc tế đến học tập, nghiên cứu, giảng dạy. Khi đó, Việt Nam sẽ vừa là điểm đến giáo dục, vừa là nguồn cung tri thức và nhân tài cho toàn cầu.

**Tác giả: Văn Hiền
Ngày đăng: 11/9/2025**

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

**TRIẾT LÝ GIÁO DỤC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ:
TÂM NHÌN THỜI ĐẠI CỦA NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW**

Ở bài viết trước, GS.TSKH Dương Quý Sỹ, Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực đã nhấn mạnh tới ‘Định hướng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW’. Tiếp nối dòng chảy ấy, bài viết này tập trung làm rõ tầm nhìn thời đại mà Nghị quyết 71-NQ/TW mở ra cho nền giáo dục Việt Nam

Thế giới đang bước vào một kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ chưa từng có với sự bùng nổ của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và các nền tảng kết nối toàn cầu. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi căn bản cấu trúc kinh tế, phương thức sản xuất, hình thức giao tiếp và đặc biệt là cách con người tiếp cận, xử lý và ứng dụng tri thức.

Trong bối cảnh đó, giáo dục - với tư cách là nền tảng phát triển con người và động lực then chốt cho phát triển quốc gia đang đứng trước yêu cầu đổi mới sâu sắc về tư duy, nội dung, phương pháp và mô hình tổ chức.

Những phương thức dạy - học truyền thống đang dần bộc lộ hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt, cá nhân hóa và suốt đời của người học trong môi trường số hóa toàn diện. Đồng thời, năng lực công dân số, tư duy phản biện, sáng tạo và thích ứng nhanh với biến đổi trở thành yêu cầu thiết yếu đối với nguồn nhân lực hiện đại.

Các chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước đang từng bước thể chế hóa những tư tưởng chủ đạo của yêu cầu thực tiễn, làm nền tảng để xây dựng một nền giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại và nhân văn. Do vậy, triết lý giáo dục thời đại số không chỉ là định hướng học thuật mà còn là kim chỉ nam cho toàn bộ hệ thống giáo dục trong việc hình thành những thế hệ công dân mới chủ động, sáng tạo và nhân văn.



*GS.TSKH Dương Quý Sỹ, Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng,
Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực.*

Nghị quyết 71-NQ/TW mới được ban hành ngày 22/8/2025, đã kế thừa và xác lập một tầm nhìn triết lý mới cho giáo dục Việt Nam trong thời đại số phù hợp với hệ thống mở – liên thông – học tập suốt đời, gắn chặt chuyển đổi số với đổi mới mô hình quản trị, giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao và giáo dục nghề nghiệp là trụ cột hình thành lực lượng lao động kỹ năng, thích ứng nhanh với thị trường.

Do vậy, việc xây dựng và khẳng định một triết lý giáo dục phù hợp với thời đại số là điều cần thiết, nhằm định hướng cho hệ thống chính sách giáo dục - đào tạo phát triển một cách toàn diện, bền vững, hội nhập nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc.

Trong những năm gần đây, nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước đã thể hiện rõ các định hướng đổi mới giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ chuyển đổi số. Nghị quyết Trung ương 29-NQ/TW (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 52-NQ/TW (2019) của Bộ Chính trị, các Nghị quyết 29/2021/NQ-CP về chuyển đổi số quốc gia, Đề án 1009/QĐ-TTg năm 2022 về phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2022-2026 đã đặt nền móng cho triết lý giáo

đục thời đại số – một định hướng tư duy mang tính chiến lược để phát triển con người và đất nước trong kỷ nguyên số tại Việt Nam.



Giáo dục Việt Nam mang sứ mệnh “Khai phóng - Nhân bản và Phụng sự”.

Đặc biệt, Nghị quyết 71-NQ/TW ban hành ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo ra đời trong bối cảnh thực tiễn đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới, có sự đồng bộ với Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, bổ sung cho Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về yêu cầu tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đã hình thành nên những tư tưởng chủ đạo của các chính sách của Đảng và Nhà nước về triết lý giáo dục trong thời đại số, làm nền tảng cho một triết lý giáo dục mang tính tiến bộ, nhân văn, hiện đại và thích ứng với thời đại số của nền giáo dục Việt Nam mang sứ mệnh “Khai phóng - Nhân bản và Phụng sự”.

Giáo dục là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước số trong kỷ nguyên mới.

Trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tư tưởng “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc”, được xác định rõ ràng và nhất quán.

Giáo dục không chỉ là lĩnh vực quan trọng hàng đầu mà còn là nền tảng và động lực phát triển bền vững đất nước, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu. Chuyển đổi số quốc gia đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng số, tư duy phản biện và năng lực sáng tạo - những phẩm chất chỉ có thể được hình thành và phát triển thông qua một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại và mang tính mở.



Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho tương lai.

Do đó, giáo dục giữ vai trò trung tâm trong chiến lược xây dựng đất nước số, xã hội số và công dân số. Đây là chìa khóa để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, rút ngắn khoảng cách phát triển và chủ động hội nhập quốc tế.

Đảng và Nhà nước ta đã và đang ban hành nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục thích ứng với thời đại số, thể hiện qua việc đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ giáo dục, xây dựng hệ sinh thái học tập số, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

Việc thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà là đổi mới toàn diện cách dạy, cách học, cách quản lý và đánh giá chất lượng giáo dục. Tư tưởng triết lý giáo dục là quốc sách hàng đầu, trong thời đại số, càng có ý nghĩa chiến lược sâu sắc, không thể có một nền kinh tế số phát triển nếu thiếu một nền giáo dục số tiên tiến. Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho tương lai, là cách hiệu quả và bền vững nhất để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững và bao trùm.

Giáo dục không chỉ là truyền đạt kiến thức mà là phát triển con người toàn diện và lấy người học làm trung tâm

Triết lý giáo dục trong thời đại số nhấn mạnh việc chuyển từ mô hình “dạy để biết” sang “dạy để làm, để chung sống và để phát triển”.

Nghị quyết 29/NQ-TW nêu rõ: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”; Nghị quyết 71-NQ/TW cũng đã đưa triết lý giáo dục con người toàn diện đức, trí, thể, mỹ, giáo dục vì con người và con người là chủ thể của giáo dục.

Trong một thế giới nơi kiến thức thay đổi từng ngày, điều quan trọng không phải là ghi nhớ mà là khả năng học tập, thích ứng và sáng tạo không ngừng. Triết lý giáo dục thời đại số trong các chỉ thị, nghị quyết cũng nhấn mạnh đến văn hóa đọc là một phần không thể thiếu của giáo dục toàn diện.

Giáo dục thời đại số không chỉ là trang bị kỹ năng số, mà còn là nuôi dưỡng tư duy phản biện, khả năng hiểu biết sâu và thái độ học thuật nghiêm túc những điều được hình thành thông qua đọc có chiều sâu. Do vậy, đọc sách không chỉ là một kỹ năng, mà là một giá trị sống nền tảng cho một xã hội tri thức, học tập suốt đời và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số quốc gia, phát triển văn hóa đọc không chỉ là chính sách văn hóa, mà còn là định hướng giáo dục sâu sắc. Đó là giáo dục thông qua đọc, lấy việc đọc làm trung tâm để phát triển năng lực tự học, tự chủ, tự sáng tạo của mỗi người.

Triết lý giáo dục thời đại số được thể hiện rõ nét trong đề án 1009/QĐ-TTg chính là: học để đọc – đọc để hiểu – hiểu để làm chủ chính mình và tương lai. Đó là nền tảng để xây dựng một xã hội học tập, xã hội tri thức, và xã hội số phát triển bền vững.



Người học không còn là đối tượng tiếp thu tri thức một chiều mà trở thành chủ thể tích cực trong quá trình học tập.

Chính sách giáo dục hiện nay chuyển mạnh từ truyền đạt kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực. Học sinh không chỉ học để biết, mà học để làm, học để cùng chung sống và học để tự khẳng định mình trong môi trường số đầy biến động.

Đây là bước chuyển từ giáo dục định hướng nội dung sang giáo dục định hướng năng lực - cốt lõi của triết lý giáo dục hiện đại. Việc lấy người học làm trung tâm không chỉ là định hướng về phương pháp giảng dạy mà còn là kim chỉ nam trong thiết kế chương trình, đổi mới kiểm tra đánh giá, xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện và sáng tạo.

Đây cũng là tiền đề để hình thành một xã hội học tập, trong đó mỗi cá nhân đều có cơ hội phát triển tối đa tiềm năng của mình, góp phần xây dựng một quốc gia số với nền giáo dục nhân văn, khai phóng và hội nhập.

Triết lý giáo dục hiện đại, đặc biệt trong thời đại số, nhấn mạnh đến việc lấy người học làm trung tâm - một tư tưởng xuyên suốt trong các chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước ta. Trong đó, người học không còn là đối tượng tiếp thu tri thức một chiều mà trở thành chủ thể tích cực trong quá trình học tập, phát triển và tự hoàn thiện.

Song song với việc phát triển năng lực, giáo dục hiện đại thời đại số còn chú trọng bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lý tưởng sống, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội.

Trong thời đại số, khi môi trường học tập trở nên mở, linh hoạt và đa chiều, yêu cầu về phẩm chất công dân toàn cầu, bản lĩnh văn hóa và đạo đức nghề nghiệp càng trở nên cấp thiết.

Giáo dục mở và học tập suốt đời là định hướng chiến lược và là xu thế tất yếu trong thời đại số

Nghị quyết 29-NQ/TW, 52-NQ/TW (2019) nhấn mạnh, với sự hỗ trợ của công nghệ, giáo dục số mở ra cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi. Nghị quyết 71-NQ/TW cũng đã quán triệt chuyển đổi số hệ sinh thái giáo dục: hồ sơ học tập suốt đời, dữ liệu dùng chung, học liệu mở.

Học tập không còn giới hạn trong lớp học truyền thống mà mở rộng đến mọi tầng lớp xã hội, từ học sinh đến người lao động. Triết lý giáo dục thời đại số thúc đẩy xã hội học tập, nơi mỗi công dân đều là người học chủ động, liên tục và có khả năng làm chủ tri thức.

Điều này phản ánh một triết lý học tập mới là giáo dục không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian, và mỗi người dân đều có thể trở thành công dân học tập suốt đời, thông qua các công cụ số. Đây là bước tiến lớn trong việc xóa bỏ rào cản tiếp cận tri thức, đặc biệt với người dân ở vùng sâu, vùng xa.

Tư tưởng chỉ đạo của các Nghị quyết TW, các chính sách của Đảng và Nhà nước cũng đã nhấn mạnh việc “phát triển hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời”, điều này phản ánh một triết lý mới: học tập không còn giới hạn trong khuôn khổ nhà trường, cũng không dừng lại ở một giai đoạn nào đó của cuộc đời.

Trong thế giới số, nơi tri thức biến đổi từng ngày, người học cần được trang bị năng lực tự học, học từ nhiều nguồn, học liên tục để không bị tụt lại phía sau.

Chính sách giáo dục hiện hành của Đảng và Nhà nước đã thể hiện rõ định hướng xây dựng xã hội học tập, trong đó mọi người dân, không phân biệt độ tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế hay nơi cư trú, đều có cơ hội được học tập suốt đời, tiếp cận với tri thức một cách bình đẳng.



Chuyển đổi số trong giáo dục là xóa bỏ rào cản về không gian, thời gian và điều kiện kinh tế trong tiếp cận tri thức.

Việc triển khai hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, ứng dụng công nghệ số vào dạy và học chính là đòn bẩy quan trọng giúp hiện thực hóa mục tiêu này. Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ là hiện đại hóa công cụ và phương pháp giảng dạy, mà còn là xóa bỏ rào cản về không gian, thời gian và điều kiện kinh tế trong tiếp cận tri thức.

Nhờ đó, người học ở vùng sâu, vùng xa, người lao động, người khuyết tật... đều có thể tham gia học tập thông qua các nền tảng trực tuyến, khóa học mở, tài nguyên giáo dục số và các chương trình học tập từ xa.

Bên cạnh đó, triết lý “học tập suốt đời” cũng được cụ thể hóa trong hệ thống chính sách và quy hoạch phát triển giáo dục quốc gia, như Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, với tầm nhìn đến năm 2045. Các chương trình khuyến học, khuyến tài, xây dựng cộng đồng học tập cấp xã, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động đang góp phần quan trọng trong việc lan tỏa văn hóa học tập rộng khắp trong toàn xã hội.

Giáo dục là động lực và nền tảng để dẫn dắt chuyển đổi số, gắn với thị trường lao động, đổi mới sáng tạo

Trong thời đại số, giáo dục không thể tách rời thực tế; người học cần được trang bị những kỹ năng ứng dụng công nghệ, tư duy số, làm việc nhóm và sáng tạo, đáp ứng nhu

cầu không ngừng biến động của thị trường lao động. Do vậy, giáo dục phải trở thành cầu nối giữa nhà trường, doanh nghiệp và xã hội. Không chỉ là lĩnh vực cần thích ứng, giáo dục trong thời đại số được định vị là trung tâm và động lực của chuyển đổi số quốc gia.

Các NQTW khẳng định cần “ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao” như một trụ cột phát triển. Điều này cho thấy giáo dục không chỉ đi sau mà phải đi trước, dẫn dắt sự phát triển của khoa học công nghệ và kinh tế số. Triết lý giáo dục thời đại số vì thế đặt mục tiêu phát triển những con người sáng tạo, chủ động, có khả năng học hỏi và thích ứng linh hoạt.

Tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW cũng nhấn tập trung đột phá thông qua việc nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng, tiến đến hội nhập quốc tế; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm quốc gia và khu vực.



Giáo dục Việt Nam thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng, tiến đến hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh việc làm và kỹ năng lao động thay đổi nhanh chóng, triết lý giáo dục thời đại số yêu cầu gắn chặt giáo dục với thực tiễn, thị trường lao động, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Các NQTW cũng đã đề ra nhiệm vụ “khuyến khích đổi mới sáng tạo trong

giáo dục” – thể hiện quan điểm: người học không chỉ tiếp nhận tri thức mà còn phải biết tạo ra tri thức mới, biết giải quyết vấn đề và thích ứng với biến động.

Một trong những tư tưởng chủ đạo thể hiện rõ trong các chính sách giáo dục hiện hành là gắn giáo dục với thực tiễn đời sống, nhu cầu của thị trường lao động và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong thời đại số, giáo dục không thể đứng ngoài dòng chảy phát triển của nền kinh tế - xã hội, mà cần chủ động thích ứng, dẫn dắt và tạo động lực cho sự đổi mới và phát triển.

Ngoài ra, các chính sách của Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng gắn với yêu cầu thực tiễn, lấy nhu cầu xã hội làm thước đo chất lượng đào tạo, đặc biệt là trong Nghị quyết 71-NQ/TW và các chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2045.

Giáo dục không chỉ cung cấp kiến thức hàn lâm, mà cần trang bị cho người học năng lực làm việc thực tế, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, tư duy khởi nghiệp và năng lực thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế cũng trở thành một yếu tố không thể tách rời trong chiến lược phát triển giáo dục.

Việc xây dựng các chương trình đào tạo song ngữ, liên kết đào tạo quốc tế, công nhận văn bằng giữa các quốc gia và thúc đẩy trao đổi sinh viên, giảng viên... chính là biểu hiện cụ thể của triết lý giáo dục hướng đến công dân toàn cầu - những người có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, có hiểu biết liên văn hóa, và tôn trọng sự đa dạng.

Đặc biệt, quá trình chuyển đổi số giúp rút ngắn khoảng cách giữa giáo dục và thị trường lao động thông qua các nền tảng kết nối đào tạo - việc làm, mô hình học kết hợp, đào tạo theo chuẩn đầu ra và khung năng lực nghề nghiệp. Nhờ đó, người học có thể dễ dàng cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường và xu hướng phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Tư tưởng “giáo dục gắn với thực tiễn, thị trường lao động và hội nhập quốc tế” chính là lời khẳng định về một nền giáo dục mở, linh hoạt, thích ứng và sáng tạo - nền giáo dục không chỉ phục vụ mục tiêu cá nhân mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa, số hóa đất nước.



Liên kết đào tạo quốc tế, công nhận văn bằng giữa các quốc gia và thúc đẩy trao đổi sinh viên, giảng viên.

Đảm bảo công bằng, dân chủ, hội nhập giáo dục và học tập suốt đời cho mọi người dân và đối tượng yếu thế

Triết lý giáo dục thời đại số không chỉ phục vụ người giỏi, người có điều kiện mà hướng tới bình đẳng trong tiếp cận tri thức, đặc biệt là với học sinh vùng sâu, vùng xa. Nhờ công nghệ, học sinh ở bất cứ đâu cũng có thể tiếp cận chất lượng giáo dục ngang bằng. Đồng thời, giáo dục Việt Nam cần hòa mình vào dòng chảy tri thức toàn cầu nhưng vẫn giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Một điểm đặc biệt nhân văn trong triết lý giáo dục thời đại số là tinh thần bao trùm và công bằng trong tiếp cận tri thức. Các NQTV yêu cầu phải “thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền, nhóm dân cư, giới tính”. Công nghệ không chỉ là công cụ mà còn là cơ hội để mọi người, dù ở thành thị hay nông thôn, đều có thể học tập, phát triển bản thân và đóng góp vào sự phát triển chung, “Bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các nền tảng giáo dục số một cách bình đẳng”.



Môi trường học tập công bằng, dễ tiếp cận cho mọi đối tượng, nhất là nhóm yếu thế.

Triết lý giáo dục thời đại số không bỏ ai lại phía sau; việc số hóa giáo dục không chỉ dành cho người có điều kiện, mà phải bảo đảm môi trường học tập công bằng, dễ tiếp cận cho mọi đối tượng, nhất là nhóm yếu thế. Triết lý giáo dục trong thời đại số nhấn mạnh giáo dục không còn là trách nhiệm riêng của nhà trường, mà là kết quả của sự liên kết giữa các chủ thể trong xã hội, nhằm phát triển năng lực thực tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động số.

Chuyển đổi số là động lực và là phương thức đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, Đảng và Nhà nước xác định chuyển đổi số không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn là động lực quan trọng và là phương thức đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tư tưởng này được thể hiện rõ trong nhiều văn kiện chính sách quan trọng, như Nghị quyết số 52-NQ/TW về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp

lần thứ tư, Chương trình chuyển đổi số quốc gia, và Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Chuyển đổi số trong giáo dục không đơn thuần là việc số hóa tài liệu hay triển khai dạy học trực tuyến, mà là một quá trình cải cách sâu rộng từ triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo đến nội dung, phương pháp giảng dạy, quản trị nhà trường và mô hình tổ chức giáo dục. Đây là sự thay đổi toàn diện để thích ứng với nhu cầu học tập đa dạng, linh hoạt và cá nhân hóa trong thời đại số.

Nhờ ứng dụng công nghệ số, người học có thể tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi thông qua các nền tảng học tập trực tuyến, thư viện số, hệ thống học liệu mở. Giáo viên chuyển từ vai trò “truyền thụ kiến thức” sang “người hướng dẫn, hỗ trợ học tập”, giúp học sinh phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực tự học suốt đời.



Các chính sách hiện hành đang từng bước tạo hành lang pháp lý và nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục.

Đồng thời, chuyển đổi số cũng giúp quản lý giáo dục trở nên minh bạch, hiệu quả và dựa trên dữ liệu, từ đó nâng cao chất lượng toàn hệ thống. Các chính sách hiện hành đang từng bước tạo hành lang pháp lý và nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục: phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, xây dựng kho học liệu số, và đặc biệt là đảm bảo an toàn, bình đẳng trong tiếp cận công nghệ cho mọi đối tượng học sinh - bao gồm học sinh vùng sâu, vùng xa, người yếu thế.

Tư tưởng "chuyển đổi số là động lực và phương thức đổi mới căn bản giáo dục" không chỉ phản ánh quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong quá trình hiện đại hóa giáo dục, mà còn thể hiện một triết lý sâu sắc: giáo dục cần song hành với đổi mới công nghệ để nâng tầm con người Việt Nam trong kỷ nguyên số - thông minh hơn, sáng tạo hơn, và hội nhập hơn.

Xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, chất lượng cao và có khả năng thích ứng trong thời đại số

Trong thời đại số - thời đại của tri thức, kết nối và biến đổi không ngừng - Đảng và Nhà nước đã xác định rõ yêu cầu cấp thiết là phải xây dựng một nền giáo dục mở, linh hoạt, chất lượng cao và có khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh, mọi đối tượng và mọi trình độ phát triển. Đây không chỉ là xu thế phát triển toàn cầu mà còn là sự lựa chọn mang tính chiến lược để thực hiện triết lý giáo dục tiến bộ, nhân văn và hiện đại.

Giáo dục mở là nền giáo dục trao quyền học tập cho mọi người, không giới hạn bởi độ tuổi, thời gian, không gian hay hình thức học. Chính sách hiện hành đã khuyến khích phát triển các mô hình học tập linh hoạt như đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa, học tập qua trải nghiệm thực tiễn, công nhận kết quả học tập không chính quy, phi chính quy.

Tư tưởng này nhằm tạo ra một hệ sinh thái học tập rộng lớn, nơi mỗi người có thể học tập suốt đời, tự chủ lựa chọn nội dung, phương thức và tiến độ học phù hợp với điều kiện của bản thân.

Tính linh hoạt còn thể hiện ở việc đa dạng hóa chương trình đào tạo, liên thông giữa các bậc học, các trình độ giáo dục, cũng như giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Điều này giúp người học dễ dàng chuyển đổi định hướng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động và nền kinh tế số.

Song song với đó, mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục luôn được đặt ở vị trí trung tâm trong mọi chính sách. Đổi mới kiểm tra đánh giá, phát triển đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, tăng cường tự chủ đại học, kiểm định chất lượng độc lập, ứng dụng công nghệ trong dạy - học - quản lý... là những bước đi quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra, đáp ứng các chuẩn mực trong nước và quốc tế.



Mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục luôn được đặt ở vị trí trung tâm trong mọi chính sách.

Khả năng thích ứng - một yếu tố sống còn trong thế giới liên tục biến động - được xem là năng lực cốt lõi mà nền giáo dục hiện đại phải tạo dựng cho người học. Tư tưởng này đòi hỏi giáo dục không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn phải rèn luyện cho người học năng lực giải quyết vấn đề, thích nghi với thay đổi, sáng tạo trong tư duy và hành động.

Như vậy, xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, chất lượng cao và có khả năng thích ứng chính là biểu hiện sinh động của triết lý giáo dục lấy con người làm trung tâm, đồng thời phản ánh tư duy hiện đại của Đảng và Nhà nước trong việc đưa giáo dục trở thành trụ cột của phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế sâu rộng trong thời đại số.

Trong bối cảnh xã hội đang bước vào kỷ nguyên số, với sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, triết lý giáo dục trong thời đại số đã trở thành một yêu cầu không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

Đảng và Nhà nước ta đã có những nghị quyết, những chiến lược và chính sách giáo dục rõ ràng và đồng bộ, khẳng định vai trò then chốt của giáo dục trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu.

Nghị quyết 71-NQ/TW không chỉ củng cố nền tảng triết lý “giáo dục mở – số hóa – liên thông – lấy người học làm trung tâm” mà còn đặt ra cơ chế thực thi: trao quyền có điều kiện (tự chủ) và giải trình bằng dữ liệu và kiểm định. Đây là con đường để hệ thống giáo dục Việt Nam vừa giữ bản sắc, vừa hội nhập sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số.



Triết lý giáo dục trong thời đại số đã trở thành một yêu cầu không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

Các tư tưởng chủ đạo trong chính sách giáo dục hiện hành thể hiện sự quyết tâm đổi mới mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực của giáo dục: từ xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt và chất lượng cao, đến gắn giáo dục với thực tiễn và nhu cầu của thị trường lao động, từ thúc đẩy công bằng trong tiếp cận giáo dục, đến chuyển đổi số như động lực và phương thức đổi mới căn bản giáo dục.

Những tư tưởng này không chỉ phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước mà còn là sự xác định đúng đắn nền tảng lý luận và triết lý sâu sắc về vai trò của giáo dục trong việc phát triển con người - nguồn tài nguyên quý giá nhất trong kỷ nguyên số.

Tuy nhiên, để triết lý giáo dục trong thời đại số thực sự đi vào cuộc sống và đạt được hiệu quả, cần phải có những nỗ lực không ngừng trong việc triển khai đồng bộ các Nghị quyết – chính sách của Đảng và Nhà nước, các giải pháp từ đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ, đào tạo đội ngũ giáo viên có năng lực số, xây dựng các chương trình giáo dục linh hoạt và đáp ứng nhu cầu thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động.

Bên cạnh đó, cũng cần đặc biệt chú trọng đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho tất cả mọi đối tượng học sinh, sinh viên, người lao động chưa thông qua đào tạo nhằm không để ai bị bỏ lại phía sau trong sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Triết lý giáo dục trong thời đại số sẽ là nền tảng vững chắc để xây dựng một xã hội học tập, một đất nước phát triển toàn diện, công bằng, văn minh và thịnh vượng.

Tác giả: Văn Hiền
Ngày đăng: 12/09/2025

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

**THU HÚT, TRỌNG DỤNG VÀ ĐÃI NGỘ 'NHÂN TÀI':
GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU
NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW**



GS.TSKH.BS Dương Quý Sỹ đại diện cho nhà giáo trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp và cán bộ y tế nhận hoa chúc mừng từ Phó Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam nhân Lễ kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (20/11/2021).

Tiếp tục trao đổi cùng Nhà báo và Công luận, GS.TSKH Dương Quý Sỹ, Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực, Giáo sư kiêm nhiệm Đại học Penn State- Mỹ & Đại học Paris Cité – Pháp cho rằng, những mục tiêu, giải pháp và định hướng chiến lược mà Nghị quyết 71-NQ/TW đã đề ra về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cho thấy chính sách thu hút, trọng dụng

và đãi ngộ nhân tài có vai trò rất quan trọng, không chỉ dừng lại ở phạm trù lý luận mà cần phải được luật hóa và cụ thể hóa bằng các giải pháp mang tính đột phá cao.

Trong lịch sử 80 đấu tranh cách mạng giành độc lập dân tộc - thống nhất đất nước (2/9/1945–2/9/2025), Đảng và Nhà nước ta luôn thấm nhuần và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về trọng dụng nhân tài; đây cũng là truyền thống quý báu của dân tộc, được khắc trên Văn bia tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám từ nghìn năm qua: *"Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao"* (Thân Nhân Trung); khẳng định vai trò quyết định của nhân tài đối với sự hưng thịnh của đất nước, thể hiện truyền thống trọng dụng nhân tài của dân tộc Việt Nam qua nhiều thế hệ; truyền thống đó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát huy ngay từ khi Cách mạng Tháng 8 thành công và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa và nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong suốt quá trình phát triển của đất nước, “hiền tài là nguyên khí quốc gia” luôn được Đảng ta xem là tư tưởng cốt lõi, soi sáng cho các chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.



Việc thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là động lực quyết định cho sự phát triển của đất nước.

Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, việc thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là động lực quyết định cho sự phát triển của đất nước.

Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” đã nhấn mạnh rõ vai trò then chốt của nhân tài trong công cuộc xây dựng đất nước, đồng thời đề ra những chính sách, cơ chế mang tính đột phá ưu việt nhằm thu hút, trọng dụng và phát huy tối đa tiềm năng của đội ngũ trí thức, nhà khoa học, chuyên gia, nhân tài trong và ngoài nước.

Trong thời gian qua, cùng với việc ban hành và triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các Nghị quyết Trung ương trên các mặt kinh tế và xã hội, giáo dục và y tế, văn hóa và nghệ thuật, khoa học công nghệ và an ninh quốc phòng, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng hoàn thiện và phát triển các quan điểm chỉ đạo, các cơ chế chính sách về thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài dựa trên cơ sở quan điểm “*nhân tài tạo đột phá cho sự phát triển của đất nước*”.

Nghị quyết 29-NQ/TW (04/11/2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định “*Tạo khung cải cách giáo dục và đào tạo để nuôi dưỡng và phát triển nhân tài, gắn với chất lượng, chuẩn hóa và hội nhập*”.

Nghị quyết số 26-NQ/TW (19/5/2018) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ nêu rõ cần “*Hoàn thiện cơ chế, đẩy mạnh thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có triển vọng và đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận. Chủ động nắm, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc ở trong nước và nước ngoài*”; xác định một trong năm đột phá chiến lược là “*... có cơ chế, chính sách để tạo cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và thu hút, trọng dụng nhân tài*”.

Nghị quyết số 52-NQ/TW (27/9/2019) về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng chỉ rõ “*Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao*”.



Nhân tài tạo đột phá cho sự phát triển của đất nước.

Cho đến nay thành quả đạt được của chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài của thông qua việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, vẫn chưa đạt được những kết quả như mong đợi do bởi nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan:

Thứ nhất, chưa có một cơ chế chung cho việc triển khai đồng bộ chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài từ trung ương đến địa phương;

Thứ hai, sự khác biệt trong việc vận dụng cơ chế đặc thù và chính sách thu hút của từng địa phương;

Thứ ba, sự chưa quan tâm đúng mức và thiếu chủ động trong việc thực hiện chính sách thu hút – đãi ngộ;

Thứ tư, chưa nhận định đúng khái niệm về nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao;

Thứ năm, các đơn vị hành chính công chưa xây dựng được một môi trường làm việc phù hợp nhằm thu hút nhân tài mang tính bền vững;

Thứ sáu, chưa có cơ chế chung cho sự tôn vinh và đãi ngộ nhân tài nhằm giúp nhân tài được thu hút gắn bó lâu dài với tổ chức để cống hiến.

Do vậy để triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài nhằm đạt mục tiêu của Nghị quyết 71-NQ/TW về một nền giáo dục tinh hoa cần phải có những chính sách mang tính đột phá, những cơ chế đặc thù và những giải pháp phù hợp với thực tiễn bộ máy hành chính hai cấp, cần phải có một tầm nhìn mang tính thời đại và biện chứng trong việc cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo, những mục tiêu và giải pháp được đề ra trong Nghị quyết 71-NQ/TW;

đồng bộ với việc tạo môi trường làm việc thuận lợi để phát huy tối đa động lực cống hiến của nguồn nhân tài tại chỗ, cùng với nhân tài được thu hút từ nước ngoài về, luôn toàn tâm toàn ý phục vụ cho sự đổi mới sáng tạo, phát triển vượt bậc của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Nghị quyết 71-NQ/TW có vai trò đặc biệt quan trọng để đóng góp cho hệ thống giáo dục đạt được mục tiêu *“đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, đứng vào nhóm 20 quốc gia hàng đầu thế giới, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài khoa học, công nghệ trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của đất nước và ít nhất 5 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực”*.

Do vậy trong tương lai, nhân tài Việt Nam sẽ luôn được trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh và được xem như là những “hiền tài” của đất nước; là những người hội tụ đủ cả năng lực chuyên môn cao và phẩm chất đạo đức cao đẹp *“vừa có tài vừa có đức - vừa hồng vừa chuyên”*.

Tuy nhiên để có thể đóng góp tài năng, trí tuệ và năng lực của mình, góp phần cùng nguồn nhân lực cả nước đạt được những mục tiêu đột phá trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, đổi mới và sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW, nhân tài cũng cần phải có cả những năng lực thích ứng cao với môi trường làm việc, với cơ chế và chính sách đang dần được hoàn thiện, và thích ứng với sự chưa đồng bộ về nguồn nhân lực trong các tổ chức tham gia làm việc và đóng góp.



Đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, đứng vào nhóm 20 quốc gia hàng đầu thế giới.

Yêu cầu cơ bản để nhân tài tham gia đóng góp tạo sự đột phá theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW

Môi trường làm việc mang tính chuyên nghiệp, tôn trọng và đồng đẳng

Môi trường làm việc là yếu tố tiên quyết đầu tiên bảo đảm cho nhân tài được tham gia vào đóng góp năng lực cho tổ chức, cho địa phương. Đây là yếu tố cốt lõi bảo đảm cho sự toàn tâm toàn ý đóng góp của những nhân tài được thu hút và trọng dụng.

Môi trường làm việc phải thật sự chuyên nghiệp, khoa học trong việc vận dụng mô hình bộ máy tổ chức của nền hành chính công hiện đại đang được Chính phủ đổi mới, cải cách, để vận dụng phù hợp vào thực tiễn các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức xã hội; môi trường làm việc phải lấy quan điểm chủ đạo là tạo động lực cho mọi người trong tổ chức tham gia đóng góp ở mức cao nhất và nhân tài là một mắc xích quan trọng trong hệ thống để vận dụng năng lực tập thể tạo ra những hiệu quả công việc và thành quả tốt nhất; vì: ***“Những thành tựu cao nhất của tài năng phải là những sản phẩm của tập thể”***.

Do vậy nhân tài phải vừa là chủ thể tham gia trực tiếp để phát triển tổ chức, vừa tạo động lực cho những người trong tổ chức, giúp tổ chức phát triển lên tầm cao mới, tạo động lực cho sự đổi mới, sáng tạo trong tổ chức.

Thế nên, tạo môi trường làm việc phù hợp cho nhân tài để đạt được mục tiêu của Nghị quyết 71-NQ/TW, đòi hỏi người đứng đầu tổ chức sử dụng nhân tài phải là những người có năng lực sử dụng nhân tài; chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài cần phải chú trọng việc tạo môi trường làm việc tối ưu cho nhân tài, đồng bộ với sự tôn vinh và chế độ đãi ngộ.

Cơ chế tôn vinh và sự đãi ngộ vừa mang tính truyền thống vừa mang tính hiện đại

Đảng và Nhà nước ta đã luôn vận dụng tư tưởng sử dụng người tài theo truyền thống của dân tộc và đặc biệt là theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam và cũng là “Thiên tài” trong lĩnh vực sử dụng nguồn lực con người theo tinh thần phát huy sức mạnh tập thể và dựa trên khối đại đoàn kết dân tộc.

Sự tôn vinh, trọng dụng nhân tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất bình dị nhưng mang đậm truyền thống dân tộc nhưng lại có tác động mạnh mẽ đến tình cảm, nhân cách, lý tưởng của các nhân tài và đã là động lực cho những thế hệ nhân tài là những bậc tiền bối lão thành cách mạng đã cống hiến trọn cuộc đời của mình cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam giàu đẹp ngày hôm nay; đây cũng sẽ là tiền đề giúp cho việc thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW trong đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài.

Bên cạnh đó, sự tôn vinh cao nhất đối với nhân tài đó là trân trọng sự đóng góp của nhân tài cho tổ chức và tạo môi trường thật tốt cho nhân tài phát huy tài năng, đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội. Vì đối với nhân tài thì ***“Sự tôn vinh cao đẹp nhất là đem đến được những thành quả do tài năng, năng lực vượt trội do mình tạo ra cùng với tập thể cho tổ chức và cho cộng đồng”***.

Sự tôn vinh nhân tài còn thể hiện thông qua việc xây dựng cơ chế tạo điều kiện cho nhân tài phát huy những ý tưởng đổi mới sáng tạo góp phần vào sự phát triển của tổ chức và địa phương, tạo sự đột phá trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW và Nghị quyết 57-NQ/TW.



Sự tôn vinh nhân tài còn thể hiện thông qua việc xây dựng cơ chế tạo điều kiện cho nhân tài phát huy những ý tưởng đổi mới sáng tạo.

Cơ chế chính sách bảo đảm việc thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài nhằm đạt được những mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW

Để đạt được những mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW, việc thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài cần phải được thể chế hóa và cần tập trung vào ưu tiên cho các ngành nghề, lĩnh vực thiết yếu phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Cần có một cơ chế, chính sách chung về chế độ thu hút và đãi ngộ nhân tài nhằm tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức tuyển dụng nhân tài có cơ sở triển khai thực hiện và nhằm bảo đảm sự ổn định – bền vững trong việc sử dụng nhân tài từ trung ương đến địa phương, phù hợp với chính quyền 2 cấp và đề cao tính tự chủ.

Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo được ban hành trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa vô cùng quan trọng, phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa và hợp tác đa phương, ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, yêu cầu ngày càng cao và sự dịch chuyển không ngừng của nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực/toàn cầu, sự đòi hỏi cấp thiết của một số ngành nghề đặc thù luôn cần phải có cơ

chế và chính sách ưu tiên đầu tư thu hút nhân tài trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y sinh học và môi trường, năng lượng và vũ trụ.



Cần có một cơ chế, chính sách chung về chế độ thu hút và đãi ngộ nhân tài nhằm tạo hành lang pháp lý.

Việc tuyển dụng nhân tài trong hệ thống hành chính công, trong đơn vị công lập cần phải được thể chế hóa thông qua các hội đồng tuyển dụng nhân tài, cụ thể hóa các tiêu chí về đánh giá năng lực nhân tài, quy chế tuyển chọn; có chế độ chính sách phù hợp với tiềm lực kinh tế xã hội của địa phương và quốc gia; tiến đến thể chế hóa việc xây dựng các tiêu chí về năng lực, chỉ số thu hút, trọng dụng, tôn vinh và đãi ngộ nhân tài quốc gia và quốc tế đóng góp cho sự phát triển của Việt Nam.

Quan điểm và mục tiêu của Nghị quyết 71-NQ/TW là động lực tạo ra sự đột phá trong cơ chế đặc cách tuyển dụng, đồng cơ hữu và bổ nhiệm nhân tài vào những vị trí cần thiết cho sự phát huy tài năng của nhân tài được thu hút; cơ chế bảo đảm môi trường làm việc phù hợp cho nhân tài mang tính chuyên nghiệp và lấy sản phẩm đầu ra là thước đo cho giá trị đóng góp của nhân tài; cơ chế bảo vệ nhân tài tránh những rủi ro và nguy cơ bị triệt tiêu tài năng khi bị cô lập, thiếu hợp tác trong môi trường làm việc.

Đào tạo, nuôi dưỡng và phát triển nhân tài theo tinh thần tạo sự đột phá của Nghị quyết 71-NQ/TW

Thực tiễn tại Việt Nam trong thời gian qua và trong tình hình hiện nay theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cho thấy chính sách phát triển nhân tài bền vững và hiệu quả nhất, song song với cơ chế thu hút – trọng dụng và đãi ngộ nhân tài ở nước ngoài đóng góp cho Việt Nam là việc đào tạo – bồi dưỡng và phát triển nhân tài từ nguồn lực con người của quốc gia.

Nhân tài được thu hút và trọng dụng từ bên ngoài ranh giới quốc gia đóng góp cho Việt Nam là nguồn lực quan trọng, nhưng đi kèm là phải có những cơ chế chính sách ưu đãi đặc thù, chế độ lương và đãi ngộ đặc biệt, sự tôn vinh phù hợp. Do vậy cần phải bảo đảm tính ổn định về chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ, tránh sự ra đi của nhân tài vì tìm đến một môi trường làm việc có cơ hội đãi ngộ cao hơn. Bên cạnh đó cần phải có chính sách mang tính đột phá trong đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân tài tại Việt Nam.

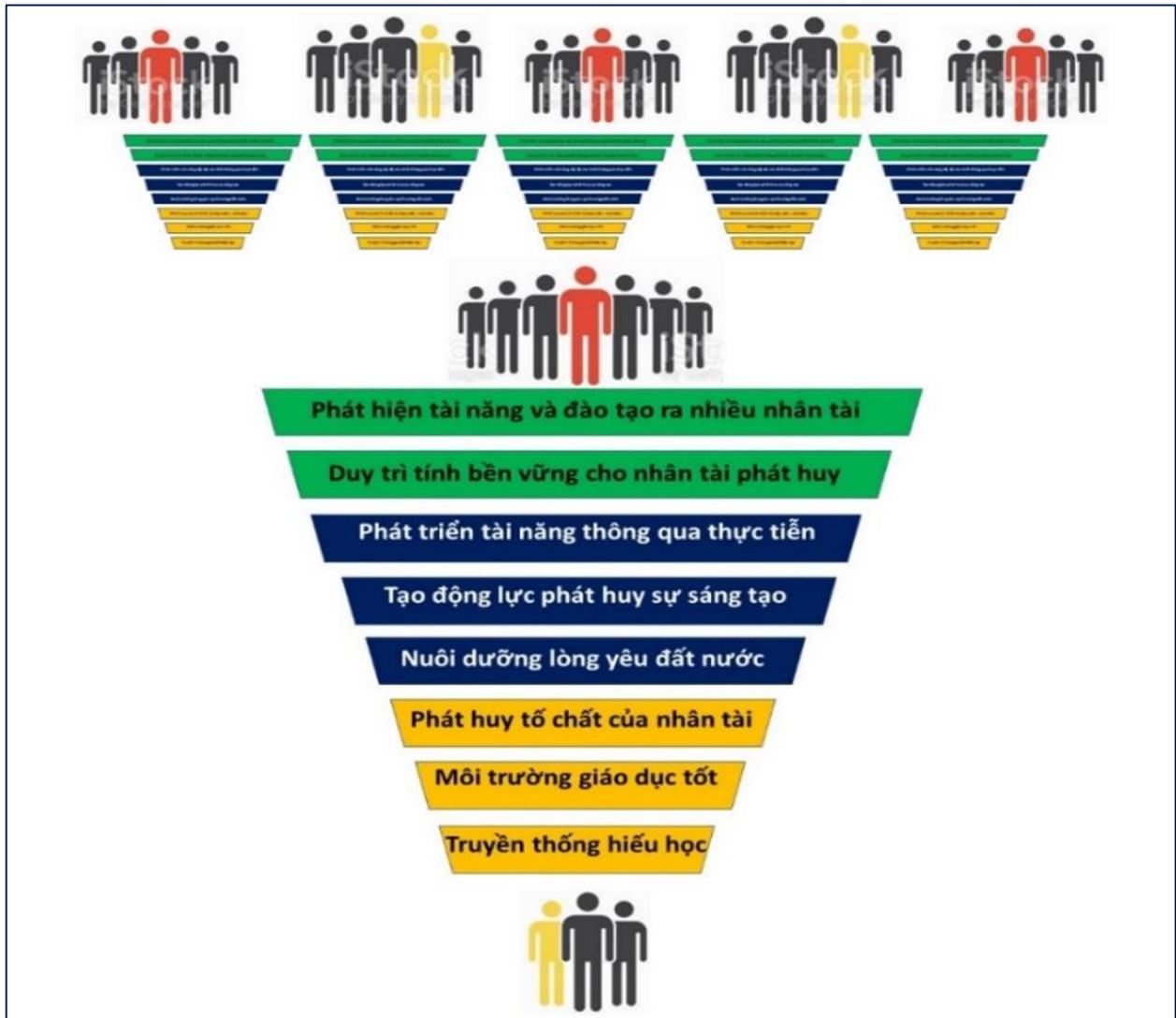
Mô hình tháp phát triển nhân tài “Vạn hoa”

Từ những quan điểm cá nhân và những đúc kết từ thực tiễn tại Việt Nam, sau nhiều năm học tập và nghiên cứu làm việc ở các quốc gia tiên tiến và sự tương tác thường xuyên trong môi trường làm việc chuyên ngành với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, tác giả bài viết đề xuất “Mô hình tháp phát triển nhân tài vạn hoa” để có thể đóng góp một giải pháp cho sự phát triển bền vững trong chính sách phát triển nhân tài của đất nước theo tinh thần đột phá của Nghị quyết 71-NQ/TW về phát triển giáo dục và đào tạo, đưa Việt Nam trở thành một quốc gia dồi dào về nguồn lực nhân tài, tiến đến có thể xuất khẩu nhân tài cho toàn cầu.

Trước hết cần phải ươm mầm cho sự phát triển tài năng của trẻ ngay từ tuổi học đường thông qua việc phát huy và duy trì truyền thống hiếu học trong cộng đồng, trong xã hội và từng gia đình trên cơ sở nền tảng của “xã hội học tập”, “học tập suốt đời” đã và đang được triển khai rộng khắp trên cả nước; đặc biệt mỗi gia đình luôn quan tâm đến việc giáo dục cho trẻ truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, lòng yêu quê hương đất nước.

Trên cơ sở đó, nhà trường các cấp sẽ nơi cùng với gia đình ươm mầm tài năng cho trẻ thông qua một môi trường giáo dục tiên tiến và tinh hoa, nhằm giúp thế hệ trẻ phát huy tài năng, năng khiếu ban đầu thông qua các hoạt động học tập và trải nghiệm; nhà trường cùng

với gia đình phải không ngừng phát huy các tố chất của trẻ trên mọi lĩnh vực và đặc biệt là tập trung vào bồi dưỡng những năng lực, năng khiếu đặc biệt: *“Mỗi trẻ em đều là một nhân tài chưa lớn, do vậy nhiệm vụ của gia đình và nhà trường là phải khai phóng những tiềm năng của trẻ, giúp trẻ sẽ trở thành nhân tài đóng góp cho cộng đồng và xã hội sau này”*.



Mô hình tháp phát triển nhân tài “Vạn hoa”.

Thầy cô giáo cũng phải là những người nuôi dưỡng, truyền cảm hứng, tạo động lực, khơi dậy tài năng tiềm tàng trong mỗi học sinh, sinh viên ngay từ rất sớm và tiếp tục bồi dưỡng và phát huy những tài năng ấy vì đây là yếu tố then chốt cho sự hình thành nhân tài trong tương lai. Sự hình thành nhân tài sẽ đến khi mà sự phát triển tài năng cấp độ cao nhất thông qua vận dụng những kiến thức tiêu biểu thu nhận được từ học tập, trải nghiệm nghề

ngiệp, vận dụng vào thực tiễn tạo ra những giá trị sản phẩm tập thể và cá nhân có ứng dụng hữu ích cho cộng đồng trên tinh thần phục vụ và chia sẻ.



Nhà trường các cấp sẽ nơi cùng với gia đình ươm mầm tài năng cho trẻ.

Sau cùng là sự phát triển của tài năng của mỗi một nhân tài không chỉ dừng lại ở việc đóng góp năng lực vượt bậc của mình để tạo ra một sản phẩm hữu hình hay phi vật thể có ích cho cộng đồng mà phải còn là nhiệm vụ phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ, ươm mầm và phát triển tài năng kế thừa, đào tạo ra những đóa hoa tài năng muôn màu sắc, đa dạng và phong phú như một “lăng kính vạn hoa” cho đất nước; đây có thể xem như là kết quả cao nhất trong tháp phát triển nhân tài từ nguồn lực con người của quốc gia.

Để cho nhân tài có thể đóng góp một phần vào thực hiện được một số mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cần phải thể chế hóa việc đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài để bảo đảm duy trì tính ổn định và bền vững của nguồn lực nhân tài hiện có và tương lai; phát triển và hình thành các “nhóm tài năng”, câu lạc bộ nhân tài, tạo điều kiện và động lực cho nhân tài phát hiện tài năng mới, tạo sự kế thừa tài năng thông qua việc đào tạo các thế hệ trẻ phát huy tài năng cá nhân ở mức cao nhất, phục vụ cho sự phát triển của của cộng đồng và của đất nước.

Thu hút, trọng dụng và đãi ngộ “nhân tài” vừa là cơ hội vừa là thách thức cho mỗi quốc gia trong việc tận dụng nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển kinh tế xã hội, đưa đất nước trở thành quốc gia tiên tiến.



Phát triển và hình thành các “nhóm tài năng”, câu lạc bộ nhân tài.

Việc xây dựng cơ chế chính sách tối ưu về thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, sẽ tạo ra sự đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao, đóng góp vào việc hiện thực hóa mục tiêu của Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tài năng luôn ẩn chứa trong mỗi con người và đặc biệt là trong mỗi con người Việt Nam, do vậy các quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 71-NQ/TW tạo động lực cho việc đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài từ nguồn lực con người Việt Nam trong và ngoài nước, nguồn lực nhân tài từ các nước trong khu vực/toàn cầu đến đóng góp cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới./.

Khái niệm về “nhân tài” đã xuất hiện từ rất lâu trong nền văn minh nhân loại; nhưng hiện nay chưa có một định nghĩa thống nhất về nhân tài giữa các quốc gia.

Một số khái niệm về nhân tài thường được các nước sử dụng: “*Nhân tài là những người thường xuyên thể hiện năng lực đặc biệt và có những thành tích đặc biệt trong một lĩnh vực chuyên môn hẹp và chuyên sâu, trong một số hoạt động thực tiễn đem lại những thành tựu, hiệu quả cao và thiết thực cho cùng lĩnh vực chuyên ngành hoặc cho cộng đồng*”; “*Nhân tài là những người có tri thức hoặc kỹ năng chuyên môn cao, có năng lực lao động sáng tạo cao và có những đóng góp hữu ích cho xã hội*”; “*Nhân tài là người có tri thức, là người lao động có tố chất và năng lực cao trong nguồn nhân lực*”...

Tại Việt Nam, khái niệm về nhân tài được cho rằng “*Nhân tài là những người có tài năng, năng lực vượt trội ở một lĩnh vực nào đó: kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học... và có đóng góp cho xã hội*”; “*Nhân tài là người có năng lực cao để có thể đưa ra những ý tưởng mới có hàm lượng sáng tạo và hiệu suất ứng dụng cao nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn hoặc nhằm hoàn thành xuất sắc một số nhiệm vụ nhất định trong một ngành, một chuyên ngành, một lĩnh vực cụ thể*”.

Tuy nhiên bên cạnh những yêu cầu về năng lực nổi trội, thành tích vượt bậc trong một lĩnh vực cụ thể, được xã hội và cộng đồng chuyên môn thừa nhận, nhân tài cần hội tụ phẩm chất đạo đức, lý tưởng và tinh thần cống hiến cao đẹp, có khả năng tạo ra giá trị đặc biệt cho sự phát triển của cộng đồng và đất nước.

Tác giả: Văn Hiền
Ngày đăng: 15/9/2025

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

**5 QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO MANG TÍNH ĐỘT PHÁ VÀ
TÂM NHÌN THỜI ĐẠI CỦA NGHỊ QUYẾT 72-NQ/TW**

Phóng viên Báo Nhà Báo & Công Luận đã có cuộc trao đổi với GS.TSKH.BS Dương Quý Sỹ, Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục & Phát triển nhân lực, Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Y học Giác ngủ Châu Á, xoay quanh những điểm đột phá của Nghị quyết 72-NQ/TW về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.



GS.TSKH.BS Dương Quý Sỹ cùng Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai Nghị quyết Trung ương.

+ GS có thể chia sẻ ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm sóc sức khỏe nhân dân và sự kế thừa tư tưởng đó trong Nghị quyết 72-NQ/TW của Bộ Chính trị hiện nay?

- Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi sức khỏe là vốn quý của mỗi người và của cả dân tộc. Người khẳng định: có sức khỏe mới xây dựng được đất nước, mỗi người dân khỏe mạnh thì cả dân tộc mới vững mạnh. Người cũng nhấn mạnh chăm sóc sức khỏe nhân dân là trách nhiệm của Đảng, Chính phủ, ngành y tế và toàn xã hội; thầy thuốc phải như mẹ hiền, hết lòng vì người bệnh.

Trên nền tảng tư tưởng ấy, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được Đảng, Nhà nước và ngành y tế chú trọng, đạt nhiều thành tựu quan trọng. Trong bối cảnh mới, khi đất nước bước vào giai đoạn hội nhập và phát triển mạnh mẽ, yêu cầu bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân được đặt lên tầm cao mới. Đây cũng chính là cơ sở để Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 về “một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân”.

Nghị quyết nhấn mạnh xây dựng hệ thống y tế công bằng, nhân văn; lấy con người làm trung tâm, dự phòng làm trọng yếu và cơ sở làm nền tảng, hướng tới mục tiêu mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe, “khỏe để học tập, làm việc, hạnh phúc và bảo vệ Tổ quốc”.

+ Theo GS, những quan điểm chỉ đạo nào mang tính đột phá và thể hiện tầm nhìn thời đại trong Nghị quyết 72-NQ/TW?

- Nghị quyết 72-NQ/TW khẳng định sức khỏe là vốn quý nhất của dân tộc, là nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Công tác chăm sóc sức khỏe không chỉ của ngành y tế mà là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị và xã hội, với người dân vừa là trung tâm thụ hưởng, vừa là chủ thể tham gia. Quan điểm này thể hiện tư duy đột phá, đặt công bằng, tiếp cận y tế và xây dựng văn hóa sức khỏe lên hàng đầu, được Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh.

Nghị quyết 72-NQ/TW nhấn mạnh chuyển trọng tâm từ chữa bệnh sang phòng bệnh, quản lý sức khỏe theo vòng đời – một bước tiếp cận hiện đại, bền vững, giúp giảm gánh nặng bệnh tật và nâng cao tuổi thọ. Y tế dự phòng, cơ sở và y học cổ truyền được coi là nền tảng; trạm y tế xã trở thành điểm tựa chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tổng Bí thư Tô Lâm cũng

khẳng định vai trò then chốt của mạng lưới bác sĩ gia đình trong chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, gắn kết với các mô hình cộng đồng, phù hợp xu hướng quốc tế.

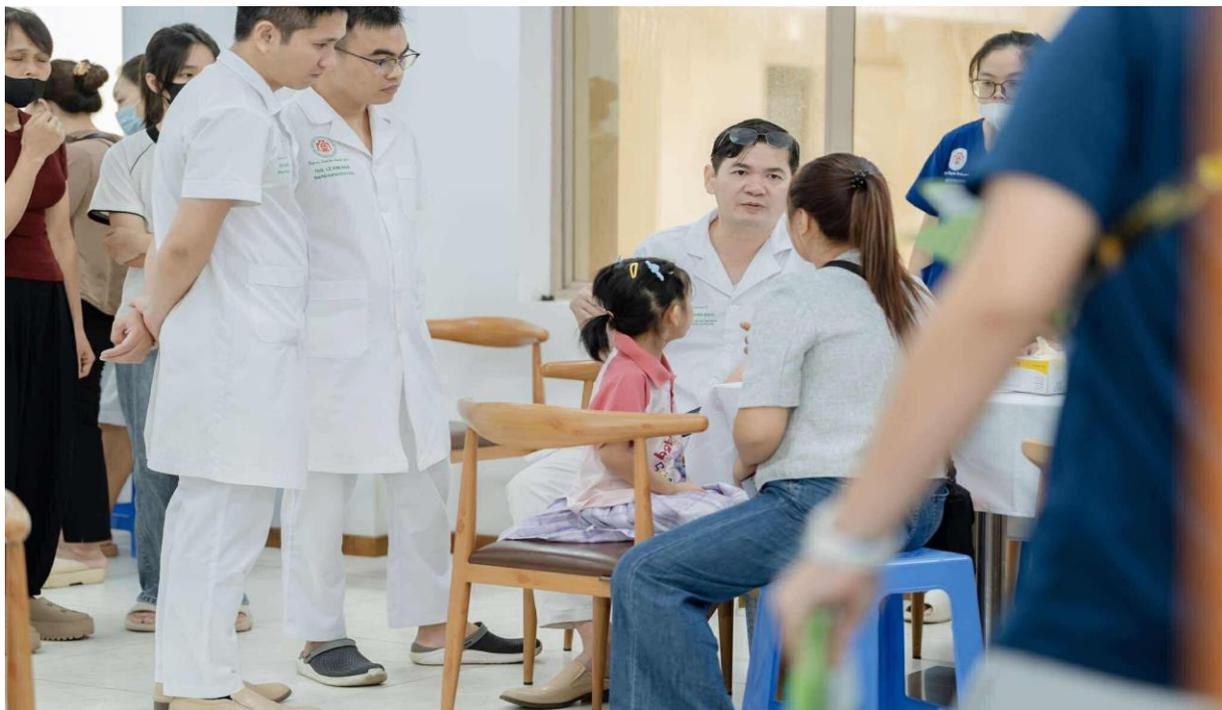


Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: mục tiêu của Nghị quyết 72-NQ/TW là xây dựng một hệ thống y tế công bằng, nhân văn, hiện đại.

Nghị quyết 72-NQ/TW nhấn mạnh đột phá về tài chính y tế: bảo hiểm y tế toàn dân bền vững, miễn phí dịch vụ khám chữa bệnh cơ bản, giảm gánh nặng cho người dân đặc biệt nhóm yếu thế.

Đồng thời, nghị quyết khuyến khích chi trả theo giá trị, nâng cao chất lượng bệnh viện và tháo gỡ vướng mắc tài chính. Song song, hệ thống y tế tư nhân được tạo cơ chế thuận lợi để huy động tối đa nguồn lực xã hội, đi kèm quản trị minh bạch, pháp lý chặt chẽ, hướng tới nền y tế hiện đại và công bằng.

Nghị quyết 72-NQ/TW nhấn mạnh đột phá trong gắn kết khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nhân lực y tế. Nội dung bao gồm quản trị hồ sơ sức khỏe điện tử, kết nối đơn thuốc và bệnh án số, khám chữa bệnh từ xa, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đồng thời chuẩn hóa năng lực, nâng cao y đức và chế độ đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ y tế. Đây là hướng đi nhằm hiện đại hóa hệ thống y tế, bảo đảm minh bạch, thuận tiện và an toàn cho toàn dân.



Công tác y tế gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao chất lượng dân số và hội nhập quốc tế.

Các quan điểm chỉ đạo mang tính đột phá của Nghị quyết 72-NQ/TW khẳng định quyết tâm chính trị cao của Bộ Chính trị và người đứng đầu là Tổng Bí thư Tô Lâm, sự đồng lòng thống nhất của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị, hướng đến mục tiêu xây dựng một hệ thống y tế Việt Nam hiện đại, công bằng, nhân văn, một “nước Việt Nam khỏe mạnh” và phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ hội nhập toàn cầu.

Tác giả: Văn Hiền
Ngày đăng: 18/9/2025

NHÀ BÁO &
CÔNG LUẬN
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM